

Tác Giả và Tác Phẩm

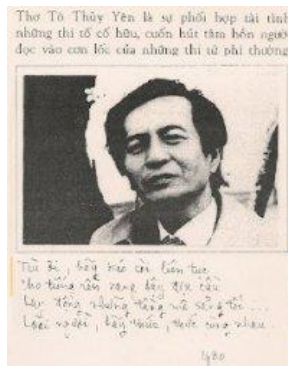
Tô Thùy Yên (I)

Tiểu sử

Tên thật: Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp, Gia Định.

Tác phẩm

Thơ tuyển (1995)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Con đường bè bạn – Phan Lạc Phúc – 2

Thơ Tô Thùy Yên, quán trọ hồn đông-phương – Nguyễn Vy Khanh – 8

Tô Thùy Yên, thi sĩ lớn của Nhóm Sáng Tạo – Viên Linh - 18

Nói về thơ, người làm thơ và người đọc thơ – Tô Thùy Yên – 20

Trường Sa hành của Tô Thùy Yên – Nguyễn Hưng Quốc – 25

Ngựa phi đường xa – Đặng Tiên - 28

Tô Thùy Yên, thời gian, tồn tại, cô đơn và đá – Thụy Khuê – 36

Thi sĩ, kẻ nhuộm bệnh thời khí trước tiên...- Phan Nhiên Hạo – 43

Tâm thức khuất dạng của thơ - 46

Phụ đính

Đăng tử - Nguyễn Hưng Quốc – 52

Giấc mơ không dứt đó của thần linh - Nguyễn Tà Cúc - 56

Tô Thùy Yên - Thu Tứ - 62

Mường Mán - 78

Đọc Trường Sa Hành của Tô Thùy Yên - Nguyễn Thị Thảo An – 85

Nói chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên - Nguyễn Mạnh An Dân – 90

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

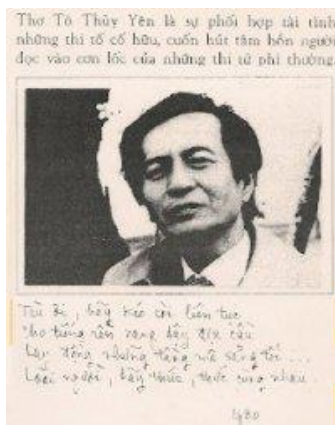


Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên sinh năm 1938 tại Gò Vấp, Gia Định, học qua Petrus Ký và Đại Học Văn Khoa Sài Gòn cấp bậc Thiếu Tá trong quân đội Miền Nam trước 1975. Tô Thùy Yên lập gia đình với vợ chánh là bà Huỳnh Diệu Bích.

Còn có thời gian chung sống và có mấy con với nhà văn nữ Nguyễn Thị Thụy Vũ. Sau 1975 Tô Thùy Yên ở tù gần 13 năm. Cùng bà Huỳnh Diệu Bích sang Mỹ theo diện cựu tù nhân chính trị. Mất tại Houston ngày 21-5-2019.

Tô Thùy Yên, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, cùng với các họa sĩ Duy Thanh, Ngọc Dũng, là những người nòng cốt của nhóm Sáng Tạo. Một nhóm sáng tác đã từng được biết đến với phong trào khai sinh "Thơ Tự Do" trên văn đàn Miền Nam vào thập niên 1960.

Cả hai tập thơ *Tuyển Tập Thơ Thùy Yên* (1995) và *Thấp Tọa* (2004) đều được xuất bản ở Hoa Kỳ sau khi ông đi tỵ nạn chính trị tại quốc gia này vào năm 1993.



Con đường bè bạn Phan Lạc Phúc

.....
Tô Thùy Yên 7 tháng liền trong kiên giam tâm sự với đàn muỗi râm ran, con thằn lằn uể oải, lũ dán hôi tanh, con nhện vô tư và bức tường câm nín:

Ta khắc khoải chờ nghe
Những tiếng động của người
Tiếng động nào bất kể
Đột phá những trùng vây điếc đặc muỗi râm ran ...

Ta nhìn theo
Mấy con thằn lằn uể oải
Lũ dán lào xào
Con nhện bỏ trống lưới giăng ...
Ta nhìn lên những giòng chữ trên tường
Viết bằng gạch, bằng than và hình như bằng cả máu ...

Các bạn tù Thanh Chương đọc thơ Tô Thùy Yên, Hà Thượng Nhân vanh vách. Như vậy là 7, 8 năm nay tôi chưa gặp lại các bạn mà chỉ gặp “tiếng nói” của các bạn. Tôi không có duyên gặp bạn trong tù. Có lúc năm 1979, 1980 ở trại Tân Lập (Vĩnh Phú) tôi ở K1, Thanh Tâm Tuyên ở K2, không gian chỉ cách nhau vài cây số mà không gặp được nhau bao giờ. Có lúc bà cụ thân sinh TTT từ trong Nam lặn lội ra thăm – bạn còn nhờ người đem sang cho tôi ít thuốc lào và một bài thơ tặng PLP. Nhà thơ Tự Do chủ lực của Sáng Tạo lại làm chuyện lạ cho tôi một bài thất ngôn, bát cú. Tôi giữ bài thơ này như một kỷ niệm riêng. Bạn tôi lúc đó làm ở đội chăn nuôi, hằng ngày phải lên đồi gánh lá sắn về băm ra nuôi cá trắm. Đi làm qua khu ao cá xa xa, tôi có lúc nhớ bạn quá đã hú lên một tiếng để xem may ra có tiếng trả lời – Nhưng tiếng hú của tôi tan vào thinh không; cán bộ quản giáo nhìn tôi trừng mắt ... Bạn tôi lúc đó chắc đang bận “bầm nát ân tình đều nhíp dao” (thơ Thanh Tâm Tuyên).

Nghe thơ các bạn, tôi vừa buồn vừa vui. Buồn là không có bạn tâm tình ở bên. Vui là chưa gặp nhưng thơ như thế chắc các bạn tôi còn khỏe ít ra về mặt tinh thần. Vui hơn nữa là nghiệp làm thơ của các bạn ở trong tình trạng “luyện ngục” như vậy mà thơ vẫn được tôn vinh. Thơ làm ra là để đọc, để cảm thông, để chuyển tải ... Thơ không ai đọc, không ai nghe, không ai hiểu ... thì chẳng bao lâu nó sẽ “chết trong long mộ tối”. Cho đến lúc ấy (1983) theo tôi hai bạn Tô Thùy Yên, Hà Thượng Nhân làm thơ bao nhiêu năm nay, thơ bao nhiêu người thuộc ... mà các bạn chưa từng xuất bản một tập thơ nào. Như vậy là các bạn không in thơ lên giấy trắng, mực đen mà in vào tâm hồn mọi người. Không phải người làm thơ nào cũng được “tuyên dương” như thế. Hôm ấy có bài Mùa Hạn của Tô Thùy Yên rung động toàn thể an hem. Bài thơ như một bản “đại cáo” của lưu đày tù tội. Mùa hạn không riêng cho nông dân – mà mùa hạn của kiếp người.

Nơi đây khô hạn thực phẩm, khô hạn tình thương. “Lịch sử lên cơn dữ lạ thường” khiến cho “máu bung từ mỗi lỗ chân lông, cái chết tru rân giờ nguyệt tận”. Thiên nhiên cũng úa vàng khắc khổ - cây đa già râu tóc, trụ lá trợ cành cây cỏ lụi tàn, bậc hiền nhân quyền sinh ngoài động đá. Ngày tận thế đã điểm rồi chẳng? Nhưng không – theo cái lẽ biến dịch thông thường – hay là theo cái vòng chu chuyển “nước đi ra biển lại mưa về nguồn” nên một ngày kia có cơn mưa tái tạo. Mưa rơi như một sự hồi sinh, mưa gột rửa đau thương, mưa làm mọc lên những nhánh non lá mới, mưa là nguồn suối yêu thương chảy từ đầu non tới biển.

Mưa ôm choàng đất khóc thương mong
Mưa báo tin vui chạy khắp đồng
Mưa đuổi bắt gào reo hơn hồ
Mưa mừng trẩy hội nước trăm sông ...

Ông lão mù lòa ra trước hiên
Nghe mưa cũng ngược mắt nhìn lên
Má nhăn bỗng sáng hai hàng lệ
Ông hiểu ra rồi lẽ biến thiên

Người làm thơ lưu đầy được lịch sử tha, một sớm trở về quê cũ. Đây là giấc mơ của người tù biệt xứ hay là câu chuyện sẽ phải xảy ra. Chưa biết được nhưng ít khi đọc xong một bài thơ mà tâm hồn con người được an ủi vỗ về như thế, được nhuần thấm một sự yêu thương đậm đà như thế:

Nhóm lên bếp lửa đêm trừ tịch
Hát với nhau vài điệu hát vui
Nâng chén uống mừng ta sống sót
Chợt nghe nông lệ tự đâu rơi

Lòng ta nay vẫn lòng ta trước
Vẫn chảy về con nước thừa nào
Sợi tóc mai kia dù có rụng
Ba sinh còn để nhớ cho nhau

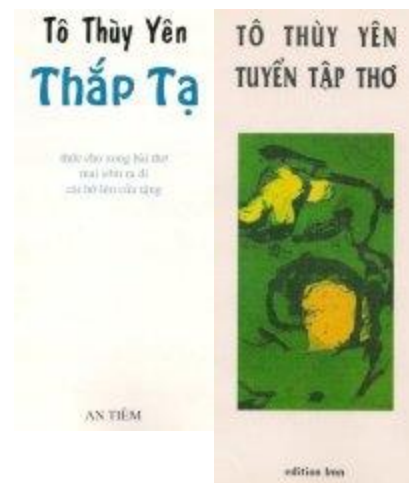
Đất trời không có chi còn mất
Ta bước ra thân đón tuổi già
Trước mắt ta còn trăm thứ việc
Sửa nhà, chăm sóc lại vườn hoa

Những ai hôm trước từng gây tội
Hãy lắng tâm tha lấy lỗi mình
Tự tại, thời gian chôn chính nó
Đòi lên lại mãi tựa bình minh

Sẽ lo chẳng những cho người sống
Lo cả cho người khuất mặt kia
Quen lạ bạn thù chung giấc ngủ
Chung lời thương tiếc khóc trên bia ...

Người tù trở về, sau khi đối mặt với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, sự tàn bạo của con người đã nhận ra rằng, giòng chảy chính của cuộc đời, sự cứu rỗi của con người chính là sự yêu thương không phải là thù hận – Bình minh của cuộc sống là ở đó. Tìm ra được điều này, không phải nhờ vào tài năng của Tô Thùy Yên mà chính nhờ vào tâm hồn lớn lao (grandeur d'âme) của tác giả. Đây là bản hùng văn của một cuộc đời. Nhưng trong cuộc đọc thơ hôm ấy, nhiều người trong đó có tôi không được hoàn toàn thỏa mãn. Bài thơ quá dài, quá hay mà anh em Thanh Chương không ai thuộc được hết. Người nhớ đoạn này, người nhớ đoạn kia. Bài thơ đó đi theo tôi hoài như một tấu khúc còn dang dở (Symphonie inachevée).

Đạo đầu năm 85 được về, trên con đường bê bạn tôi có lúc đã định rẽ vô thăm nhà bạn Tô Thùy Yên. Từ Hóc Môn lên, qua chợ Gò Vấp tới một cái cầu có ống dẫn nước lớn đen to nằm dài trên đó giống như một con rồng đất rồi tới một ngã ba có những viên sỏi đỏ sậm của đá ong khô, đó là lối vào nhà Tô Thùy Yên. Từ thập niên 60 tôi đã nhiều lần đến đây bù khú với bạn. Nhưng bây giờ về, đến thăm cảnh cũ người xưa, thấy lạ. Những bụi cúc tàn xanh tốt dẫn lối hai bên đường, đôi khi có những sợi tơ hồng vàng



óng, vương vất bên trên ... không còn nữa. Nhà cũ của Tô Thùy Yên có cây vú sữa lớn. Khu gia viên nằm trong vùng cây lá thâm u ... bây giờ không thấy cây vú sữa đâu. Bất giác tôi nhớ Nguyễn Gia Thiều “Phong trần đến cả sơn khê, Tang thương đến cả hoa kia cỏ này”. Tôi ngần ngại trước sự đổi thay nên đã tới nhà mà không vào. Tôi biết bạn tôi chưa được về. Mình vô nhà hỏi thăm, có khi lại làm cho gia đình bạn thêm nghĩ ngợi lo lắng cho người vắng mặt.

Nhưng đến hồi cuối năm 85, người làm thơ biệt xứ Tô Thùy Yên được về - Lúc ấy trời đã sang thu thì phải. Bố con tôi đã phải mặc áo ấm trên con đường tỉnh lộ sào xạc heo may. Khi tôi đi cải tạo con gái út tôi mới có 5 tuổi. Khi tôi về nó đã 15 tuổi bắt đầu thiếu nữ. Các anh chị nó “vượt biên” hết cả chỉ còn nó ở lại với “mẹ cháu” đợi tôi. Khi tôi về, nó theo tôi đi chơi tha thẩn. Ở Hóc Môn nó không có bao nhiêu bạn. Nó theo tôi lên Sài Gòn chơi với Tr. T con gái Thanh Tâm Tuyên, hay “đi chợ” với chị Ch. Con gái bác Hà Thượng Nhân. Thôi thì bố chơi với bố, con chơi với con cũng là phải đạo. Chưa được gặp nhưng con tôi nó muốn gần chị G. con gái đầu của Tô Thùy Yên, học thật giỏi. Trong một xã hội xã hội chủ nghĩa (không có giai cấp) nhưng khi thi vào Đại Học có 15 thứ hạng. Ưu tiên hạng 1, 2, 3 thuộc gia đình cách mạng hay “chính sách” thì thi ba bài từ 7 điểm trở lên đã được “chiếu cố” vô Đại Học rồi. Con cái “ngụy quân” như con chúng tôi đứng hạng thứ 14 áp chót (hạng chót là gia đình phản động, phản cách mạng). Khi bố đi tù cải tạo về rồi thì lại lên được một hạng, hạng 13. Con cái ngụy quân muốn vô Đại Học phải đạt 21 điểm, gấp 3 số điểm gia đình chính sách thì mới vô Đại Học được. G. con gái đầu ông bà Tô Thùy Yên thừa điểm vào Y Khoa. MT con tôi, Tr.T con Thanh Tâm Tuyên và H. con trai Tô Thùy Yên chúng nó cùng học lớp 10. Mấy đứa nhỏ chắc đều suy nghĩ: Ở đây nếu muốn sống cho ra sống thì chỉ còn có cách làm như chị G.

Hơn 10 năm gặp lại bạn ... thấy bạn già đi (tất nhiên rồi) mà chắc bạn thấy tôi cũng vậy. Hình như bạn có khuyết một vài cái răng thì phải, cái cười hơi trống vắng. Nhưng khóe mắt vẫn còn nồng ấm và bắt tay thật chặt. Tôi nói “đây là khách cũ ... đến xem bạn làm được bao nhiêu việc rồi?” (Trước mắt ta còn trăm thứ việc, sửa nhà chăm sóc lại vườn hoa). Tô Thùy Yên cười cười mà nói “Hãy cứ từ từ nhưng mà bây giờ thì phải làm ngay việc này”. Anh chỉ tay vào một cuốn sách dày trước mặt. Tưởng bạn dịch sách (nhớ ngày xưa bạn có dịch thật kỹ cuốn *Phận người* (*La condition humaine của André Malraux*) nhưng khi tôi cầm sách lên xem thì đó lại là một cuốn sách Y khoa bằng tiếng Pháp. Anh nói mình về vừa đúng lúc. Phải giúp con nhỏ G ... cho nó kịp học hỏi và nghiên cứu”.

Tôi có nói với bạn về bài thơ Mùa Hạ mà tôi không có đủ. Nhưng anh nói rằng bản thân anh cũng không nhớ hết. Con đồng đã trắng rồi đâu còn nhớ những gì mình đã nói ra. Nhưng bữa ấy Tô Thùy Yên đưa tôi đọc bài Ta về - bài thơ vừa mới làm xong khi thi sĩ lưu đày vừa trở về nguyên quán:

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cám ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi

Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này ...

Thật ra tôi đọc thơ Tô Thùy Yên đã lâu. Giữa thập niên 50 khi Sáng Tạo bộ cũ ra đời với những bài Cánh đồng, con ngựa chuyến tàu hay Thân Phận của Thi Sĩ. Lúc ấy ảnh hưởng của văn học Pháp đối với miền Nam còn nồng đậm. Đây là thời buổi của Buồn nôn (La nausée – J.P.Sartre) của Kẻ lạ (L'Etranger – A. Camus) hay Phận người (La condition humaine – André Malraux). Sự hiểu biết của tôi về văn học Pháp rất là hạn chế nhưng tôi có cảm tưởng rằng thời kỳ thập niên 50, 60 là thời kỳ xâm lăng của triết học vào văn học. Những đặc trưng thường thấy của thơ, của tiểu thuyết, của truyện ngắn đã bị xóa nhòa đi. Thay vào đó là những vấn nạn triết học hay những thắc mắc siêu hình. Để làm gì? đi đến đâu? tự do hay không tự do – phi lý hay hữu lý? Sống và nghĩ như thế nào cho phải? Người ta không đi tìm những nguyên nhân gần gũi mà đi tìm những căn do đầu tiên và cuối cùng của sự vật. Tô Thùy Yên là một người đọc sách chuyên cần. Cái ý thức trong sáng của tinh thần nhị nguyên đã phóng ra những cái nhìn chinh phục. Con ngựa (trong Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu) phải chăng là một cố gắng nhằm đo đạc ngoại giới.

Có đọc được thánh thư
Linh hồn tôi vẫn vậy
Tôi vẫn không thể lạ
Dù đứng trước hư vô
Đầu tôi cứng và trơn
Thượng Đế làm sao ngự
Tôi đành trốn chủ nợ
Định mệnh đòi linh hồn
Thượng Đế điềm nhiên lạ
Tôi đánh liều cười khan.
(Thân phận thi sĩ)

Bài thơ mang giọng thách thức của Nietzsche – dâng quang cho một cái ta Kiêu hãnh. Đây là thời kỳ Tô Thùy Yên muốn trở nên một thứ “Vương tôn miền trí tuệ”. Tôi đã cảm phục, đôi khi sợ hãi những bài thơ ấy – nhưng thành thật mà nói tôi không yêu chúng. Sự cảm nghiệm một bài thơ, theo tôi, nó tùy thuộc vào tâm cảnh của từng người. Tôi là một anh học trò nhà quê ra tỉnh, tâm hồn còn vương vấn với lũy tre xanh, đình chùa, miếu mạo, căn nhà tổ, họ hàng làng nước, bờ mương, ao cá. Dù đã cố gắng lắm tôi vẫn không làm sao hiểu được “Tha nhân là hỏa ngục” của J.P.Sartre. Tôi rất sợ mình là “khách lạ” – và điều tôi ao ước là được đến gần, được làm thân, chia sẻ với mọi người. Cái “hội u minh” thời ấy là một phong trào. Hoàng tử bi thương hay nhà thơ bị trừ ếm (poète maudit) Đinh Hùng muốn đi khỏi cuộc đời này về miền nguyên thủy: “Thèm ăn một chút hương man dại – và ngủ như loài muông thú kia”. Vũ Hoàng Chương, bậc thi bá của làng thơ tiền chiến cũng bỏ thơ Say, thơ Mây nêu lên một bản khoán triết học:

Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về ...

Tô Thùy Yên ngay từ thuở ban đầu đã nghiêng về những điều thảm lặng lớn, mưu đồ đo đạc cả vô biên “ta về tắm lại goings sông cũ, truy tầm mê mỗi lý sơ nguyên – Tô Thùy Yên đã rất già khi còn trẻ. Già ở đây là già về tư tưởng, nên trong thơ của anh người ta thấy thiếu vắng sự lãng mạn, không có những ni non kể lể về một cuộc tình. Không có Kim Trọng, Thúy Kiều, cũng không có Paul và Virginie.

Vào khoảng giữa thập niên 60 có một việc, nhỏ thôi nhưng đã làm thay đổi Tô Thùy Yên. Anh bắt đầu đọc Đường Thi. Yên là một người ưa thích sự toàn hảo (gout du parfait). Anh không bằng lòng với những bản dịch. Yên muốn đọc thơ Đường bằng nguyên tác và Tô Thùy Yên học chữ Nho. “Học cho vui, chơi vậy mà”. Xuống Gò Vấp, thấy Tô Thùy Yên viết chữ Nho rất đẹp. Và đột nhiên tôi được đọc một số bài thơ mang phong cách nhất nguyên của Đông Phương. Đọc thơ trước đây của Yên người ta thấy phảng phất St J.Perse – hoặc Valery – bây giờ thấy Tô Thùy Yên “Quy khứ lai tử” như Đào Tiềm quay về nơi bản trạch. Bài thơ không còn vẻ kiêu hãnh của một ý thức chinh phục mà mang vẻ ngậm ngùi chấp nhận:

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Bãi bùn tro trên thủy triều lui
Con còng ẩn nhẫn bò quanh quần
Càng nhẹ tênh hênh cõi ngậm ngùi.

Tại sao lại có con còng ở đây? Con còng làm liên tưởng đến con dã tràng ngoài bờ biển. “Dã tràng xe cát biển Đông – nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì?” Phải chăng đã đến lúc Tô Thùy Yên nhận ra sự hạn chế của kiếp người, có những miền “bất khả tri” mà trí lự con người chưa với tới được. Về nơi bản trạch đối với Tô Thùy Yên có nhiều ý nghĩa. Cái nhà của Yên ở Gò Vấp là nhà tù đường bao nhiêu đời ở đấy? Cái nhà không đơn thuần là một “dụng cụ” để ở, mà nó là một phần đời ta, là chính ta. “Cái nhà là nhà của ta – ông cố ông sơ làm ra” nên cái nhà cũng như cái vườn, cái ngõ đều là sự tích yêu thương, là những liên hệ mà ta không làm sao dứt bỏ được. Về nơi bản trạch về nơi quê nhà (phải chăng le Royaume trong l’Exil et le Royaume mà Camus mơ tưởng cũng nằm trong nghĩa đó) đã dạy ta một điều: cái mà ta tưởng nó là cái không ta (le non moi) lại chính là ta. “Mình với ta tuy hai mà một – Ta với mình tuy một mà hai”. Cái nhìn nhất nguyên nơi Tô Thùy Yên đã làm cho thơ anh từ đó về sau yêu thương hơn, thấm đượm hơn nhiều.

Nhưng có lẽ những năm tù cải tạo đã giúp chúng ta nhìn rõ cuộc đời hơn. “Ví thử cuộc đời bằng phẳng cả” chúng ta chưa chắc nhận ra chuyện ấy. Những chuyện nhỏ nhặt nhưng có giá trị rất cao. Không đi tù, không thường xuyên đói khát chúng ta làm sao biết được hạt cơm nó quý như thế - không xa vắng cửa nhà, chúng ta làm sao hiểu được cái thấm thiết trong vòng tay vợ, cái âu yếm trong cái hôn con. Người tù lưu đày, ngày trở về cảm ơn trời đất, cảm ơn vợ con, cảm ơn hoa, cảm ơn lá cỏ.

Ta nhìn lá cỏ long mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân ...

Tôi đi về nhà có mang theo “Ta về”. Tôi đọc thơ bạn cho nhà tôi nghe:

Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đá trở bong
Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông
Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nổi mừng ràn rụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Từ kiếp nào xưa tưởng lạc nhau
Ta về dẫu phải đi chân đất
Khấp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát

Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm

Đọc đến đoạn này, nhìn lên thấy nhà tôi đã nhạt nhòa nước mắt.

Cuối năm 1990, ngày thứ sáu 13 tháng 10. Ngày xấu “đi chơi cũng thiệt lọ là đi đâu”. Tôi quanh quẩn ở trong nhà. Chợt có tiếng xe Honda thắng xiết trước chiếc cầu nhỏ, bắc qua con lạch vào căn nhà Hóc Môn của tôi. Nhìn ra thấy H. con trai Tô Thùy Yên đang hấp tấp dắt xe vào. Tôi chạy ra, thấy vẻ hốt hoảng của H. nên vội hỏi “có chuyện gì vậy cháu? – “Bố cháu vừa bị bắt rồi” – H. thắng thốt nói tiếp: “Trước khi lên xe công an, bố cháu nói nhỏ: đi báo các bác nên cháu vội chạy lên đây”. Nhà tôi bảo H. ở lại ăn cơm cái đã nhưng H. nhất định ra về “Để cháu phải đi ngay cho kịp vài nơi nữa ...”
Như vậy là Mùa Hạn – Ta về thơ Tô Thùy Yên – Tâm sự với Bạch Cư Dị thơ Hà Thượng Nhân – Bài hát Tự Do – Trăng tù – thơ Thanh Tâm Tuyền, một bài từ của bạn già người viết sử Lam Giang cùng với một số bài viết của tôi đã được “phản thư” ngay chiều hôm đó. Lúc này Thanh Tâm Tuyền cũng như Hà Thượng Nhân đã HO đi Mỹ. Bạn bè thân thiết gần đây chỉ còn Tô Thùy Yên. Bây giờ bạn ta bị bắt rồi. Bao giờ bao giờ gặp bạn ta trở lại.

(Khởi Hành số 26 Tháng 12, 1998)

Thơ Tô Thùy Yên, quán trọ hồn đông-phương Nguyễn Vy Khanh

*Quand les mythologies s'effrondent,
c'est dans la poésie que trouve refuge le divin;
peut-être même son relais
(Saint-John Perse)(1)*

Từ những bài thơ đầu trên tạp chí *Sáng-Tạo* năm 1956-57, Tô Thùy Yên (sinh năm 1938) đã quan niệm nhà thơ là kẻ sĩ, là người chép sử, với một cái Tôi dẫn thân và có trách nhiệm:

*"Tôi là Tô Thùy Yên là thi sĩ là người chép sử tương lai
Vốn học hành dang dở nên đứng bờ cuộc đời ngó xuống hư vô..."*
(Tôi, *SángTạo*, 11, 8-1957)

Nhà thơ tự nhận trách nhiệm, một cách nghiêm chỉnh, hết mình: "... Tôi giựt giành đổ máu với tôi / Từng chữ một / Những tên cai ngục / Ngôn ngữ bất đồng / Với thứ linh hồn quốc cấm, / Tôi tù tội chung thân / ... Bài thơ bỗng mất nửa linh hồn / Ngủ ngờ ngôn ngữ ngổn ngang / (...) Để làm gì ý thức? / Tôi van nài tôi hãy xót thương tôi ..." (Thi Sĩ, tr. 9, 11).

Vì sáng tạo, nhà thơ có lúc tỏ ra cương nghị: "... Có đọc thuộc thánh thư / Linh hồn tôi vẫn vậy / Tôi vẫn không thể lạy / Dù đứng trước hư vô..." (Thân Phận Của Thi Sĩ). Tôi, Ta thay đổi hình như có ý nghĩa một khẳng định. Thời đầu trên *Sáng-Tạo* ông khẳng định Tôi, một cái Tôi hiện sinh, trí thức mới tìm thấy trên đường lần về thi ca tượng trưng. Ta đến sau đó, Ta của Chiều Trên Phá Tam Giang, của Mùa Hạn, Ta Về (Ta về như hạc vàng)! Sau 1971, thơ vương vẫn những thắc mắc siêu hình: Trường Sa Hành,

Bất Tận Nỗi Đòi Hung Hãn Đó, Và Rồi Tất Cả Sẽ Nguôi Ngoai và các bài Quĩ Xương Thi khác, thì cái Ta rõ nét hơn, trưởng thành hơn trong hành trình tri thức vũ trụ và nhân sinh:

*"Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh lớn
Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngờ..." (tr. 85);
"Hoàng hôn xô bóng ta trên cát
Ta lớn lao và ta cô đơn ..."* (tr. 56).

Tôi đó du hành trong vũ trụ với một sứ mệnh nào đó: *"... Câu hỏi vạn niên, lời đáp nhất thời, / Chữ nghĩa rồi bờ gai góc loạn / Con đường suy tưởng thật lang thang / Ngày một xa thêm Chân Lý lớn / (Như bào thai, Chân Lý lớn cư an..."* (tr. 68). Nay và xưa, Tôi và Ta, thực ra trộn lẫn, hòa hợp, có khi hòa mà không đồng, như tâm hồn Việt trước phức tạp nhân thế và chiến tranh.

Thi tính ở Tô Thùy Yên biểu hiện qua những hình ảnh, những biểu tượng, ngụ ngôn, ở những tiết điệu bất ngờ độc đáo, và qua ngôn ngữ của nhà thơ. Ở ông, người đọc cảm nhận một hồn đồng phương vừa làm nền vừa là điểm đến của thơ, qua những ngõ ngách thuần lý, những tư duy rất hiện đại mà cũng rất Việt Nam, một Việt Nam nhiều ngàn năm văn hóa! Thơ ông thể hiện tư duy và cảm nghiệm từ đời sống, là chính hành trình của tư duy. Thơ trở thành phương tiện để hít thở nơi bí bùng ngộp thở, ở một thời ngột ngạt bí hơi! Tư duy thơ, tư duy ngôn ngữ là tư duy giá trị, một khả năng tiếp tục trong hiện tại dù con đường lịch sử ra sao đi nữa! Nói như Aristote, thơ (poètikè) có thực hơn cả lịch sử (2). Ông tổ thi ca Hy-Lạp xác định thi ca liên hệ đến sự lên tiếng, trần thuật, hoặc nhà thơ nói, hoặc để nhân vật nói, một cách thực tế! Nhưng phải nói, như căn tính, như thực thể! Như Saint-John Perse, Friedrich Holderlin, v.v. đã làm!

Thơ Tô Thùy Yên như tâm sự áp ủ đã lâu, tư duy đã chín, cái nhìn đã rõ, kinh kệ, triết lý và cả ca dao, tục ngữ đã mặc khải! Thành ngôn ngữ, hình ảnh, cung cách rất riêng của Tô Thùy Yên - "nên tôi làm thơ theo ý riêng tôi nghĩa là dịch thuật tâm hồn nghĩa là nói về con cháu chúng ta..." (Tôi). Khí thơ ngang tàng, tự tin nhưng thành khẩn, không tự cao. Thơ như sứ điệp, như lời tiên đoán hay nhấn nhủ của một người thấy mặt trời lặn phía trước nhưng bất lực.

Trước hết, vào thời tuổi trẻ hoạt động, Tô Thùy Yên đã đem vào thơ một số ý tưởng siêu hình về thân phận người, trước hết trong bài Cánh Đồng Con Ngựa Chuyến Tàu xuất hiện trên tạp chí *Sáng-Tạo* số 7, tháng 4-1956 mà bài Tôi đến sau như một hiệu đính:

*"Trên cánh đồng hoang thuần một màu,
Trên cánh đồng hoang dài đến đổi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu.
Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau.
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu.
Cỏ cây, cỏ cây lụi chóng mặt.
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu.
Ngựa thờ hào hể, thờ hào hể.
Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau.
Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn.
Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu
Cánh đồng, a! cánh đồng sắp hết.*

*Tàu chạy mau càng mau càng mau.
Ngựa ngả lặn mình lướt như cỏ,
Như giữa nền nhung một vết nâu. " (tr. 13).*

Đó là trên bờ, dưới nước thì sông biển mênh mông, con người nhỏ bé, hữu hạn nhỏ nhoi. Con người nhiều cao vọng: "*Chúng ta sẽ gia giáo hóa thiên nhiên / Chúng ta sẽ đồng loạt hóa Định Mệnh*" (tr. 65), nhưng trước khi đến nhận thức đó, con người đi chinh phục như những nhân vật của A. Malraux trong *Les conquérants* mà Tô Thùy Yên đã dịch trước 1975. Người lính hải hành đến Trường Sa, mới nhận chân thực chất của mình là một đơn vị nhỏ bé trong vũ trụ to lớn và bao trùm:

*"... Ta hỏi hạn hê Hiu Quạnh Lớn
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngờ
Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỉ.
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên
(...) Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?
(...) Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vàng khói chim đen thẳng thốt quần..."
(Trường Sa Hành, tr. 85-87)*

*(... Cửa thần phù dựng trường sơn sóng
Mỗi ngọn xô chìm một ước mơ..." (tr. 97)*

Chiến tranh từ Trường Sơn đưa ra biển, sóng gió ngập tràn, mỗi ngọn sóng đưa con người xa dần những ước ao cuộc sống, những lý tưởng đời. Con chim lạc bạn nơi bãi Đông mù!

Nảy ra những bản khoán siêu hình, con người là một yếu tố nhỏ nhoi của tam tài, ngũ hành, một tình cờ dịch hóa mà thành! Trong một lặng yên của vô, của phần số làm người, vô trước một tuần hoàn và vũ trụ quá đổi lớn và bất ngờ. Có người thi sĩ lãng du về kể lại:

*"Đầu tiên ta kể về im lặng
Dưới vòm trời, dưới mái tóc ta.
(. .) Thật ra ta có kể gì đâu.
Cuối cùng cũng vẫn là im lặng,
Im lặng trùm phủ diễn mọi điều "
(Chim Bay Biển Bắc, tr. 68, 71).*

Nhà thơ ý thức cái hữu hạn khi đứng trước cái vô hạn hay không thể hiểu. Nơi một không gian mênh mông và buồn u uất chạm đến hư vô, như không gian của Huy Cận trong bài *Tràng Giang* (và cả tập *Lửa Thiêng*). Người thơ như thơ, dễ vỡ dễ tan quá, mà lại mang cả cái sâu vũ trụ. Cùng thời Tô Thùy Yên có Phổ Đức và Hoài Khanh cũng có khuynh hướng đem vũ trụ vào thơ, nhưng hai người sau chưa chạm đến bề sâu tri thức!

*"... Thi sĩ, ôi, hoàng tử bị thương,
Hãy thoát giùm chúng ta lời nói chót
Như bài thai đổ giữa hư không." (tr. 33).*

Thảm kịch xảy ra cho con người khi bị thai đồ đặt trước nó. Tức là khi thai đồ được đặt ra, khi vấn nạn trở nên to lớn, tức có sự lung lay, gãy đổ hoặc đang đứng trước vực thẳm. Hồi tức đã có lựa chọn, sở thích hoặc phủ nhận, một cử chỉ hư vô hóa. Nói khác đi, đặt vấn nạn tức kêu gọi, lôi cuốn, kêu mời một cái gì chưa có, cả không thể có. Tô Thùy Yên đã dừng lại ở bờ vực hư vô! Mời gọi khởi hành, bước đi! Đến một tương quan với tuyệt đối!

*".. . Đòi đồng thuộc mỗi câu tra vấn.
Gió thổi chai người đứng lặng thinh.
Biển Bắc tuyết mù con nhận lạc
Thời gian mất trí trắng vô âm ... "* (tr. 36).

Thật ra, những vấn nạn lớn nhỏ mà Tô Thùy Yên đưa ra trong thơ ông cần sự cảm nín, lặng yên. Tô Thùy Yên đã nói, đã lên vần, lên nhạc điệu, đã ngoại xuất tâm hồn, đi ra, đi tới tha nhân, cả với hậu sinh, đã là một nỗ lực vô hiệu hóa cái âu lo vì thai đồ cần phải có trả lời! Nhưng câu trả lời sẵn đã không thể có, và thai đồ vẫn hoàn bí ẩn. Như thiên nhiên đáng được cảm ơn:

*"Ta nhìn ngọn cỏ lòng mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân".*

Chiến tranh là một thai đồ lớn, làm người lính, tham dự cuộc chiến tranh khi không có lựa chọn, định mệnh của một thế hệ. Con đường đi nhận nhiệm sở thân cò, cảnh hoàng hôn mờ ảo và như đã báo hiệu sẽ dài lâu:

*"Con đường đáo nhậm, xa như nhớ
Chiều mập mờ xiêu lạc đáng cò..."
Cảnh chiến trận cũng là thảm kịch nhân sinh:
"...Tiếp tế khó -- đôi lần phải lụy
Trên người bạn gục đạn mười viên
Di tản khó -- sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác,
Thây sinh, mặt nát, lạch mương tanh ...
Sông cái nước men bờ sóng sánh.
Cồn xa cây vương sáng mơ màng.
Áo quan phong quốc kỳ anh liệt
Niềm thiên thu đằm cổ xe tang ... "*
(Qua Sông, tr. 25, 26)

Bùi Giáng bối rối ở những ngã ba tư tưởng, còn Tô Thùy Yên khi đến ngã ba đã thủ phận đi theo một lối đường hình như không lựa chọn. Làm con ngựa phi đường xa hay thân con dế giang hồ và con chim lạc bạn đều là thái độ thủ phận không thể tránh trong những nghịch cảnh: *"Tôi òa khóc khi mây chiều xuống thấp / Treo khí giới trên cành tìm hiểu những ngôi sao..."*. Đành *"Ta về tắm lại dòng sông cũ / Luống những bình yên kiếp đã tràng"* (tr. 37).

Nhận chân bất lực, trong một hoàn cảnh lịch sử bất ổn, tự thấy bất lực không làm tròn được bổn phận tự khóa cho ở những ngày tuổi trẻ:

"... Ta gắng về sâu lòng quá vắng
Truy tầm mê mỗi lý sơ nguyên " (tr. 38)

"... Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới,
Quạt ngã những bức tượng, xô xập những đèn đài.
Tiếng hú chạy dài suốt lịch sử
(...) Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới,
Dựng dậy những hồn ma, dập vùi những kẻ sống.
Chúng ta hiểu rằng mọi sự bắt đầu..." (tr . 31).

Quý vương làm trời thời chiến tranh nhân danh, động não:

"... Bảo xác chết làm phân bón hòa bình
Chúng nó giết người trong nhà ngoài ngõ
Chúng nó giết người như dọn rừng hoang
Một tiếng thổi tư bản hay vô sản
Không ai đứng ngoài cuộc báo thù này
Nát than tôi đường mã tấu hai phe
Tôi ngã quy đôi bàn tay sạch sẽ..."
(Ngoại Cuộc).

Nhìn ra nét người khốn thân nơi thù địch:

"... Vì sao người tôi đây?
Hỡi gã cộng quân sốt rét, đói,
Xích lời nguyên sinh Bắc, tử Nam"
Vi khi nghĩ lại thân phận mình:
"Vì sao ta tới đây?
Lòng xót xa, thân xác mỗi mòn,
Dưới mắt người ta làm tên lính nguy
(...) Ta thương ta yếu hèn.
Ta thương người khờ khạo.
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng,
Nên cả hai cùng mắc đường Lịch Sử,
Cùng mê sa một con đĩ thập thành"
(Chiều Trên Phá Tam Giang, tr. 75, 78).

Trong hoàn cảnh đó, thảo luận của người xưa biến thành gian nhà cỏ, trở thành một chốn về, một trạm nghỉ chân:

"Hè, ta trở lại gian nhà cỏ
Giữa cánh đồng không, bên kia sông
Trống trải hồn ta cơn gió rã
Tiếng tàn tàn rụng suốt mệnh mông
(...) Hè, ta trở lại gian nhà cỏ
Từ tội mừng ơn lịch sử tha
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẻ
Ngày qua ngày, cho hết đời ta" (tr. 39, 46)

Thời bó thân khởi đầu khi quý vương thắng thế cờ gian. Như kẻ chết đuối trong một trò chơi trên cạn, nhà thơ phải vào bên trong những hàng rào kẽm gai nẹp thân mất tất cả

tự do, nhân phẩm thêm một lần, vì bên ngoài cũng không khác hơn, cũng là một nhà tù - khổ lớn hơn. Khi con người tự mạo nhận chủ nhân con người khác, những kẻ "thua trận". Những bài Mùa Hạ, Tàu đêm, Thức Giác Trong Biệt Giam,... "phong phú hóa" kinh nghiệm này. Nhà tù chôn cuộc đời, thân thể, màu tang tóc âm cảnh phủ trùm, vẫn ngoi lên hy vọng trở về ... dương thế!

*"... Ta nhật từng trang sách rách toang
đùa ngu đã xé vút ra đường.
Ta gom từng hạt cây luân lạc,
Mong mỗi gậy lên một địa đàng.
(...) Bao giờ ta trở về dương thế,
Sống đáng vinh danh lại kiếp người..."*
(Mùa Hạ, tr. 111)

Khi di chuyển bằng tàu lửa về đêm, kinh hoàng nhận ra "Ta trở thành than, thành súc vật. / Tiếng người e cũng đã quên ngang (...). Lịch sử dường như rất vội vã / Tàu không đỗ lại các ga qua..." (Tàu đêm, tr. 119. 122). Kinh nghiệm cá nhân ở đây là những chia xẻ, có giá trị chứng tá chống khuôn mặt thú, chống tha nhân là tù ngục của nhau, chống u tối, tàn bạo,... mà lại già mồm nhân danh giải phóng, cách mạng! Bởi thế cái buồn của Tô Thùy Yên thời này không phải buồn tình, buồn cá nhân, lẻ tẻ, mà là cái buồn vô hạn, cái buồn khôn tả của không được hiểu hay kém diễn tả trước cái bí nhiệm vô cùng của bánh xe lịch sử, nhân quả. Cái buồn nương theo lịch sử, định mệnh. Nhưng sứ mệnh làm người há để gì quên:

*" Chiều ra đồng hái rau hoang,
Nghe sâu theo gió thổi tràn mặt ta.
Ơn trời, ơn đất bao la,
Hái đi, này những xót xa kiếp người.
Cổ kim chung một mái trời,
Kinh Thi cũng có bóng người hái rau.
Lâu rồi, nhật nguyệt tiêu hao, ..
Thất phu cũng biết thẹn mình,
Góc sân, tro mắt đứng nhìn được a?
Thất tung từ nhắm mắt ra,
Chim kêu, vượn hú, biết nhà ta đâu? ..."*
(Hái Rau)

Và cũng có lúc Ta Về dù trong tan hoang, tối tăm, về "ngôi nhà hương hỏa", bên những người thân, những cảnh tượng quen thuộc:

*"... Ta về như đứa con phung phá
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu
Mười năm, con đã già như vậy
Huống mẹ cha, đèn sắp cạn dầu
Con găm lại đời con thất bát,
Hứa trăm điều, một chẳng làm nên.
Đời qua, lớp lớp tàn hư huyễn.
Giọt lệ sương thầm khóc biển thiên.
(...) Lịch sử ngời đi nhiều tiếng động
Mười năm, cô lục đã ai ghi?
Ta về cúi mái đầu sương điểm,*

Nghe nặng từ tâm lượng đất trời ..." (tr. 132, 127, 128).

Nhưng không tự hào cá nhân, cái vinh ngẩng đầu cũng như cái đau là cái chung. Mười năm trăm luân trở về như từ xa xăm: "... Mười năm chớp bể mưa nguồn đó / Người thức mong buồn tận cõi xa ...". Mười năm "chết dấp", như đã "hóa thân thành vượn cổ sơ", "Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay", "Mười năm, ta vẫn cứ là ta", "con đé vẫn là con đé ấy / Hát rong bờ cỏ, giọng thân quen" (tr. 126-136)!

Nơi "*thiên hạ cùng xanh mặt, trắng mắt / Nhón nhác dòm quanh, lén cả than...*" thì làm sao chứa chấp được con người trán đã nhăn mà phần nộ còn chát chát? Người thì bỏ đi ra biển để "*xác lên bãi / Nằm dài dài như lúc chiến tranh*" (tr. 163). Trở về địa ngục lớn đó may mà có lúc ra đi ngẩng mặt. Bỏ lại hết, còn chẳng những nhẩn nhủ thiết tha:

*"Anh lên đường, cúi mặt lên đường
Giả tảng không nhìn nổi sĩ nhục
(...) Hứa đi em,
Nghe im lặng mà sống,
Nhìn trời đất mà vui.
Hãy như người từng trải mỗi mê về
Lúc tàn khuya,
Nhà hương hỏa tối mốc.
Còn ai không, có gọi chỉ thêm buồn.
Thôi, chẳng tiếc túi vàng đã phung phá
Mà mừng mẫu nến chột tìm ra..."
Anh phải đi thôi, vì "Chỗ tối tăm nằm ở phía dưới chân đèn,
Nổi ngu muội nằm ngay trong ý thức.
Anh nhìn quanh kính ngục lạnh hồn:
Mọi người vẫn sống được.
Đáng tội cho anh có một cái đầu thông thống bốn bề..."*
(Giã Biệt, tr. 193, 201, 208)

Từ thập niên 1970, Tô Thùy Yên vô khuôn 4 câu, 7 chữ nhưng không phải thất ngôn luật vì tự do bằng trắc và không cần đối, và ông cũng làm nhiều bài theo thể Trường ca, như dễ dễ suy nghĩ và dễ truyền đạt tư duy hơn thể tự do. Tự tưởng tự diệt dù ảnh hưởng Phật hay triết lý hiện sinh, cũng đã chớm mầm! Bắt đầu với tiềm thức từ bỏ phận người đến với quỷ. Quỷ Xương Thi là chùm thơ gồm năm bài (Trường tượng ta về nơi bản trạch, Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai, Ba trăm năm Lịch sử làm thình, và Bài ca lý của người cuồng sĩ và Cánh Đồng Con Ngựa Chuyền Tàu). Nhan đề Quỷ Xương Thi được lấy từ bài thơ của Vương Ngự Dương đề trên tranh Bồ Tùng Linh (tác giả của Liêu Trai Chí Dị). Tác giả phải chăng muốn mượn tâm sự của Bồ Tùng Linh để gửi gắm tâm sự của chính mình - một tâm sự rối bời và u uất của những gã trí thức bất lực trong một xã hội đầy chiến tranh và thù hận giữa người với người. Những lúc giữa trời biển với ánh sáng ngày vẫn bị ám ảnh quỷ ma, như khi thấy những đảo Trường Sa:

*"... Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên..."* (tr. 85)

Chỉ mới là những tiên đoán, nghi ngại sẽ xảy ra. Nhưng khi bị cưỡng bách ra Bắc chịu "cải tạo", nhà thơ đã thật sự gặp ma quỷ trong cái xác còm cõi của những kẻ phở dương lý thuyết phản bội con người:

*"Ở đây, địa ngục chín tầng sâu,
Cả giống nòi cầm lạng gục đầu,
Cắn chết hàm răng, ứa máu mắt,
Chung xiềng nhưng chẳng dám nhìn nhau
(...) Như tên phù thủy già điên loạn,
Lych sử lên cơn dữ bất thường,
Treo ngược con đen trên lửa đỏ,
Quật mỏ thánh để phi tang xương..."* (tr. 101, 103).

Hiền nhân cũng phải quyên sinh "từ đó hạc bay không".

*

Những hình ảnh, biểu tượng và ngụ ngôn, nói ít để nói nhiều, nói nhiều trong hạn chế, và tinh tế cái phải nói. Tô Thùy Yên dùng thể nói quá, nói để phiền lòng người khác:

*".. Tôi thổ huyết cuồng mê như núi lửa
Thiên hủy hình hài ấm áp chất cô đơn
Rời trời đất hùng đông như trứng vỡ
Tôi đã đầu thai thức dậy đỏ sơ sinh"
(Kiếp Khác).*

Người đọc nghĩ đến thời tạo thiên lập địa, nghĩ đến bà Nữ Oa đội đá vá trời. Cuộc tang thương nương dâu thành biển, không gian có đổi thay nhưng hương thời gian hãy còn đó, nơi Vườn Hạ "Thời gian đứt quãng dài vô định / Như sợi dây điều băng mắt tăm..." (tr. 91).

Thơ Tô Thùy Yên là thơ của một kẻ ở đời này, đời phong ba tàn tạ, sống trong một thời gian nhưng muốn vĩnh cửu với những vật và biểu tượng của ảo ảnh. Thời gian ở đây mang u hoài ngày tháng, nặng trĩu gia tài, nặng những không gian sự vật đã mất, đã tàn phai; nói đến thời gian là để cho hoài niệm sinh động lên. Thơ Tô Thùy Yên áp ủ một hồn thơ đông-phương, thấm sâu vô não trạng, bay bổng lên khỏi đời thường (sống ở Sài-Gòn, đi hành quân, ở tiền tuyến versus hậu phương của người yêu, chiến dịch, đi tù, sống phận bị bủa vây trong nhà tù lớn hay sống đời lưu vong, hội nhập,...).

Hình ảnh trắng dịu dàng bị biển đưa sóng, dù nhẹ, đưa vào bãi, trong khi người chinh phu phải lên đường:

*"Bầy ngựa chứng hàng thù dương vó bão
Biển đưa trắng lặn vào đá tiếng ru ..".
Trắng như một hiện diện vĩnh hằng không chạm được:
"Biết đâu chẳng có một con người
Mà ta yêu suốt đời ta thắm thiết mãi
Như một vầng trăng rời rọi cổ thi
Nhìn năm không xế lặn..."* (tr. 154)

Nước lớn, tràn giang, biển ngập tràn, biển đêm, sông lớn, mưa, mưa thành mùa,... nhiều lần trở lại trong thơ Tô Thùy Yên: "Giấc đánh lớn - mùa mưa đã tới, / Mùa mưa như một trận mưa liên. / Châu thổ mang mang trời nước sát, / Hồn chừng hiu hắt nổi

không tên..." (Qua Sông, tr. 25). Hiu hắt hồn buồn một nỗi không tên, không thể rõ rệt nên không nhãn hiệu! Những hình ảnh vĩ đại ở khía cạnh sâu thẳm, lâu dài, tâm linh. Và từ biểu tượng đi đến tiên tri, Tô Thùy Yên có những cái nhìn như thấy hậu lai, trong một số hoàn cảnh, dự đoán những tai ương khổ hạnh sắp ập tới:

*"... Một ngày, ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Ngoài biển khơi, trên lục địa,..
Sò hén, côn trùng cũng chẳng yên thân
... Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới,
Quật ngã những bức tượng, xô xập những đền đài
Tiếng hú chạy dài suốt lịch sử
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Xé rách một kỷ nguyên, phân tán các dân tộc
để mọi người cảm lạnh ớn lạnh.."
(Ngọn Gió Lạ Thường Sẽ Thổi Tới, 31-32)*

*

Thi tính ở Tô Thùy Yên biểu hiện qua hình ảnh đã nói ở phần trên, và qua ngôn ngữ riêng của nhà thơ: "Ngày lò a dậy" (tr. 211), "Khiến cả lòng ta cũng rách tưa" (TSH), "Tưởng tượng ta về nơi bản trạch" (tr. 47), "vấn thứ mực thông dụng / không phải cường toan" (tr. 9), "hiên ga nhỏ giọt cường toan" (Trời Mưa Đêm Xa Nhà),... Những chữ của văn hóa lục tỉnh, nhưng kỹ xảo, trang trọng: "địa ngục chín từng ("ở đây địa ngục chín từng sâu", tr. 101). *Vật và chữ dùng trong Nam: làm miết miết*" (tr. 45), "con còng ần nhần bò quanh quẩn (tr 50)", "lục bình, mây mỗi chuyến lang thang (tr. 28)". "... lược sử ta trong bí lục nào" (tr. 24). Bài Vườn Hạ âm hưởng lục tỉnh đến thể thi thôi, cứ như hơi thơ Bình Nguyên Lộc: "... Tháp thoáng ánh đèn rây lưới lá / Đàn ai lên cổ khúc hoài lang?" (tr. 94).

Ngôn ngữ Tô Thùy Yên là thứ ở sách người xưa, ngôn ngữ sách vở, lời lẽ người xưa, người có đọc sách thánh hiền, có học, đó không hẳn là ngôn ngữ thông thái, điêu luyện của người Bắc như nhiều người đề cập đến khi nói về ngôn ngữ thơ Tô Thùy Yên. Thành ra riêng mà cũng của chung, những chiến tranh, lý tưởng, hy vọng, v.v. Tô Thùy Yên sáng tạo thi tính, nhạc điệu,... từ vật liệu cổ có sẵn mà không cũ, như ngôn ngữ, như ý văn gia bảo chung! Cả những chỗ phát tiết của thơ, qua âm điệu, cách nhấn mạnh. Nếu so với Thanh Tâm Tuyền, ngôn ngữ Tô Thùy Yên đi vào tâm thức, áp ủ, đa nghĩa, bắt phải trả lời, trong khi ngôn ngữ Thanh Tâm Tuyền như phán ra, như đã nói xong, nói toạc ra hết; một bên hồn đông phương, quý ám, ma trơi, người đẹp trong tranh, một bên lồ lộ mà gai góc,...!

Làm mới những sáo mòn, cổ điển đã quen trong những phạm trù, mạch thi ca mới. Cảnh nào dễ mà khó tả hơn cảnh đất nước khi hết ... chiến tranh tháng tư 1975 với những kẻ lãnh đạo toàn trị bằng sắt máu, thế mà với ngọn thơ Tô Thùy Yên, những cảnh đọa đầy trần gian chiến loạn bên Tàu thời Đỗ Phủ - qua các kiệt tác "tam lại", "tam biệt" như Thạch Hào Lại, Vô Gia Biệt, như trở lại; trở lại một cách dồn dập, trở lại, biến một nơi đang thịnh trị tương đối trước đó thành địa ngục a tỳ:

*"... Xứ khổ, thêm chi mùa thảm khóc
Than ôi! Trời đã bỏ rơi dân!
Nắng kim khí chảy, đá ran nứt,
Gió táp, rừng khô rụi, cát tràn
Sông hồ nẻ đá, giếng vô vọng*

*Muông thú điên làm lũ bỏ đàn
Dân làng lũ lượt kéo lên rú
Lùng sục đào khoai củ đã khan.
Côn trùng kiệt sức lia hang ổ
Lên chết thiêu trên mặt đất hùng,
ác diệu ngày đêm gào xáo xác
Cơ hồ cả thế giới lâm chung..."*
(Mùa Hạ, tr. 101, 102)

Những bất hạnh triền miên, không ngừng. Hết sóng gió đến bão táp mà trời thì mãi ù mây đen! Một thời hồng hoang với tâm địa thú dữ của con người ý thức hệ đã đánh mất tư cách làm người! Cứ như Lam Sơn Thực Lục, Bình Ngô Đại Cáo! Một lối kể lể, tuàn tụt, liên lụy!

Bài Đăng Tử là một bài thơ đặc biệt khác mang tính kể lể đồng thời nhấn nhủ, lo âu:

*"... Bạn có nghe, này bạn có nghe
Vũ trụ miên man chuyển động đều.
Chim đã bay quanh từ vạn cổ,
Gió thật xưa, mây thật già nua.
Nên với một đời, bao biến đổi
Mà trong vô hạn có chi đâu.
(...) Bim bíp chiều chiều kêu nước lớn.
Đi, đi đâu, chèo chống mồi mê?
Đến ngã ba, đành theo một lối,
Tiếc ngán không cùng theo lối kia..."* (tr. 23-24).

Tử và ý thơ làm sống dậy con chữ: "Thức dậy đi vào gỗ đá ơi!". Rồi những tiết điệu bất ngờ độc đáo, thí dụ những tiết điệu của nghi vấn, của những câu hỏi lớn: "Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế / Hữu hạn nào không tui nhỏ nhoi?"(tr. 86); "Còn ở đâu làn nước giếng khơi" (tr. 106); "ở đâu còn cụm mây hư ảo" (tr. 107) Ở nghi vấn cả khi không cần nêu câu hỏi!

*

Nếu Thanh Tâm Tuyền hiện đại với âm hưởng Tây phương thì Tô Thùy Yên là dấu vết khảo cổ, nhân chủng học cho một phương đông huyền diệu, thần bí. Không khí cổ thời, ý và nhân sinh quan có vẻ của người xưa, không gian và cảm giác xưa. Sống ở thế kỷ XX, ông chụp ảnh nghệ thuật, dùng máy hiện đại hôm nay để nắm bắt những nét đẹp đông-phương vương vất đâu đó trong vũ trụ, nhất là những nét đan thanh của tâm hồn! Cái đẹp ở đây là cái đẹp của những huyền mộng hoang đường, của một thế giới ẩn chìm trong thời gian, là mỹ cảm của tâm hồn nhà thơ đứng trước thiên nhiên, trước đời văn minh mà như hoang sơ. Cái đẹp ở trong nỗi buồn thế kỷ, ngôn ngữ thăng hoa thành mộng mị cổ thời. Cái Tôi sung mãn truyền thừa văn hóa, hãnh tiến trong hoang vu cũng như trong bức rối của thời đại.

Kẻ hậu sinh sau này muốn tìm hiểu con người và cảnh tượng đời sống Việt nửa sau thế kỷ XX không thể không mở tìm lại những trang thơ Tô Thùy Yên, như thơ Đỗ Phủ khi muốn mừng tượng lại cõi nhân sinh thời An-Lộc Sơn! Thơ Tô Thùy Yên gắn liền với đời sống, đặt vấn đề cho lương tâm nhân loại, cho đồng loại, và không chỉ ở một thời. Ở Tô Thùy Yên, có thể nói đến thi ca như một kinh nghiệm vừa tư duy vừa tâm linh mà cũng là một kinh nghiệm nhân sinh. Thơ ông là một khẳng định lớn của con người! Có

lần ông đã nhận định rằng "thế kỷ mà chúng ta đang sống đây càng lúc càng hiện lộ một hiện tượng tách biệt trầm trọng lạ lùng giữa thơ và đời sống. Tách biệt đến mức tưởng chừng bây giờ thơ đã trở thành một công việc riêng tư hết sức chuyên môn như trong một hội kín giữa các người làm thơ với nhau thôi (...). Nếu lịch sử là nỗ lực mô tả những diễn biến cụ thể của thời gian thì thơ, một cách khái quát, là lịch sử trừu tượng của thời gian, là phần hồn thiêng của lịch sử" (3)./.

Chú-thích:

1. "Khi mọi thần thoại gãy đổ, chính trong thi ca là nơi thần linh trú ngụ, như một trạm nghỉ". Qua sáng tạo, nhà thơ trở thành trung gian với thần linh - ý thứ ba của Saint John Perse trong bài diễn văn nhận giải Nobel văn chương ngày 10-12-1960.
2. "La poésie est plus vraie que l'histoire" (*La Poétique*).
3. "Bài nói chuyện của Tô Thùy Yên trong buổi ra mắt *Thơ Tuyển* tại Houston TX ngày 9-3-1996". *Ngày Nay TX*, 340, 1-4-1996, tr. B3.
4. Thơ trích dẫn đánh số trang từ tập *Thơ Tuyển* của Tô Thùy Yên (St. Paul, MI: Tác giả xuất bản, 1995. 220 tr.). Những bài khác trích từ tạp chí *Sáng-Tạo* hoặc các hợp tuyển đã xuất bản. Riêng chùm thơ *Quỷ Xương Thi* chỉ có ba trong năm bài được in lại trong *Thơ Tuyển*.

12-2001

Tô Thùy Yên, thi sĩ lớn của Nhóm Sáng Tạo Viên Linh

Trong câu chuyện, tác giả Mặt Trận ở Sài Gòn và Vòng Đai Xanh, giải Văn Chương Toàn Quốc VNCH, 1971, tin rằng Nhóm Sáng Tạo còn nhiều người vẫn đang hoạt động, chứ không phải chỉ có "ba người còn sót lại" như một tờ báo vừa mới loan tin sai. Tôi lưu ý anh rằng lớp viết báo, làm báo hiện nay còn trẻ, không có bao người đọc văn chương Việt thời trước 75, còn những người trong văn giới thời đó nay đã nhiều tuổi, trí nhớ đã ngắn đi, nếu họ có đọc *Sáng Tạo*, bên cạnh nhiều người mặc dù xuất hiện từ trước 75, nhưng chưa bao giờ viết *Sáng Tạo*, vì khi họ đặt được bước chân đầu tiên lên bến văn chương, thì con tàu *Sáng Tạo* đã rời ga từ năm bảy năm trước. Nhân thế, tôi cho người bạn biết: số chót của *Sáng Tạo* ra vào năm 1961, và Tô Thùy Yên có mặt ngay trên *Sáng Tạo* vào cuối năm 1956, và đăng thơ liên tục trên tờ tạp chí văn học đó. Trong tòa soạn của chúng tôi có khoảng 10 số *Sáng Tạo*, số nào cũng có thơ Tô Thùy Yên. Tô Thùy Yên là thi sĩ nòng cốt của Phong trào Thơ Tự Do của miền Nam, và là thi sĩ lớn của Nhóm *Sáng Tạo*. Tôi chỉ có khoảng 15 bài thơ đăng trên *Sáng Tạo*, song Tô Thùy Yên có nhiều gấp đôi. Hai bài thơ có tính tuyên ngôn của anh là bài *Tôi Lên Tiếng* (số 8) và bài *Tôi* (số 11).

Tôi Lên Tiếng

*Tôi gật đầu trước mặt ái tình
Như một loài cỏ ngoan vâng lời giáo dục
Kìa máu chảy ngoài đường*
Kìa máu chảy
Tôi ra giữa công trường cất tiếng kêu oan
Nhân loại ngậy thơ đòi đòi chịu tội*

Sắt đồ cày nhãn trán mịn màng
Lúa đầy đồng người thiếu gạo ăn

Chúng nó đòi thủ tiêu thi sĩ
Tôi là thi sĩ tôi yêu
Chúng ta góp tay đẩy đời đi tròn
Hỡi những người chỉ dám khóc trong giấc mơ
Tôi đáp lời bình minh tuổi trẻ
Được nhìn mặt trời sung sướng thay...
(Tô Thùy Yên, Sáng Tạo số 8, 5.1957 *Thi sĩ có ghi chú một câu thơ
của Pablo Neruda nhân nhắc đến "máu chảy ngoài đường.")

Tôi

Tôi là Tô Thùy Yên là thi sĩ
là người chép sử tương lai
Vốn học hành dang dở nên ra đứng bờ cuộc đời
ngó xuống hư vô ...
Có sống ngoài chiến khu nên rồi bỏ Việt Minh
Đến ngợi ca cuộc đời xứ sở anh em ái tình thịnh trị
Và chỉ cất lời ngợi ca cho kẻ sành điệu muốn nghe.
(TTY, Sáng Tạo số 11 - tháng 8, 1957)

Bộ Biên Tập Sáng Tạo có ghi tên Tô Thùy Yên, bên cạnh bảy người khác, theo thứ tự abc: Doãn Quốc Sỹ, Duy Thanh, Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thái Tuấn, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp. Anh có mặt trong các cuộc Thảo Luận Bàn Tròn quan trọng của Nhóm: Thảo luận về "Nhân vật trong tiểu thuyết," tháng 7, 1960; "Nói chuyện về Thơ Bảy Giờ," tháng 8, 1960; "Ngôn ngữ mới trong hội họa," và sau cùng: "Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam." Trong cuộc thảo luận về Thơ, Tô Thùy Yên xác định: "Thơ biến cái thật thành không thật... Bất cứ nhà thơ nào cũng sử dụng và đồng thời chối nhận ngôn ngữ. Sự mới mẻ độc đáo trong thơ trái với các bộ môn khác trong văn chương là không nằm trong đề tài (đề tài trong thơ thường khi rất thông thường và được coi như hằng cửu)."

Tô Thùy Yên còn là một trường hợp đặc biệt trong Văn học Miền Nam: mặc dù có thơ đăng báo trước tuổi hai mươi nhưng anh chưa có thi phẩm, hay bất cứ một cuốn sách nào, được xuất bản trước 1975, tuy vậy, anh được coi là một tác giả, một nhà thơ quan trọng của Văn chương Miền Nam. (Anh là người Nam duy nhất trong Nhóm Sáng Tạo.) Thi phẩm đầu tay của anh được in ở hải ngoại, và do nhà xuất bản "edition lmn" (không viết hoa - là chữ đầu của ba người họ Lê, họ Mai và họ Nguyễn) in ở Đức năm 1994. Lmn đặt trụ sở ở Bonn, vì người chủ chốt là anh Mai Vi Phúc, thuộc Nhà Việt Nam ở Frankfurt. Năm đó nhân dịp Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại mang một phái đoàn tới 9 người đi dự Đại Hội Văn Bút Quốc Tế ở Prague, Tiệp Khắc, tôi đề nghị với Nhà Việt Nam, và được anh em đồng ý, là in 5 thi phẩm mỗi cuốn khoảng 150 trang, cho 5 thành viên chính trong đoàn, để cùng ra mắt ở Bonn, ở Frankfurt, ở Đông Berlin và nói chuyện Thơ Miền Nam với người Việt ở Đông Âu. Không những họ trả cho các thi sĩ bản quyền tập thơ, mỗi người còn được một vé máy bay khứ hồi Hoa Kỳ-Prague sau đó qua Đức, Pháp, khoảng tháng 11 năm đó. Đó là Nguyễn Sỹ Tế với Tiếng Hát Gia Trung, Cung Tầm Tưởng với Lời Viết Hai Tay, Viên Linh với Hóa Thân, Mai Vi Phúc với Viết Từ Phương Đông và Tô Thùy Yên với Tuyền Tập Thơ. Nhưng giờ chót, Tô Thùy Yên đã không có mặt trong phái đoàn, tuy rằng tập thơ của anh vẫn được phát hành ở Đức. Lúc

Ấy anh mới rời Sài Gòn sau nhiều năm bị cộng sản cầm tù trong các trại tập trung, chưa kịp có thể xanh, hoặc mới có thể xanh song không thể đi phò hội quốc tế trong tình trạng còn nhiều khó khăn. Cả các anh Nguyễn Sỹ Tế, Cung Trầm Tưởng cũng chỉ mới có thể xanh.

Anh Tế còn ở tù lâu nhất, khoảng 13 năm, dù chỉ là một nhà giáo, không từng phục vụ trong quân đội như hai anh Tường và Yên. Chúng tôi đã phải nhờ văn phòng Dân Biểu Dornan (Cộng Hòa, Calif.) can thiệp với Sở Di Trú bằng điện thoại, nên hai anh xuất ngoại được, riêng anh Yên trực trực, mặc dù anh cũng ở Minnesota như anh Tường. Tập thơ của anh được anh in ở Hoa Kỳ sau đó có nhan đề hơi khác là Thơ Tuyển, dày tới 224 trang. Trong tập này có những bài tuyệt tác: Chiều Trên Phá Tam Giang, Ta Về, Trường Sa Hành. Trước khi mang cấp bậc thiếu tá ở Sài Gòn, Yên đã đóng quân ở đó:

*Trường Sa! Trường Sa! Đảo chuyển choáng!
Thăm thẳm sâu vẫy trắng bốn bề.
Lính thú mười người lạ sóng nước,
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.*

*Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa.
Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh lớn
Mà Hiu Quạnh lớn cũng làm ngơ...*

*Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế.
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời.*

Tô Thùy Yên sẽ còn sót lại, có thể là sót lại tới giây phút cuối cùng của Nhóm Sáng Tạo. Thơ anh trối bật, lóng lánh kim cương, sắc cạnh va chạm, chữ nghĩa như lân tinh nhấp nháy trong đêm giông bão khiến thế giới bên kia có thể tưởng là tín hiệu từ trần thế, hay phía sau cả trần thế, gửi cho họ. Có lẽ họ nghĩ đúng, Tô Thùy Yên thi sĩ đã gửi những tín hiệu ấy từ hơn nửa thế kỷ rồi, và rất nhiều người ở hải ngoại không nhận được. Người trần gian có thể ở xa trái đất hơn là những kẻ ở hành tinh khác.

(VL-1.2013)

Nói về thơ, người làm thơ và người đọc thơ Tô Thùy Yên



Phải, từ bao giờ, cổ lỗ từ lúc hồn thơ bắt đầu phát sinh trong tâm thức con người, cùng với sự sáng tạo thần kỳ của tiếng nói, dường như thơ luôn luôn bị người đời trong một định kiến hết sức oan uổng cho thơ, hoặc ruồng rẫy rẻ rúng nó đến độ tưởng như nó không hề hiện hữu, hoặc lưu đầy quản thúc nó vào một cõi vô thức, hão huyền dành riêng cho một số ít tâm hồn bị nguyên rủa nào đó lui tới.

Thơ như một đứa con chẳng trông nhờ gì được của người cha mù lòa quờ quạng là đời sống không ngừng hoài vọng tìm gặp cho được một lần những giải đáp soi sáng niềm bí ẩn lớn lao đời đời bao quanh nó, ở trong nó.

Giữa đời sống và thơ, từ bao giờ dường như đã có một khoảng cách xa vời chẳng thể thu ngắn, người đọc đến với cõi thơ luôn luôn có cảm tưởng mơ hồ đã phải tạm thời tách lìa thế giới thực tại vây bủa, thơ mặc nhiên bị coi như ngày nghỉ xả hơi nào đó của trí não tù hãm, u trệ, như một khác thường đôi lúc xảy ra của đời sống, và ý niệm như vậy về thơ tưởng cũng như là làm một điều ân sủng tử tế lắm lắm cho thơ. Nói cách khác, đời sống trong vận động miên man sinh tồn và phát triển của nó, giữa những chập chùng ngặt nghèo hỗn độn của bao nhiêu là sự kiện thực tế hiển hiện lúc nào cũng chực gây thương tổn và hủy hoại phẩm cách của con người, vâng, đời sống, trong những điều cực kỳ bi đát như vậy, dường như thường xuyên có phản ứng gần như bản năng chối nhận thơ như một đeo đẳng trì kéo phiền toái có nguy cơ phá hoại trầm trọng chính sự vận động sinh tử đó của đời sống. Nhưng chính cái phản ứng gần như bản năng chối nhận thơ đó phần nào cũng xác nhận rằng thơ luôn luôn có mặt một cách cơ hữu mật thiết ở trong đời sống, cùng với đời sống.

Tất nhiên, khoảng cách có tính tưởng chừng đó giữa đời sống và thơ chẳng phải do chính người làm thơ cố tình tạo ra như thông thường hẳn vẫn bị chê trách nặng nề như đó chính là lỗi của hắn vậy. Và khoảng cách đó, cuối cùng rồi cũng phải được người làm thơ, để làm tốt công việc của mình là chụp bắt hồn thơ trong cái hình trạng hoàn toàn trung thực vốn biến ảo khôn lường của nó, bắt đắc dĩ chấp nhận như là điều kiện mặc nhiên của thơ.

Thơ như một điều gì đó mập mờ, hư giả, thậm chí lắm lúc còn tối tăm, bí hiểm, và do đó, không những đã vô ích mà còn bị tình nghi có hại là đằng khác. Nhưng dù thế nào đi nữa, thơ, như vừa nói qua, vẫn đời đời ở lại với loài người như một tình nhân định mệnh thất buộc, không muốn cũng không được. Và cũng vì tính chất thoát trông có vẻ phù phiếm vô bổ đó của thơ nhiều lúc có thể tạo thành dễ dàng một mặc cảm nặng nề nơi người làm thơ nên một số không ít những người làm thơ đã muốn *dĩ thi tải đạo*, làm những bài thơ giáo huấn tuyên truyền luận giải thuyết phục, để thấy mình cũng như thơ có được một mục đích lợi ích xã hội thiết thực.

"Khi người làm thơ sử dụng thơ như một công cụ cho chế độ chính trị thì đã tự mình chối bỏ danh xưng thi sĩ..."

Khi làm bài thơ, phần người làm thơ tận lực cố gắng đã đành, mà cả người đọc, khi đọc bài thơ đó, cũng phải tận lực cố gắng phần mình nữa trong việc thể hiện được trọn vẹn cái hồn thơ chung chạ của cả đôi bên."

Tất nhiên không hiếm những chế độ chính trị đã tận lực góp thêm phần tạo thành dày đặc cái mặc cảm vô dụng đó nơi người làm thơ để dễ dàng sử dụng hẳn như một công cụ cũng khá cần thiết cho chúng, và khi đã ưng chịu như vậy thì người làm thơ một cách mặc nhiên đã làm một công việc hoàn toàn khác biệt với công việc làm thơ, đã tự mình chối bỏ danh xưng thi sĩ.

Một chế độ chính trị bao giờ cũng bắt buộc phải chứng minh bằng cách này hoặc bằng cách khác. Còn thơ tự bản thân nó chẳng nhằm chứng minh bất kỳ điều gì, ngoại trừ chỉ chứng minh nó là thơ, thể thơ. Sự thiết thân gắn bó của thơ đối với con người, cái lý do tồn tại chính đáng cao cả đó của thơ sẽ phải chỉ được tìm thấy ở một nơi chốn nào khác, và nơi chốn đó là hồn thơ của chính người đọc. Điều ngộ nhận thông thường của người đời là mặc nhiên coi hồn thơ như cái phần sở đắc trời đất đã ưu ái - hay độc địa? - dành cho người làm thơ mà thôi, và hẳn phải cam chịu mịt mù vô vọng vì cái phần sở đắc ngặt nghèo riêng tư đó.

Sự thật không phải như vậy, hồn thơ luôn luôn là sở hữu chung đều của mọi con người, cả người làm thơ lẫn người đọc thơ, không phân biệt ai ai. Tất nhiên, qua thời gian chung đụng với đời sống, mỗi cá nhân hoặc giả đã đầu tư phát triển ít hay nhiều theo một cách thức nào đặc biệt của mình cái vốn liếng sẵn sàng đó, hoặc giả đã không muốn đá động sử dụng gì đến nó cả.

Nói cách khác, hồn thơ ở mỗi cá nhân lâu ngày chầy tháng khuôn thành theo hình dạng tâm tính đặc thù của cá nhân đó. Nhưng cho dù hồn thơ ở một cá nhân nào có tuyệt đối bị bỏ quên trùm lấp chẳng nữa, ở cá nhân đó, hồn thơ cũng chẳng hoàn toàn tàn rụi mất biến được.

Bởi lẽ hồn thơ vĩnh viễn tàng ẩn bàng bạc trong tận cùng sâu thẳm của tâm thức con người giăng mắc mạng lưới phức tạp những xúc cảm tư duy cực kỳ tinh vi trong tương phùng chuyển hóa sinh động miên man của ngôn ngữ hàm xúc trùng trùng những huyền nhiệm bất khả tư nghị, nó trường kỳ nghi phục bất động đâu đó, để rồi trong những thoáng cơ duyên nào bất chợt nhất, nó lại xuất đầu lộ diện ngự trị, điều động con người theo những luật tắc riêng biệt vừa rộng rãi mà cũng vừa nghiêm ngặt của nó. Và kinh qua những lần chứng nghiệm thơ như vậy, con người bỗng nhận thức được như một đốn ngộ về một nghịch lý: thơ, với tất cả những gì mà người đời cho là những khuyết phế vốn dĩ của thơ, lại cũng là một phương thức nhận thức đặc biệt cùng với những phương thức nhận thức khác của con người triển miên theo đuổi công cuộc tìm kiếm những sự thật lẫn khuất chung quanh mình, ở trong mình.

Và thơ, tội nghiệp thay, cũng là đứa con nher vả được đã dẫn dắt người cha mù lòa đi sâu vào những cõi u ám huyền nhiệm tuyệt vời mà chính những đứa con sáng sủa hằng được trọng vọng khác của trí tuệ con người chẳng tài nào tiếp cận. Phải, ở những lần ranh cuối cùng mà tôn giáo, triết học, khoa học đã phải đứng lại, thơ, vâng, chỉ có thơ, vẫn nhẹ nhàng tiến bước, xông pha, bay lượn, vùng vẫy.

Lúc đó, những lúc đó, con người chợt cảm nhận rằng mình phơi phới nhẹ nhàng như đã được giải phóng khỏi những nặng nề đè áp thường nhật, rằng mình đã thật sự sở hữu được chính mình nhiều hơn nữa, đã thật sự hòa nhập vào một đời sống có khi còn chính đáng hơn cả cái đời sống mà mình vẫn thường lầm tưởng là duy nhất chính đáng, một đời sống khác nữa không hẳn là không xác thực, một đời sống khác nữa ở ngay trong cõi sâu cùng thẳm thẳm nhất của chính đời sống. Những lúc đó, con người nương thả theo thơ, sống trọn vẹn là con người với đầy đủ các tính cách kỳ diệu lạ lùng mà bình thường chưa từng nghe thấy có, tưởng chừng chẳng thể có. Bởi lẽ hồn thơ chính là cái phần u ẩn lẫn khuất mệnh mông tuyệt đối của hồn người, nó chính thị là hồn người trong ý thức sâu cùng hết của hồn người.

Người đọc thơ, những lúc đó, mặc nhiên trở thành thi sĩ theo định nghĩa cao cấp nhất của danh xưng: kẻ tạo dựng một thị cảm, một cách thức nhìn thấy độc đáo và cái thế giới vừa ngoại quan và cũng vừa nội quan mà chính mình đang sống. Thơ chính là một thị cảm dù được thể hiện theo kỷ luật riêng biệt của bất kỳ trường phái hay khuynh hướng thi ca nào, và nếu như bài thơ nào không truyền đạt được những kêu gọi phải có nhằm đánh thức thôi thúc được một cách mãnh liệt cái hồn thơ ẩn náu bất động nơi người đọc để hình thành một thị cảm nào đó, chắc chắn bài thơ đó là một thất bại, bài thơ đó đương nhiên không phải là thơ.

Tất nhiên, khi làm bài thơ, phần người làm thơ tận lực cố gắng đã đành, mà cả người đọc, khi đọc bài thơ đó, cũng phải tận lực cố gắng phần mình nữa trong việc thể hiện được trọn vẹn cái hồn thơ chung chạ của cả đôi bên. Một cách thông thường, con người ù lì bất động trước những quen thuộc nhằm chán nhưng lại sẵn sàng có phản ứng tức thì xô chối phủi xua những điều đầu tiên còn xa lạ ngỡ ngàng.

Người làm thơ thành công dường như bao giờ cũng phải là người vừa có vẻ là cố tri, lại vừa thật sự là sơ ngộ đối với người đọc. Đó cũng là yếu tính chung của mọi nỗ lực sáng tạo, phải trông thấy quen quen để được đón nhận, rồi sau đó mới có thể trưng bày được những khác biệt phải có.

Trong nghệ thuật, không hề có niềm tự hào vô lối về một sự làm mới tuyệt đối. Có thể quả quyết rằng mọi sáng tạo đều phải phát xuất từ một gia sản có tính truyền thống nào đó. Mọi sáng tạo, trong giai đoạn đầu tiên ngắn ngủi thôi, là một mô phỏng, một lặp lại. Kể cả những người khai phá làm mới táo bạo nhất trong nghệ thuật cũng ít nhiều để lộ ở nơi họ những vết tích nào đó của một quá khứ xa xôi. Không có một thứ gì không có cội nguồn. Cái quá khứ xa xôi tồn đọng đó chính là cốt tủy khuất ẩn của hồn người. Thơ không ở ngoài lề luật chung đó, bao giờ nó cũng khởi đi từ lớp lớp quá khứ truyền thống của ngôn ngữ.

Cũng như mọi sáng tạo khởi đầu vốn là công việc của một người đơn độc để rồi sau đó, chỉ có thể hoàn thành trọn vẹn với sự hợp tác gia công của một người khác nữa, người thường ngoạn. Lễ đơn giản rõ ràng là nghệ thuật bao giờ cũng mang nặng trong bản chất của nó niềm mong mỏi chia sẻ. Cả lúc khởi đầu cũng đã là sự chia sẻ ngay trong tự thân, với chính mình, của người làm nghệ thuật.

Thế giới mà chúng ta đang sống đây càng lúc càng hiển lộ một hiện tượng tách biệt trầm trọng lạ lùng giữa thơ và đời sống. Tách biệt đến mức tưởng chừng bây giờ thơ đã trở thành một công việc riêng tư hết sức chuyên môn như trong một hội kín giữa các người làm thơ với nhau thôi. Tách biệt đến mức tưởng chừng bây giờ hồn thơ của loài người đang hồi cạn kiệt rồi vậy, nòi giống của những người làm thơ và những người đọc thơ đang lâm vào nguy cơ tuyệt diệt rồi vậy.

Trước đây trong lịch sử, cũng đã có những thời đại suy thoái cùng khốn vất vưởng của thơ, nhưng dường như chưa từng có một thời đại nào mà thơ đã bị dồn đẩy thẳm thẳm tuyệt lộ vào một xó góc tù túng bí thối tăm tối lãng quên như trong thời đại của chúng ta. Ngày nay, số người thật sự đọc thơ càng lúc càng hiếm hoi, và người làm thơ càng lúc càng bị quy kết một cách nghiệt ngã, hoặc oan hoặc ưng, đã chẳng có đủ tài năng và cả thiện chí thực hiện mỹ mãn công việc của mình. Lý do viện dẫn thông thường làm sao thơ bây giờ khó khăn bí hiểm quá, số sàng thô trọc quá, xa lạ kỳ cục quá, nó thế nào ấy, nó không còn giống như thơ nữa.

Từ những nguyên nhân nào và phần lỗi thuộc về ai, ở đây chúng ta không đề cập rốt ráo một phân tích chi li và rườm rà. Ở đây chỉ ghi nhận là hiện có một chênh lệch rất đồi lớn lao tưởng chừng khó thể trùng nhập được nữa giữa hai màng lưới xúc cảm tư duy đã bắt đầu khác biệt về khuôn khổ cũng như về cấu trúc của người làm thơ và người đọc thơ. Một chênh lệch như vậy đôi khi cũng được bắt gặp trong giai đoạn khởi đầu của những thời kỳ văn học nghệ thuật được canh tân nhưng nó không đến mức trầm trọng vô phương điều chỉnh như là sau đó không lâu, may mắn thay, đã điều chỉnh được, thông thường từ phía quần chúng đã có đủ thời gian kết thân thích nghi.

Khác hẳn với sự chênh lệch có tính chia li chẳng thể còn quay về, được ghi nhận hôm nay và được nhìn thấy như một hậu quả đương nhiên của tính gia tốc khốc liệt của lịch sử đã làm nảy sinh tính tức thời vụn nát và tính thực tiễn đáp ứng tối thiết yếu của đời sống. Được nhìn thấy như mối đe dọa bị hủy hoại càng lúc càng trầm trọng bức bách con người. Ngôn ngữ, công cụ tư duy duy nhất của con người, thành tựu cao cả tuyệt vời của con người càng lúc càng giảm nhẹ uy thế lâu đời của nó trong đời sống, lần lượt bắt buộc phải nhường chỗ cho một ngôn ngữ khác cụ thể hơn, gọn gàng hơn, dễ nhận hơn, nhanh chóng hơn, ngôn ngữ của những dãy dãy tiếp chuyển hình ảnh tới tấp chùng chát.

Thơ bây giờ sẽ phải như thế nào đây? Có lẽ không một người làm thơ nào không trở v vì câu hỏi đó. Ngôn ngữ đích thực đã bị sàng sảy giản lược vào mỗi chức năng đầu tiên thô sơ là trao đổi giao thiệp xã hội thuần túy. Phần huyền nhiệm sâu thẳm vốn ôm ấp ẩn chứa bao nhiêu là tình tự tích lũy nghìn đời của ngôn ngữ đã bị chính đời sống xã hội một cách không thương tiếc, tước bỏ, lãng quên không cần dùng tới nữa.

Nhiều thể loại văn học cáo chung. Sách vở bị truất phế. Thư viện có nguy cơ trở thành hầm mộ của những xương cốt cổ thòi. Và rồi theo cái đà đó, điều gì sẽ xảy đến với con người? Hẳn cũng chẳng khó khăn gì mà chẳng tiên cảm được điều này: đó sẽ là thời kỳ khô hạn, héo rụi khác thường của con người cần cỗi, rã rời, thời kỳ đáng sợ nhất trong suốt dòng lịch sử nhân loại. Có lẽ vậy. Việc đánh mất cái phần trừu tượng của con người hiển nhiên sẽ dẫn đưa đến việc đánh mất toàn thể con người. Sự tắt lụi của ngôn ngữ đích thực cũng đồng nghĩa với sự tắt lụi của chất lửa tồn trữ trong phiến đá sống là con người.

Và rồi sau đó nữa thì sao? Mong mỗi thay cho con người sẽ vì niềm luyến nhớ ám ảnh day dứt khôn nguôi về chính hồn mình từ lâu lạc loài thất tán, lại phải đem thân dầu dãi vào một cuộc phiêu lưu khác nữa, một cuộc phiêu lưu chắc chắn cực kỳ gian truân để tìm gặp cho bằng được chính hồn mình giữa cảnh giới bao la trừu mật thanh sắc của ngôn ngữ đích thực mà ở đó, bao giờ thơ cũng là hình dáng biểu hiện cao diệu nhất. Và như vậy, cho dù ở vào tình huống nào đi nữa, càng thách đố càng phải nỗ lực, chúng ta đã chẳng muốn để mất đi lòng tự hào được làm người, chúng ta sẽ còn tiếp tục vun dưỡng cái thần siêu đẳng của ngôn ngữ, còn tiếp tục đọc thơ, làm thơ, nếu như chúng ta còn có một phẩm giá nào đó cần phải bảo trọng. Bởi lẽ thơ chính là phần sinh lực dự trữ tối hậu mãnh liệt nhất của con người không bao giờ khứng chịu bị hủy hoại vong thân. Đó là lý do tồn tại chính đáng cao cả của thơ để cho con người cùng tồn tại với. Khoảng cách cho là có giữa đời sống và thơ sẽ chẳng còn là khoảng cách nữa nếu như hồn thơ trong con người đã thức dậy, đã hiển minh.

Thơ là con đường trải dài của thời gian, nối liền quá khứ với hiện tại nhằm hướng đến tương lai, không gián đoạn, trong nỗ lực xác nhận sự đồng nhất của hồn người

toàn vẹn. Nếu lịch sử là nỗ lực mô tả những diễn biến cụ thể của thời gian thì thơ, một cách khái quát, là lịch sử trừu tượng của thời gian, là phần hồn thiêng của lịch sử. Nhìn thấy thơ như vậy mới thật sự nhìn thấy đầy đủ thơ.

(Ngày Nay Minnesota số 164, 31-3-1996)

Trường Sa hành của Tô Thùy Yên Nguyễn Hưng Quốc



Trong bài *"Biển Đông: Quyền lợi quốc gia và tinh thần dân tộc"*, tôi có in lại trong phần chú thích, bài thơ *"Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn"* của Trần Đăng Khoa. Bài thơ ấy được nhắc nhở nhiều và thường xuất hiện trong các tuyển tập thơ ở Việt Nam. Nhưng thành thực mà nói, nó không hay, hoặc nếu hay, chỉ hay ở mức vừa phải. Không có gì đặc sắc. Thơ viết về biển đảo của Việt Nam, cho đến nay, hay nhất có lẽ là bài *"Trường Sa Hành"* của Tô Thùy Yên. Nhân lúc mọi ánh mắt đều hướng về Biển Đông, đặc biệt Hoàng Sa và Trường Sa, chúng ta cũng nên đọc lại bài thơ này.

Bài thơ có ý nghĩa lịch sử: được sáng tác vào tháng 3 năm 1974, hai tháng sau ngày Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa lúc ấy thuộc Việt Nam Cộng Hòa - là một dấu mốc đáng nhớ. Nó lại có ý nghĩa chính trị: nối liền quá khứ với hiện tại, miền Nam lúc trước và cả nước sau này, vấn đề lãnh thổ và chủ quyền, những người lính ngày xưa và những người còn tha thiết đối với vận mệnh của đất nước bây giờ. Đặc biệt, nó có giá trị thẩm mỹ: ngay cả khi gạt bỏ hết hai ý nghĩa trên, *"Trường Sa Hành"*, tự nó, là một bài thơ hay. Đủ hay để thách thức không những thời gian mà còn cả những âm mưu vùi dập tàn bạo của nhà cầm quyền Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay.

Xin nói một chút về Tô Thùy Yên: Theo tôi, ông là một trong những nhà thơ lớn nhất của miền Nam trong giai đoạn 1954-75, hơn nữa, cũng là một trong những nhà thơ lớn nhất của Việt Nam nói chung trong cả nửa sau thế kỷ 20.

Thơ ông có một số đặc điểm đáng chú ý.

Một, Tô Thùy Yên viết ít và xuất bản rất muộn: Tập thơ đầu tay của ông, *Thơ tuyển*, gồm 37 bài, được xuất bản lần đầu năm 1995 (1), tức khoảng 40 năm sau khi ông có thơ đăng báo,

tính trung bình mỗi năm ông làm chưa tới một bài. Vậy mà, ngay từ trước 1975, ông đã nổi tiếng và được nhiều người đánh giá rất cao.

Hai, nét nổi bật nhất trong phong cách thơ Tô Thùy Yên là sự giao thoa: thứ nhất, giao thoa giữa cái cũ và cái mới, giữa truyền thống và cách tân. Đó hẳn là một sự kết hợp rất nhiều người mong muốn. Nhưng không phải ai cũng làm được. Ngay cả Thanh Tâm Tuyền dù từng tuyên bố, trong bài “Một bài thơ”: *“không đa đa siêu thực / thẳng thắn / khởi từ ca dao sang tự do”* nhưng thơ ông vẫn nghiêng hẳn về phía hiện đại hơn truyền thống. Ở nhiều người khác cũng thế: hoặc nghiêng bên này hoặc lệch về phía bên kia.

Chỉ ở Tô Thùy Yên, người ta mới thấy được sự cân bằng. Cũng xin nói thêm: Ở đây, tôi chỉ ghi nhận một đặc điểm chứ không phải đánh giá. Thứ hai, sự giao thoa giữa cảm xúc và tư tưởng: từ cảm xúc đến hình tượng trong thơ ông đều thấp thoáng chút màu sắc siêu hình với những nghĩ ngợi về cuộc sống và về con người; nói chuyện với ai và về cái gì, với ông, dường như cũng là một cuộc trò chuyện với hư không, với cái mệnh mông của trời đất và với cái vô tận của thời gian. Có lúc ông như một Trần Tử Ngang lạc loài ở thời hiện đại. Hai sự giao thoa ấy làm cho thơ Tô Thùy Yên vừa quen vừa lạ, vừa bình dị vừa sâu sắc, vừa rất dễ đọc vừa thấp thoáng rất nhiều bí ẩn, vừa sáng sủa vừa thăm thẳm đến không cùng.

Bài *“Trường Sa hành”* dưới đây có thể được xem như một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Tô Thùy Yên. Tiêu biểu về thể thơ: Mặc dù Tô Thùy Yên thử nghiệm khá nhiều hình thức, từ lục bát đến tự do, nhưng thể thơ tạo nên phong cách đặc thù và thể hiện cái tài hoa cao ngất của ông, theo tôi, là thể bảy chữ: sau năm 1954, không có nhà thơ Việt Nam nào có nhiều bài thơ bảy chữ hay bằng ông.

Tiêu biểu về tư tưởng: vẫn là một cái *“hữu hạn”* khao khát hỏi han *“Hữu Quạnh Lớn”*. Tiêu biểu về nghệ thuật xây dựng hình tượng: Vẫn là những vật bình thường, nhưng dưới ngòi bút của ông, bao giờ cũng có vẻ gì như khốc liệt, từ *“sóng thiên cổ khóc”* đến *“biển tang chế”*, từ *“đám cây bật gốc chờ tan xác”* đến cảnh *“trùng dương khóc trắng trời”*, từ *“mặt trời chiều rã rưng rưng biển”* đến *“vàng khói chim đen thẳng thốt quần”*.

Tiêu biểu trong cách liên tưởng: Dùng tâm lý để đo lường khoảng cách không gian (*“Bốn trăm hải lý nhớ không tới”*), dùng cảnh vật trong không gian để nghĩ đến thời gian (*“Thời gian kết đá mốc u tịch”*), và dùng thời gian để nói đến những sự *“nhỏ nhoi”* và những *“nổi tử tại”*.

Tiêu biểu trong ngôn ngữ: Lúc nào cũng thật nhiều hình dung từ và hình dung từ nào cũng mạnh và cũng gắt. Đảo thì “chéch choáng”, gió thì hoặc “miên man thổi” hoặc “thổi trùng điệp”, lòng thì “rách tưa”, khóc cười thì “như tự bạo hành”, mây đỏ thì đỏ đến “thảm thê”, nắng thì “chói chang như giữa”, còn ánh sáng thì “vang lừng điệu múa điên”.

Tất cả đều mang dấu ấn của Tô Thùy Yên. Không lẫn với ai khác.

*

TRƯỜNG SA HÀNH

Toujours il y eut cette clameur,

Toujours il y eut cette fureur...

Saint John Perse

(Exil)

Trường Sa! Trường Sa! Đảo chũnh choáng!

Thăm thẳm sầu vầy trắng bốn bề

Lính thú mười người lạ sóng nước

Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi

Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi

Khiến cả lòng ta cũng rách tưa

Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn

Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngơ

Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỉ

Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên

Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh

Lên xác thân người mãi đứng yên

Bốn trăm hải lý nhớ không tới

Ta khóc cười như tự bạo hành

Dập giận, vác khòm lưng nhẩn nhục

Đường thân thế lữ, cố đi nhanh

Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế

Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi?

Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ

Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời

Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt
Bãi Đông lở mất, bãi Tây bồi
Đám cây bật gốc chờ tan xác
Có hối ra đời chẳng chọn nơi?

Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Những cụm rong óng ả bập bênh
Như những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vàng khói chim đen thảng thốt quần
Kinh động đất trời như cháy đảo
Ta nghe chừng phồng khắp châu thân

Ta ngồi bên đống lửa man rợ
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi
Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi

Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu

Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảnh đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đổ thảm thê

Ta nói với từng tinh tú một
Hằng đêm, tất cả chuyện trong lòng
Bãi lân tinh thức, âm u sáng
Ta thấy đầu ta cũng sáng trưng

Đất liền, ta gọi, nghe ta không?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc
Con chim động giấc gào cô đơn

Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên
Mái tóc sầu nung từng sợi đỏ
Kêu dòn như tiếng nứt hoa niên

Ôi! lũ cây gầy ven bãi sục
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh
Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh

San hô mọc tua thêm cành nhánh
Những nỗi niềm kia cũng mãi khai
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người
3-1974

Chú thích:

(1) Tập thơ này, sau đó, đã được phổ biến
dưới ấn bản điện tử trên [Talawas](#)

Nguồn: Diễn Đàn Thế Kỷ

Ngựa phi đường xa Đặng Tiến

Năm 1992 qua Ba Lê, tôi đã gặp lại Đặng Tiến, một bạn văn từ năm 1960, khi anh viết phê bình sách cho tờ Tin Sách, và tôi làm Thư ký Tòa soạn tờ Điện Ảnh, cả hai tờ cùng của một chủ nhiệm Nguyễn Ngọc Linh, tòa soạn đặt ở khu chợ Cầu Ông Lãnh, Sài Gòn. Lúc sau chúng tôi cùng viết cho Bách Khoa của anh Lê Ngô Châu, Văn của anh Trần Phong Giao, cho đến khi Đặng Tiến đi Pháp, vào năm 1966. Từ đó thế giới của chúng tôi chia cách bằng một con sông Thương. Đặng Tiến hiện dạy Pháp văn trong một trường Trung học Pháp ở Orleans, nơi tôi đã ghé thăm, và dạy Văn chương Việt Nam cho Đại học Paris 7. Gần đây, anh phụ trách chương trình Văn học Nghệ thuật Việt Nam cho đài BBC, phát thanh mỗi tuần một lần. Anh là nhà văn hiện viết cho các báo ở hai bên lục địa, cả trong và

ngoài nước. Bài về nhà thơ Tô Thùy Yên dưới đây, là một trong những bài điển hình về lối viết sâu sắc của Đặng Tiến, mặc dù anh nói bài viết chưa hoàn tất thì bị phân tâm vì cái tang Bùi Giáng. Anh gửi bài này cho Khởi Hành từ Orleans, sửa thêm khi đang ở Bỉ. V.L.

Tô Thùy Yên đến với văn học trên “*Cánh đồng Con ngựa Chuyển tàu*”, bài thơ làm năm 1956, đăng trên báo Sáng Tạo thời đó và được độc giả hoan nghênh ngay, nhất là trong giới thanh niên, học sinh. Thời ấy sinh viên chưa nhiều, quần chúng văn chương còn thưa thớt, một thể hệ độc giả mới đang chớm thành hình. Với thời gian nhìn lại, bài thơ có thể xem là một sự kiện văn học vì lời thơ tân kỳ, ý thơ mới lạ, không giống một bài thơ nào khác trước kia mà đã được người đọc không chuyên môn văn học yêu thích ngay. Chuyện hiếm, vì công chúng Việt Nam nói chung là thủ cựu. Chuyện đẹp, vì bài thơ của tác giả 18 tuổi đi thẳng đến độc giả 18 tuổi. Ngày nay Tô Thùy Yên là tác giả danh tiếng. Bài thơ thanh xuân được những lớp phủ sa bồi thêm nhiều ý nghĩa mới.

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu,
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu.
Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau.
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu.
(...) Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn.
Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu.
(...) Ngựa ngã lẫn mình mướt như cỏ,
Chấm giữa nền nhưng một vết nâu.
(Tô Thùy Yên, Thơ Tuyển, tr 13)*

Cánh đồng, con ngựa ở đây khác với những hình ảnh trong thơ cổ, tranh Đường, tranh Tống, ngược lại phần nào đó, gọi lên nền “văn hóa đồng hoang” của Nga La Tư thời cổ đại. Chuyển tàu – nôm na là xe lửa – là biểu tượng văn minh cơ khí và hiện đại. Cuộc va chạm lớn lao giữa hai nền văn minh đông phương thảo mộc và tây phương cơ giới đã được nhà văn Phạm Văn Ký, 1910- 1992, vẽ lại trong tiểu thuyết *Mất nơi trú ẩn* (Perdre la Demeure, Gallimard, 1961, giải thưởng Hàn Lâm Viện Pháp), mô tả cảnh xây dựng con đường sắt tại Nhật Bản vào thế kỷ XIX. Ngày nay, với tập THƠ TUYỂN (1) ghi tất TT, của Tô Thùy Yên, con tàu còn mang nhiều ý nghĩa khác, như hình ảnh của lịch sử, dân tộc và loài người, tàn khốc và vô tâm:

*Tàu đi, khoan xoáy sâu đêm thép,
Tiếng nghiêng ghé người, thác lửa sa.
Lịch sử dường như rất vội vã,
Tàu không để lại các ga qua.
(Tàu Đêm, 1980, TT, tr 122)*

Bài thơ làm trong thời gian học tập cải tạo miệt Nghệ Tĩnh; con tàu chở những người tù lưu xứ (tr 121), từ một sự vật cụ thể, mang thêm nội hàm tượng trưng rộng lớn trong thế giới Tô Thùy Yên:

*Thời đại đang đi từng mảng lớn
Rào rào những cụm khói miên man
(TT, tr 125)*

"*Trên đường lịch sử sắt tuôn mau*" (tr 120) con tàu đối lập với ngựa; ngựa là hình ảnh loài người trong thân phận cá nhân, trong một thế hệ, một dân tộc hay thời đại trước tiến hóa. Sức người có hạn rượt theo bánh xe lịch sử, vô hạn và vô định, vì lý tưởng chính đáng, vì những say mê cuồng nhiệt và mù quáng, vì "duy ý chí", vì hoang tưởng hay chỉ là nạn nhân trong một hoàn cảnh. Cho đến khi "*gục đầu, gục đầu*"

*Ngựa ngã lẫn mình lướt như cỏ,
Chấm giữa nền nhung một vết nâu.*

Ngựa nâu là màu ngựa thường, có khi là ngựa thồ, không phải là bạch câu, ô truy hay xích thố. Ngựa của Kim Trọng trắng tựa "tuyết in", chấm trên nền cỏ thanh minh như một đóa hoa lê; ngựa của chinh phu cũng "tuyết in" nổi bật dưới chiến bào "*đỏ tựa rắng pha*". Ngựa của Vân Tiên đen tuyền, lấp lánh dưới kim khôi và siêu bạc rạng ngời giữa trận tiền. Ngựa của Tô Lang chỉ có "*lớp áo*" nâu sòng, màu của số phận dân quê, nói được là màu "dân tộc" cây sâu cuốc bẫm, hay cửa chùa vắng lặng. Khi thua cuộc, con ngựa -con người- chỉ để lại một "*vết nâu*".

Nâu như một giọt máu khô.

Thơ, và nghệ thuật nói rộng ra, là những giọt máu đang khô, hay đã khô, trên nền mãi mãi non xanh của ngôn ngữ loài người.

Cuộc đời như thế đấy.

THƠ TUYẾN của Tô Thùy Yên bắt đầu bằng một câu trần trụi, trong bài nhan đề *Thi Sĩ* làm năm 1960, có thể xem như là tuyên ngôn. Thơ, thơ ai cũng vậy, bao giờ cũng vậy, là Lời, lẫn với Đời. Khác nhau ở tỷ lệ: đời ít lời nhiều, hay ngược lại. Ở Tô Thùy Yên đời và lời cân phân.

Câu thơ dù bay bổng, nợ đời, tình đời vẫn nặng trĩu.

Thơ nhẹ cánh, mà đời nặng gánh. Nói "đời" là mơ hồ, thậm chí hàm hồ. Đời nào, đời ai, đời những ai? Đời tênh hênh thì thơ cũng tồ hồ. Ngày xưa Xuân Diệu tự xem như con chim "*ngựa cổ hát chơi*", lại thêm "*hát vô ích thế mà chim vỗ cổ*". Tô Thùy Yên không làm thơ để mà chơi.

*Tôi giành giọt đỏ máu với tôi
Từng chữ một
(Thi sĩ, TT, tr 9)*

Người xưa kể lại giai thoại "*thôi xao*", nhẹ nhàng như việc "đẩy cửa dưới trăng, *tặng xao nguyệt hạ môn*", (chuyện nhà thơ Giả Đảo đời Đường) không "*đổ máu*" như Tô Thùy Yên. Lê Đạt nói về nổi vất vả trong lao động chữ nghĩa có dùng hình ảnh "phu chữ"; Tô Hoài, trong bài viết đùa thân mật, diễn nôm là "cu ly chữ". Tôi có dịp hỏi ý kiến Lê Đạt, anh trả lời: hiểu như thế không sai, nhưng cục bộ, "phu" còn có nghĩa là "đại phu", hay "đại trượng phu" theo Mạnh Tử. Đây là lời nói riêng, không phải là ý kiến.

Tô Lang không chơi chữ nước đôi kiểu ấy: "*đổ máu*" là đổ máu, chỉ có một nghĩa, dĩ nhiên là nghĩa bóng. Đọc thơ Tô Thùy Yên, cũng không nên đọc để mà chơi. Tác giả kén chọn người đọc và cách đọc, có lẽ vì thế mà 40 năm sau khi có thơ thường xuyên đăng báo, anh mới cho xuất bản một tập *THƠ TUYẾN*. Viết về anh có phần khó; không phải ở khâu bình giải khen chê, mà ở mức độ đồng cảm. Tôi viết bài này là do yêu cầu của độc giả, chủ yếu vì lí do tâm cảm và đồng cảm, xem từng chữ của Tô Thùy Yên như những giọt máu. Ví dụ con ngựa nâu là giọt máu mới đông. Cũng trong bài tuyên ngôn Thi sĩ:

Bài thơ lọt vào người như kẻ trộm

Âm thầm
Vơ vét sạch vô tư
(TT, tr 10)

Như vậy đơn vị thơ Tô Thùy Yên không phải ở câu thơ, như thường lệ, mà là bài thơ có khi khá dài, thường trên một trăm câu, và từng bài thơ một, phải đặt lại vào toàn thể tập thơ mới đúng vị trí và ý nghĩa của nó. Trích dẫn từng câu, từng đoạn, dù tiêu biểu, là việc cực chẳng đã. Đọc toàn tập, chúng ta nhận thấy thơ của Tô Thùy Yên không có tuổi, cho dù mang nhiều âm vang của lịch sử, trong một giai đoạn chiến tranh, đói đời và tù đầy khốc liệt.

Bây giờ ta đã già như tuyết
Già vô âm vọng
Già thâm u
Bây giờ ta trẻ như hừng đông
Trẻ như tiếng reo
Trẻ bất tử.
Ta ca ngợi những điều vô ích nhất,
Như tình yêu, cuộc đời, sợi tóc cô.
(Chim Bay Biển Bắc, 1972, TT, tr 69)

Chàng thanh niên 18 tuổi, khi kể chuyện *Con ngựa Chuyến tàu* đã là một tâm hồn già; con người ngũ tuần vừa ra khỏi trại cải tạo sau nhiều năm lưu xứ với “*mái đầu sương điểm*”.

Ta về một bóng trên đường lớn,
Thơ chẳng ai để vạt áo phai
(Câu mở đầu bài *Ta về*, 1985, TT, tr 126)

Bài tuyên ngôn “*Thi sĩ*” làm 1960 đã có những câu:

Những tên cai ngục
Ngôn ngữ bất đồng.
Với thứ linh hồn quốc cấm,
Tôi tù tội chung thân
(TT, tr 9)

Trong một bài thơ đề tặng Thụy Vũ, ghi 7-1972 đăng báo Văn (Sài Gòn) số 208 ngày 15-8-1972:

Ôi những rặng cao su thẳng lối ngay hàng
Ôi những rặng cây mang án tử hình treo
(Bất tận nỗi đời hung hãn đó, tr 58)

Lại còn bài này nữa cùng thời 1972:

Sống trên đời chuyện ghé góm quá,
Vậy mà ta sống, có kỳ không ?
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm..

...

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Sống tàn đời kẻ sĩ tàn mùa
Trên dốc thời gian hòn đá tuột
Lăn dài kinh động cả hư vô

...

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Từ tội mừng ơn lịch sử tha
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lè
Ngày qua ngày, cho hết đời ta ...

(Bài: Hề, ta trở lại gian nhà cỏ, TT, tr 43- 45-46)

"Từ tội mừng ơn lịch sử tha"! Bài thơ ghi thời điểm sáng tác: tháng 7-1972. Tôi ngờ ngờ tác giả nhớ nhầm, thơ in nhầm ngày tháng chẳng? Tôi (vớ vẩn) đi kiểm soát lại thì thấy đúng, bài thơ đăng trên báo Văn, Sài Gòn số 208 đã dẫn, thời đó, có ghi rõ: làm ngày 11-7-1972.

Cùng với bài *Tưởng tượng ta về nơi bản trạch*, lời thơ bi tráng tuyệt diệu:

Ta bằng lòng phận que diêm tắt,
Chỉ giận sao mỗi lửa cháy sưng.
Thôi nói, bởi còn chi để nói,
Núi xa, chim giục giã hoàng hôn.

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch,
Áo phơi xanh phới nhánh đào hồng.
Mùa xuân bay múa trên trời biếc,
Ta búng văng tàn thuốc xuống sông
(Báo Văn, tr 61, Thơ Tuyển tr 51)

Que diêm tắt mà vẫn phơi phới đào hồng, trên cõi đời này, chỉ có Tô Thùy Yên! Niềm hạo nhiên đó, Tô Quân còn gọi là: "cái có nơi ta" trong bài *Chim Bay Biển Bắc* đã dẫn, làm ngày 4.8.1972.

Đừng loạn tâm, đừng loạn tâm
Cuối chặng hành trình quay đảo nhất
Cả thấy sẽ an nhiên
Trong trật tự hằng hằng của vũ trụ
A! Loài người thắng tiến được bao xa?
Trời đất phồng lên cơn giận dữ
Thối trận mưa rơm, Cối Tạm mù
(Văn số 208, tr 91, Thơ Tuyển tr 70)

Trước đó, bài *Đấng Tử*, 1971 có ghi tiền đề: (epigraphe)

Ngày kia trở lại Ngôi Nhà Lớn
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi.
(Báo Văn, số 190, TT, tr 23)

Mười năm lưu đày, thêm những lần bị bắt đi bắt lại, âu cũng chỉ là một kiếp chơi! Năm bắt được điều đó, mới hiểu thấu bài *Ta về* (1985) nổi tiếng về sau, được nhiều người trích dẫn, không phải lúc nào cũng với hảo ý văn nghệ.

Gần đây và hiện nay, về mặt văn hóa, trong nước đang thảo luận dài dòng về đề tài: truyền thống và hiện đại; dân tộc và thế giới; cái riêng trong cõi chung... Ý hướng tốt: muốn liên minh cái nọ với cái kia, điều hòa cuộc sống dân tộc trong một thế giới đang bước đi những bước khổng lồ.

Thực tế văn hóa, nghệ thuật không rắc rối như vậy. Người nghệ sĩ làm thơ, vẽ tranh một cách hồn nhiên muốn sao làm vậy, rồi tác phẩm của họ ra sao còn tùy; dân tộc hay hiện đại là do người xem người đọc. Nếu rung cảm chân thành và sâu sắc thì phải mang đủ hai yếu tố, với phần liều lượng khác nhau.

Nói rằng điều hòa truyền thống với hiện đại, ngày nay trở thành một khẩu hiệu, một cách chào hàng trong thị trường văn hóa. Trong thâm tâm người sản xuất đã có hậu ý đối lập: làm sao cho có bản sắc dân tộc mà vẫn hiện đại; làm sao theo kịp các trào lưu của thế giới mà vẫn giữ truyền thống. Hai chữ "mà vẫn" có tính cách lãnh đạo và tham lam. Mà lãnh đạo và tham lam là phi văn hóa. Người nghệ sĩ chân chính, dù cho bề ngoài phải chịu ức thúc, nhưng trong đáy tâm hồn, trong cõi thâm sâu của sáng tạo, họ là những cá nhân tự do sống và sáng tác với "*cái có trong ta*" như chữ nghĩa Tô Thùy Yên.

Con người nô lệ, vụ lợi và xu thời, giỏi lắm là nghệ nhân hay văn công. Trong thực tế sáng tạo, dân tộc và hiện đại là một đơn vị bất khả phân. Nhà phê bình mỹ thuật Thái Bá Vân, trong một tác phẩm mới in, đã nói chí lí và dũng cảm: "*cái khẩu hiệu Dân tộc Hiện đại của văn nghệ chúng ta trong nhiều năm nay là một mệnh đề thiếu chính xác và hoàn chỉnh ngay ở mặt tu từ (...) khẩu hiệu này thiếu cái hàm ý nhân loại trong truyền thống*" (tr 58). Trong một bài khác, anh nói thêm "*Cũng vậy đối với nghệ thuật bản sắc dân tộc và tính toàn cầu phải được hiểu là một*".(tr 73).

Cần nêu lên tiền đề này trước khi đề cập đến đề tài cục bộ: Tô Thùy Yên, dân tộc và hiện đại, đặt một trường hợp riêng lẻ trong cuộc thảo luận chung của đất nước - dù rằng cuộc thảo luận khắp khiêng. Nói khác đi, vấn đề không đặt ra với tôi; với tôi chỉ có thân xác những bài thơ ngoài thời gian và vô quốc tịch; nó là thơ Tô Thùy Yên thể thôi, không dân tộc hiện đại gì ráo. Nhưng với người đọc – người đọc báo chẳng hạn, người viết có nhiệm vụ (và hạnh phúc) phải cập nhật hóa bài viết, trong bối cảnh lý luận rộng lớn hơn, hiện hành trên đất nước.

Tô Thùy Yên đến với văn học Việt Nam ở một giai đoạn mới, mở ra tại miền Nam khoảng 1955-1956. Anh là thanh niên trí thức, đọc nhiều sách báo nước ngoài, trên một mảnh đất mở vào "Thế giới tự do" thì dĩ nhiên tâm hồn và trước tác cũng phải hiện đại: câu thơ, nhịp thơ, hình ảnh, ý tứ trong thơ Tô Thùy Yên minh chứng điều đó, chúng ta không cần đồ họa lời thôi. Cái chính là làm nổi bật tính dân tộc trong thơ Tô Thùy Yên, đã đưa thơ anh đến với một nhân loại muôn đời, vượt qua hàng rào "hiện đại".

Trong số những nhà thơ đương thời, có lẽ Tô Thùy Yên là người sử dụng nhiều ca dao nhất. Lưu Trọng Lư, một trong những người phát động thơ mới, thuộc nhiều ca dao, hay nhắc đến những màu sắc dân tộc, nhưng ít khi đưa ca dao vào thơ. Thanh Tâm Tuyền sành ca dao, nhưng không sử dụng, thậm chí có thể nói thơ Thanh Tâm Tuyền là một thi loại phản-ca-dao. Tô Thùy Yên, ngược lại ưa dùng lời ăn tiếng nói dân gian; nếu không thuộc tục ngữ, ca dao, người đọc có khi không hiểu anh nói gì. Ví dụ bài thơ mới làm cuối 1993, đề *Giã Biệt, "từ bỏ căn nhà, từ bỏ quê hương"* lên phi cơ biệt xứ:

*Anh ra đi
Bút ruột mà đi (a)
Như đã một lần cũng bút ruột
Đi những mươi năm tưởng chẳng còn về
Máu chảy không cầm như nước theo sông
Thành phố của anh*

Nhục nhần duyên cưỡng ép (b)
Cay đắng phận rau răm (c)
Tim lay lắt chập chờn nổi đờ
Mòn mỏi nén nhang khuya (d)
Buổi trở lại, trèo lên cây bưởi cũ (e)
Trông thấy nhau, thương chỉ để mà thương (f)
Đôi bông đỏ thoi thì em hãy giữ (g)
Tưởng tình xưa
Xin bỏ lỗi cho anh
Anh ra đi
Một lần nữa ra đi
Một lần nữa bút ruột
Thương người ở lại
Thương như mưa (h)
(TT, tr 203)

-
- a. Đưa tay mà bút ngọn ngò
Thương em đứt ruột, giả đồ ngó lơ
 - b. Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên
 - c. Cay đắng phận nghèo (mùi đời)
(thành ngữ).
Gió đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.
 - d. Anh buồn còn chỗ thở than
Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya
 - e. Trèo lên cây bưởi hái hoa
 - f. Cây cao bóng ngả qua rào
Trông cho thấy mặt không chào cũng thương.
 - g. Một mai thiếp có xa chàng
Đôi bông thiếp trả, đôi vàng thiếp xin.
 - h. Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.

Dĩ nhiên là còn nhiều câu khác mà tôi không biết, như “*máu chảy không cầm*” tôi nhớ mang máng đâu đó, không tường tận. Muốn tìm ra nhiều điển cố dân gian trong một bài thơ như vậy, phải lần lên đến *Quốc âm Thi Tập* của Nguyễn Trãi, thế kỷ thứ XV. Có những giao hưởng tài hoa và thi vị, trong lời hẹn một ngày về *Vườn hạ*

Ăn trái chín cây mùa hạ trước
Thấy nhành ớt động bóng chim quen
(TT , tr 91)

Muốn đi vào tâm tư tác giả, ta cần biết:
- *Chim chuyen bụi ớt lú lo*
Tình thương quân tử ốm o gầy mòn
- *Chim quyen ăn trái nhãn lồng*
Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi

Trong bài *Ta về* , 1985:
Đêm buồn, ai nữa đứng bờ ao
Khóc người, ta khóc ta rơi rụng
(TT, tr 135)

Câu trên gọi lên cảnh “*đêm khuya ra đứng bờ ao*” mà ai cũng nhận ra, nhưng không gian bờ ao kết hợp với “*rụng*” nhắc lại một câu ca dao khác và gọi ra tâm trạng hờn tủi của người về

*Thiếu chi cam rim hường rim anh không chuộng
Anh đi tìm trái khế rụng bờ ao.*

Một bài khác còn nhắc tới cây khế dung dị nhưng tuyệt đẹp:

*Ta nhớ lắm
Khu vườn xưa, cây khế tím mùa hoa*

Có khi Tô Thùy Yên sử dụng nguyên si một câu ca dao:

*Thôi, em tiếc thêm chi cái sợi dây dài
Để đến nỗi ngòi hoai bên giếng cạn ?
(TT, tr 150)*

Nguyên câu văn ca dao, hóm mà sâu :
*Tưởng giếng sâu em(anh) nối sợi dây dài,
Ai ngờ giếng cạn em(anh) tiếc hoai sợi dây.*

Bài *Mùa Hạ* làm trong trại học tập Nghệ Tĩnh, trực tiếp nhắc nhở nội dung dân gian của một hình ảnh.

*Ngày nghĩ về vườn thăm họ ngoại
Lòng như con sáo trong ca dao
(TT, tr 108)*

Con sáo là hình tượng tự do: “*con sáo sổ lồng sáo bay*”. Vương vấn đâu đó ít nhiều cay đắng, khi nhớ đến câu trước: “*Ai đem con sáo sang sông,*” so với tình huống của người dân miền Nam đi học tập cải tạo “*bên kia sông*”. Cùng trong trang đó:

*Em mặc bà ba ra bến nước,
Đưa tay khỏa nhẹ nhớ thương nào,
Đến nay lòng ấy còn xao gợn...
Mùa trái cây nào hái tặng nhau .
(TT, tr 108)*

Ngoài “*mùa trái cây*” gợi nhớ đời sống Miệt Vườn, chữ “*bà ba*” là đặc tính của Nam Bộ , nhưng không xuất hiện nhiều trong thơ. Thường thường ta chỉ thấy “áo lụa Hà Đông” hay là:

*Yêu nhau gói trọn hồn trong áo
Nhớ nhau từ trong tà lụa bay
Đình Hùng*

Võ Phiến thời đó (1972) đã nhiều lần luận về cái áo dài tha thướt; sau này, ra nước ngoài, anh mới nhớ đến cái áo bà ba. Tô Thùy Yên trong những câu thơ uyên bác, không ngại dùng những từ dân dã, Nam Bộ như *cười bung* (tr 59), *lá bung phơi* (tr 111), *bung nở* (tr 212), *tiếng hò mời dzô dzô* (tr 47), *quên ngang* (tr 119). Những lời lẽ dân gian được sử dụng uyên bác:

Tôi gầy yên lặng với âm thanh (TT, tr 10)
Ngọn cây, ô, đã giát hoàng hôn (TT, tr 43)

Ngoài ra còn có một số hình ảnh lấy từ ở đời sống hàng ngày, ở tuổi thơ nông thôn, từ tàu chuối lưa thưa đến hoa khế tím, con còng, con dế, đến chim bói cá, cá thia lia, những trò chơi trẻ con như cút bắt, "*xu thấy hết... đồng cái thua buồn cũng liệng sông*" (tr 95) ; với những kỷ niệm sắc bén:

Ai ngắt dùm anh cây cỏ suốt
Làm đôi gà đá, đá ăn cười
(TT, tr 92)

Gà đá, ở đây là những chùm cỏ cú, làm trò chơi của trẻ nghèo ở nông thôn. Kỷ niệm thơ ngây, lần xen vào những câu thơ hào hoa

Con chim lạc bạn kêu trời rộng,
Hồn chết trôi miền dạ lý hương.
(TT, tr 94)

Trong từ vựng, đặc sắc trong ngôn ngữ thơ Việt là giá trị những hư từ, như liên từ, giới từ, những công cụ cú pháp không có nội dung riêng, trái với thơ chữ Hán nặng về thực tế và né tránh hư từ. Thơ Tô Thùy Yên cô đúc và có phong thái cổ thi nên cũng ưu đãi thực từ, nhưng hư từ trong thơ anh lại rất đặc vị:

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cảm ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ mỗi lẽ loi
(Ta Về, TT, tr128)

Đoạn thơ này thường được trích dẫn vì nội dung lịch sử và nhân đạo, triết học. "*Hoa đã vì ta nở*" nhắc đến câu thơ vua Trần Thánh Tông, 1240-1290, trong bài *Vườn xuân nhớ người cũ*:

Vạn tử thiên hồng không lạn mạn,
Xuân hoa như hứa, vị thủy khai ?.

ĐT tạm dịch :

Muôn hồng ngàn tía sông đưa sắc,
Hoa nở, vì ai vẫn nở nhiều ?

Nhưng đừng quên giá trị của nó về mặt thi pháp, cách sử dụng các hư từ "vì", "từ", và cách ngắt nhịp huê dạng " từ mỗi" trong câu thơ.

Nói chuyện thơ, chúng tôi nghĩ nên ưu tiên cho các vấn đề về thi pháp, từ pháp, âm pháp, nói chung là ngôn ngữ. Dĩ nhiên nội dung của tác phẩm là quan trọng. Trong thời Tô Thùy Yên, lịch sử dân tộc để lại nhiều hình ảnh sâu đậm, quá khuôn khổ của một bài báo.

Vậy xin khát độc giả đến một dịp khác.

Paris, 22.10.1998. Điều chỉnh, 6-12-2009.

(1) Tô Thùy Yên, THƠ TUYẾN. Tác giả xuất bản, Minnesota, Hoa Kỳ 1995. Thơ trích từ đây.

(2) Thái Bá Vân, TIẾP XÚC VỚI HỘI HỌA, nxb VIỆN MỸ THUẬT, Hà nội, 1998, chỉ in 400 cuốn, ai đọc ai không? Đến hôm nay, 2009, chưa thấy tái bản.

Tô Thùy Yên, thời gian, tồn tại, cô đơn và đá Thụy Khuê

Hành giả của cô đơn, Tô Thùy Yên đáp chuyến tốc hành “cánh đồng con ngựa chuyển tàu”, năm 56, vào vòng khác biệt của thời gian, nghiền nát hình hài, đập tan bão tố, giã vụn tâm tư, biến tất cả thành hư vô, trừ đá: Đá ở lại. Đá ở lại, trong ánh tàn dư, khiến cho thời gian, đá và con người trở thành tương quan tồn tại.

Trên cánh đồng hoang thuần một màu

Trên cánh đồng hoang dài đến nỗi

Tàu chạy mau mà qua rất lâu

Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau

Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu.

Cỏ cây, cỏ cây lúi chổng mặt

Gò nổi cao rồi thung lũng sâu.

Ngựa thờ hào hển, thờ hào hển.

Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau.

Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn.

Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu.

Cánh đồng, a! Cánh đồng sắp hết.

Tàu chạy mau, càng mau, càng mau.

Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ,

Chấm giữa nền nhưng một vết nâu.

(Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu, tháng 4-1956)

Ý niệm “*chạy đua*” lạ lắm. Mà đây không phải là cuộc chạy đua tầm thường giữa phường tục tử. Đây là cuộc chạy đua giữa ba “kẻ” không phải người, không cùng “giống”: Cánh đồng (đất và cỏ) vừa là một tinh thể bất biến (đất), vừa là một sinh thể lụi tàn (cỏ). Ngựa thuộc loài tử kiếp (mortel), cố rượt theo con tàu, guồng máy vô tri, vô kiếp. Tô Thùy Yên đã đoạn tuyệt với quá khứ thơ tiền chiến bằng cuộc đua này, một cuộc đua rất cô hồn, siêu thực và có thật. “Chúng” chạy đi đâu? Chạy vào không gian và thời gian, mịt mù vô tận. Ngựa chạy mau, tàu càng mau hơn. Vận tốc (thời gian) càng gia tăng, cánh đồng (không gian) càng “dãn” ra như thể hai cái biển gian ấy cùng nhập bọn một lúc, điều mà Phạm Duy rất ngại: đừng cho không gian đụng thời gian (Thương tình ca).

Như thế, ý thức thời gian gia nhập lãnh phận Tô Thùy Yên ngay từ đầu, “thời gian” vào thơ như một nhận thức về sự tồn tại xuyên qua thời gian.

Ở ông, thời gian phát động những câu thơ rất sâu và rất mạnh:

“Thời gian” rũ trắng xương làm nhớ

“Thời gian” gia tốc thăm thê thay

“Thời gian” đứt quãng dài vô định

“Thời gian” mất trí trắng vô âm

Lục lại “thời gian” kiểm chính mình

Thăm thăm trửa “thời gian” chết xanh

Hồn “thời gian” phát phơ lười nhện

Thời gian đứt quãng là một nhận thức cô cùng sâu, dẫn đến những đón đau khác: thời gian rũ trắng xương làm nhớ, thời gian mất trí, thời gian gia tốc, thời gian chết xanh, hồn thời gian phát phơ lười nhện ... và trong cái biến thời gian dữ dằn, tàn khốc ấy, có kẻ đi lục lại thời gian kiểm chính mình, thì quả là cao đạo.

*

Cùng với Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên đem ý thức về bản ngã, về nỗi hoang tưởng của con người vào thi ca những năm 60, với một phong cách khác.

Ở Thanh Tâm Tuyền, con đường ý thức được vẽ trên cấu trúc gián đoạn, tượng trưng mạch đứt của thời gian.

Đêm ngã xuống khoảng thì thầm tội lỗi

Em bé quàng khăn đỏ ơi

Này một con chó sói

(Tôi Không Còn Có Độc)

Ở mỗi tích tắc, Thanh Tâm Tuyền chụp một bức ảnh và dàn trải chúng bên nhau.

Ba hình ảnh “đêm ngã xuống”, “em bé quàng khăn đỏ” và “con chó sói” rời rạc, không có gì liên lạc với nhau, cả ba xuất hiện cùng một lúc thành một bức tranh “siêu thực lập thể”.

Ở Tô Thùy Yên, ý thức hoang tưởng xuất hiện dưới dạng cổ điển và liên tục. Tô Thùy Yên không phá cách trong hình thức mà phá cách trong tư tưởng:

Thời gian đứt quãng dài vô định

Như sợi dây điều băng mắt tăm.

Lòng anh thẳng thốt, sông chao song

Kỷ niệm buông tay, rú ngất chìm.

(Vườn Hạ)

Cách tạo hình siêu thực gắn với ý thức về bản ngã, về sự đứt quãng của thời gian, được Tô Thùy Yên nhào nặn nhuần nhuyễn trong một cấu trúc liên tục: Thời gian đứt quãng dài vô định như sợi dây điều băng mắt tằm, lòng anh thảng thốt, sông chao sóng đến đây vẫn là một *“chuỗi thơ”* hiền lành theo lối cũ, bỗng *“kỷ niệm buông tay, rú ngất chìm”*, từ đâu rút xuống khiến người đọc thảng thốt, giật mình kịp thấy nổi hoang mang, hoang tưởng. Trễ rồi. Hẳn đã nhập cuộc. Vào cõi thơ Tô Thùy Yên, vào cõi hoang tưởng của chính mình, với những hình ảnh cực kỳ phức tạp: *“nằm nghe tóc rụng”, “chiều hôm nhìn lửa nhớ tiền thân”, “con rạch đen nồng như máu chết”, “mắt người sâu vơi vơi ẩm hơi chiều”, “đất bạc màu đi, đất bạc màu”*.

Đi từ những nghiệm sinh về sự tồn tại và thời gian, rất Heidegger ấy, thơ Tô Thùy Yên đón đau và sâu sắc, ông tạo ra một mẫu cô đơn hành giả, có khả năng đi ngược thời gian, suốt đời tìm lại chính mình, đằng vân trong một vũ trụ đau thương, ô nhiễm những lừa lọc, tội tù và chết chóc:

Nao nao mường tượng bóng mình
Mịt mùng cõi tới, u minh tiếng rền
Xuống đò, đời đã bỏ quên
Xuống sông nước lớn trào lên mắt người.
(*Qua Sông*)

Những chuyến đi tuyệt vọng chỉ kéo dài thêm, lâu thêm, nổi khắc khoải của cô đơn:

Năm tháng nhúng hoàng hôn
Đến rã rời thể xác
Tôi đã thấy mất mát
Tất cả trừ cô đơn.

Cuộc sống nhiễm làm than
Nằm liệt trên buồn bã
Thượng đế điềm nhiên lạ
Tôi đánh liều cười khan
(*Thân Phận Của Thi Sĩ*)

Nhưng nói gì, làm gì rồi cũng thể thôi, cũng thừa thôi. Bởi từ lâu, người đang tử ấy đã biết rằng:

Chim đã bay quanh từ vạn cổ
Gió thật xưa, mây thật già nua.
(*Đang Tử*)

*

Với đá, Ngô Thừa Ân bắt đầu Tây Du Ký, Tôn Ngộ Không là con khỉ đá. Tào Tuyết Cần mở Hồng Lâu Mộng bằng đá, Giả Bảo Ngọc là hậu thân của hòn đá dưới núi Thanh Ngạnh. Luận Ngữ, Tam Tự Kinh ... trong Văn Miếu tại Trường An cũng khắc trên bia đá. Rút cục chỉ có đá còn lại. Đá ở lại. Đá ở lại sau khi tất cả những ánh tàn dư khác đều đã trôi đi, biến đi:

Trên dốc thời gian, hòn đá tuột
Lăn dài khinh động cả hư vô
(Hề, *Ta Trở Lại Gian Nhà Cổ*)

Tiếng kêu đá lở long thiên cổ
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chôn
(Góa Phụ)

Đá là thể xác của vĩnh cửu. Nhưng đá cũng lại muôn kiếp cô đơn. Đá không có bạn. Đá không nói. Không có thông ngôn. Đá đợi ngàn năm. Đá là nỗi đợi vô tận.

Nữ Oa góp nhặt những hòn đá lớn, ngoan cường nhất để vá lại bầu trời thương khuyết, nứt nẻ, tật nguyên. Với sự tính toán tỉ mỉ, Nữ Oa cho rằng: Phải cần đến hàng vạn năm mới kiếm được 36.500 hòn đá lớn để lấp kín vết thương của bầu trời. Bà chuẩn bị được 36.501 hòn đá, nhưng lại chỉ cần có 36.500. Hòn đá duy nhất, bé nhất còn sót lại bị bà bỏ quên trên núi Thanh Ngạnh.

Về tâm sự đứa con út của Nữ Oa, Tào Tuyết Cần viết: *"Đá khát vọng lên trời, nhưng bầu trời bao la rộng lớn lại vứt bỏ nó. Đá muốn xuống với đất nhưng năm tháng dằng dặc qua đi, mòn mỏi đợi chờ vẫn không có cơ may để nó được đặt chân lên bàn cờ huyền bí trên mặt đất."* Nhà văn muốn giải thích cái nhân duyên của đá. Không được lên trời, không chôn xuống đất. Đá hóa thân thành: Giả Bảo Ngọc. Đứa con út của Nữ Oa, chẳng qua là con người bị kết án chung thân di chuyển, lửng lơ giữa thời gian và không gian một chiều đi duy nhất: Tiến về cõi Không. Dẫm lên lằm than, tang tóc, cô đơn, phi lý, nguyên rủa, căm thù, lắng nghe những chuyện trần thế thất thiệt. Thân phận đợi chờ, di biến, tro đá ấy, Tô Thùy Yên đã viết được, như một định mệnh, một vinh dự lằm than của kiếp người, như một định nghĩa của cô đơn, của con người, lửng lơ trong cõi vô chung, vô thủy:

Con chim bói cá trong tàn tối
Soi vịnh hằng xanh rợn mặt hồ
Hư ảnh lờ rờn tụ tán tụ
Hoài công không định nổi chân như

Trái đất thì buồn như xác rỗng
Ta thì như gió, tuyết bơ vơ,
Trăm năm, cửa khép hờ mưa nắng ...
Mãi chẳng ai về qua gọi cho.

Ta đợi nghe chuông thiên cổ mỗi
Hàng hàng thân trụ đứng hư hao
Hoàng hôn, thần thánh bưng mặt khóc
Ta chẳng buồn thăm hỏi tại sao

Ôi đá địa đầu vẫn vụn mộng
Ai xưa qua yếm lại tình sầu
Thời gian rủ trắng xương làm nhớ
Gió cát không nguôi khóc dãi dầu.
(*Nỗi Đợi*)

Ý thức về đá làm lạnh thơ, giá băng những câu thơ tha thiết nhất:
Từng chút vỡ về, từng chút một
Em tạt vào anh rồi rút đi ...
Thương tích chẳng lành chan muối xót
Bào sâu thân đá, nước tay ghi
(*Hải Phận*)

Và với lạnh băng ấy, nhà thơ đi vào hành trình ý thức, tìm lại chính mình:
Một sáng ta về qua bãi sục
Thấy tàn tro váng biết là ta.
(*Nỗi Đợi*)

*

Ở Tô Thùy Yên, còn một con người nữa trong đó chất hành giả, ý niệm quân tử và hào hung nhào nặn thành một tâm hồn “*tráng sĩ*” hiện đại. Hình ảnh này rất được quần chúng (di tản) ngưỡng mộ. Giọng thơ quan hoài, biên tái, mang hào khí của người (anh hùng) bại trận, bất khuất. Coi nhẹ tù đày. Xem thường gian khổ. Kể chuyện mười năm lao cải nhẹ như lông. Bài Ta Về được phổ biến ngay khi Tô Thùy Yên còn ở trong nước như một bài ca ngất ngưỡng của người tù cải tạo, cao ngạo trở về, với cái ta khinh mạn và ngạo nghễ:
Ta về một bóng trên đường lớn

Thơ chẳng ai đề vạt áo phai ...
Sao vẫn nghe đau mềm phế phủ?
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay.

Vĩnh biệt ta – mười năm chết đắp
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu
Mười năm, mặt xạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ.

Ta về qua những trướng cùng phá
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ,
Nghe tàn cát bụi tháng năm bay

....

(Ta Về)

Nhiều người cho Ta Về, Chiều Trên Phá Tam Giang, Trường Sa Hành ... là những bài thơ tiêu biểu Tô Thùy Yên, có lẽ tiêu biểu thơ chính khí, chính luận thì đúng hơn. Bài Ta về, như có ý tái tạo một chính nghĩa, một chí khí cho người bại trận, xướng lên cái căn cước của miền Nam, tấm lòng “rộng lượng” của người tù lao cải, sẵn sàng tha thứ cho những kẻ đã hành hạ, đày đọa mình.

Nhưng dường như thơ hay không cần chính nghĩa, không cần bày tỏ. Lão Tử có nói đến tính “vô ích” của các sự xướng danh. Vô danh mới là Đạo. Đạo thường ẩn. Đạo vốn mộc mạc, không có tên. Không có tên nên mới có khả năng biến hóa. Thơ hay không lộ. Mà lại ngại những hình ảnh cliché, sáo mòn như thơ đề vạt áo, niềm đau phế phủ, chốn rừng thiêng, tiếng nghìn thu, trướng cùng phá, hóa thân thành vượn ... Những nỗi đau thật không hợp với tạng chữ lấp lánh láng diệp, như thể đám tang không mặc áo màu.

Cho nên những câu thơ như:

Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh lớn

Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngơ.

trong Trường Sa Hành, dù được ca tụng, e rằng chúng cũng rất xa với nỗi quạnh hiu dù rất lớn của nhà thơ và của con người.

*

Ở Tô Thùy Yên, cô đơn, hiu quạnh và thất phận âm ỷ dưới những câu thơ khác không viết hoa, khiêm tốn hơn, tinh tế hơn và ít được chú ý hơn.

Dường như nỗi đau đã đến với Tô Thùy Yên từ rất sớm, từ những ngày đầu chiến tranh, nỗi đau đời, bắt gặp một đêm qua bắc Vàm Cống:

Đêm qua bắc Vàm Cống,
Mối sầu như nước sông,
Chảy hoài mà chẳng cạn,
Cuốn phăng kiếp bèo bọt.

. . . .

Tôi châm điếu thuốc nữa
Đốt tàn thêm thán năm
Chiếc bắc xa dần bến
Đời xa dần tuổi xanh

Nước tách nguồn về biển
Sầu lại chảy về hồn
Khi tôi vượt lấy mặt
Nghe bàn tay trống trơn

Đây là một trong những bài thơ lọt vào người như kẻ trộm như lời Tô Thùy Yên. Chính cái khẽ khàng, cái nhỏ nhẹ ấy mới thấm và đau, nó là những sợi thần kinh của cảm giác. Không hề có những chữ “lớn” mà mối sầu vẫn lớn. Một thời gian gian dối: Đốt tàn thêm thán năm. Một trống vắng âm thầm xâm lấn, cô đơn nạo sạt hồn người: Khi tôi vượt lấy mặt, nghe bàn tay trống trơn. Thơ đã tìm được tần sóng của những ngõ vắng, những lối lạc của tâm hồn; thơ mở những cửa kín, phát lộ những nỗi đau dấu sâu trong tim người.

Bài Vườn Hạ, lạnh lung chằng lên phận số con người, những kiếp mỏng manh như những sợi điều, bị bắt làm con tin cho một mẹ mìn thời gian luôn luôn bất trắc phản bội chỉ chờ dịp là quất ngựa truy phong:

Thời gian đứt quãng dài vô định
Như sợi dây điều băng mất tăm
Lòng anh thẳng thốt, sông chao song
Kỷ niệm buông tay rú gắt chìm.

Ai ngắt dùm anh cây cỏ sứt
Làm đôi gà đá, đá ăn cười
Mùa hè đi khuất kêu không lại

Bãi mía điều tàn gốc cháy thui.

Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc
Thăm thăm trưa, thời gian chết xanh.
Ngoài cõi chói chang hư ảo múa
Dường như ai gọi ấu danh anh.

Hàng cây đứng bóng ôm tròn gốc
Đất ẩm vương hương, cỏ trở màu
Ai cúi soi mương rong khóa mặt
Thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao.
(Vườn Hạ)

Một mối ‘sầu’ mới dấy lên, không phải sầu tiền chiến, sầu lãng mạn Lưu Trọng Lư, Huy Cận. Sầu Tô Thùy Yên mang tính chất nội tại, sầu hiện sinh, sầu sống, sầu hôm nay, sầu tự bản thân lan ra vũ trụ “*lòng anh thẳng thốt sóng chao sóng*” khác với sầu hôm qua, “*sóng cuộn tràn giang buồn điệp điệp*” (Huy Cận). Sầu mới xuất phát từ người, làm chao đảo thiên nhiên, khác với sầu cũ: thiên nhiên gây thương cảm trong lòng người.

Ở cõi sầu mới, con người làm chủ tình cảm và tình thế, vũ trụ bị nhân hóa (việc nhân hóa này rất khác với nhân cách hóa trong thơ lãng mạn: phát phơ hồn của bông hường, Xuân Diệu) như: Trời cao mỗi mắt chòm mây bạc: trời, mây ở đây là người, chứ không bị ví là người như bông hường của Xuân Diệu.

Thăm thăm trưa thời gian chết xanh, ngoài cõi chói chang hư ảo múa, hàng cây đứng bóng ôm tròn gốc, đất ẩm vương hương cỏ trở màu ...: thời gian, hư ảo, hàng cây, đất, cỏ ... đều là người, và người lại biến thành vật ảo, thành bóng ma của chính mình:

Ai cúi soi mương rong khóa mặt
Thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao.

Những rung động mới này xuất phát từ những nghiệm sinh về tồn tại và thời gian, hợp với cách tạo hình siêu thực, tạo thành “*nỗi đau hôm nay*”, một nỗi đau xâm thẳng vào bản thể, dày vò tâm thức, cực kỳ nhức nhối (khác hẳn với nỗi đau lãng mạn êm dịu thời tiền chiến), tạo nên những hình ảnh thăm lặng mà vô cùng chua xót như mùa hè đi khuất kêu không lại, thăm thăm trưa thời gian chết xanh, thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao ... Nơi Tô Thùy Yên, có tồn tại nào qua mắt được thời gian? Tồn tại và thời gian ẩn kiếp trong nhau: Không biết ai phụ ai? Ai lấn át ai? Ai chết trước ai?

Hải Phận, một bài thơ nhỏ với mối sầu lớn. Tô Thùy Yên dựng hải phận tình yêu trong hải phận người. Vừa chia cắt, vừa gắn gụi như biển và cát, như nước và đá. Áo tưởng gần xa, hợp tan, sáng tối, tuy một mà hai, giao nhau tạo nên một mối sầu non trẻ luôn luôn bắt đầu, luôn luôn trở lại:

Như một con sò giữa chiếc vỏ
Chúng ta cuộn trốn trong tình yêu
Như đôi dã tràng không biết mỏi
Chúng ta khởi sự lại mối sầu

Từng chút vỡ về từng chút một
Em tạt vào anh rồi rút đi
Thương tích chẳng lành chan muối xót
Bào sâu thân đá, nước tay ghì.

Người lính trong hải phận cũng nhập nhằng, khiêm tốn. Ở đây không có khí hạo nhiên, không có lời hào sảng mà chỉ là những tích tụ đau thương, nhục cảm, tìm đến đối tượng yêu đương như một cõi sống, cõi về, cõi hải đăng sáng diệu:

Anh sống làm quen cùng cái chết
Liếm lấy mặn mà trên đau thương
Chìm mãi xuống em và mất tích
Như mặt trời rã trong nước loang.

Vị thần mun hải đăng trợ trợ
Trừng mắt con mắt ngó không gian
Em trở về em chờ biển đổi
Trở về em như kim chỉ nam.

(Hải Phận)

Sau này, nếu tất cả nhân gian đã bị thời gian cuốn đi, ý thức cô đơn nơi Tô Thùy Yên sẽ còn dội lại như một âm thừa tưởng lạc đến muôn sau. Và những gia tốc vận hành của nhà thơ, ngược thời gian, tìm về tiền thân, rồi cũng sẽ được lưu lại như một thử nghiệm tư tưởng.

May ra, trong một mùa hạn nào đó, Tô Thùy Yên sẽ tìm thấy:

Ở đâu còn cụm mây hư ảo
Bay tự ngàn năm trắng cổ thi
Tưởng tượng ta gom vào hiện kiếp
Trọn luân hồi ấy, một lần đi.

Paris tháng 10/1998

(Trích Sóng Từ Trường II, Thụy Khuê, nxb Văn Nghệ, 1998)

Thi sĩ, kẻ nhuốm bệnh thời khí trước tiên và khỏi bệnh sau cùng

Phan Nhiên Hạo thực hiện

Phan Nhiên Hạo (PNH): *Trước 1975, anh là nhà thơ nổi tiếng, sống giữa lòng sinh hoạt văn chương miền Nam. Theo anh, những đặc điểm nổi bật của thơ miền Nam trước 1975 là gì?*

Tô Thùy Yên (TTY): Thú thật, tôi đã phải ngần ngừ trước câu hỏi này. Trình bày những đặc điểm dù là những đặc điểm nổi bật của thơ trong cả một thời kỳ quả là việc làm không quen của một người không phải là một nhà chuyên môn nghiên cứu văn học với đầy đủ tài liệu, thống kê. Bởi miền Nam trước 1975 có nhiều bài thơ đặc sắc, nhiều thi sĩ có tài, mỗi bài thơ, một không khí, mỗi thi sĩ, một phong cách. Nên trình bày tóm lược như vậy, do chủ quan và qua hồi tưởng, chắc sẽ khó tránh khỏi những thiếu sót có thể là trầm trọng. Nhưng đã được hỏi đến, thôi thì thấy sao, nhớ gì, nói nấy vậy.

Theo tôi, thơ miền Nam trước 1975, so với thơ của những thời kỳ trước đó, nhìn chung, đã đi sát hơn với thời đại mà nó phát sinh, đã biểu hiện đầy đủ hơn, trung tín hơn thực tế của thời đại đó. Ở đây, để tránh mọi hiểu lầm, tôi xin nói ra bên lề một chút về ý niệm thực tế trong thơ. Thực tế biểu hiện trong thơ, theo chỗ hiểu của tôi, không nhất thiết phải là một thực tế biểu hiện theo lẽ lối của chủ nghĩa tả chân xã hội mà là một thực tế gần như không cụ thể hẳn, một thực tế thường nặng phần tinh thần hơn mà tôi mạo muội gọi là thực tế tinh rỗng, một thực tế không bắt buộc phải pha tạp bận bịu với những chi tiết râu ria của đời thường. Một bài thơ có tính thời đại nhiều khi đã chẳng hề nói đến những gì đang xảy ra trước ngõ nhà thi sĩ, mà lại nói về những chuyện tận đâu đâu. Tính thời đại của một bài thơ quan yếu ở tình ý, thần hồn của bài thơ đó.

Nói như vậy cũng hàm ý rằng văn chương, đặc biệt là thơ của một thời đại chính là cái hình tượng sẽ còn lại của thời đại đó. Lịch sử là lăng tẩm của thời gian. Thi ca là một phần hồn thiêng của lăng tẩm đó. Trong thơ miền Nam vào thời kỳ sau 1954 đã xuất hiện một nhân tố hoàn toàn mới, nhân tố đó là lịch sử. Nhân tố đó tuy đã bắt đầu có ló dạng trong thơ thời kháng chiến chống Pháp nhưng sự ló dạng đó dù sao cũng chỉ thập thò, loáng thoáng, bóng dáng lịch sử trong thơ thời kháng chiến vẫn có vẻ gì đó phiến diện, cùng lắm chỉ là những biểu hiện hoàn toàn có tính tả chân đơn điệu mà thôi. Trong khi lịch sử hiện diện trong thơ miền Nam thời chia cắt đất nước rõ nét hơn, trung thực hơn, và cũng đa dạng hơn. Nó đã lộ hiện tùy ở mỗi bài thơ, ở mỗi thi sĩ, với nhiều vẻ mặt sống động khác nhau, hăm hở có, hy vọng có, dò hỏi có, nghi hoặc có, nhưng nhan nhản vẫn là những vẻ mặt thâm thiết, thất thần, ê chề và tuyệt vọng. Dù phơi bày hay dù che khuất, lịch sử vẫn là cái phong nền ám ảnh bất biến của hầu hết những bài thơ miền Nam trong thời kỳ đó.

PNH: *Ngoài đặc điểm “đi sát thời đại”, thơ miền Nam trước 1975 hình như cũng đã phần nào trở nên “lý trí” hơn thơ tiền chiến?*

TTY: Một đặc điểm nổi bật nữa của thơ miền Nam trước 1975 là sự ngời xé qua của cảm xúc để nhường bót chỗ cho tư duy cùng ngời. Nhìn chung, thơ Việt trước 1954, đặc biệt là thơ tiền chiến, chủ yếu thành hình trên cảm xúc thuần túy. Một nhận thức gần như một định nghĩa rất đối sai lạc về thơ thường được nhắc đi nhắc lại như một khuôn vàng thước ngọc là thơ chỉ cần cảm, không cần hiểu. Chính cái nhận thức cực kỳ

tai hại này đã giam hãm thơ Việt, đã làm cho thơ Việt bị phé bỏ đi oan uổng một khả năng nữa đáng lý phải có đầy đủ của thơ là biểu hiện tư duy. Đến độ người ta đã dễ dàng ngộ nhận là thơ như không hề thuộc về trí tuệ con người. Nên vô hình trung, thơ Việt cùng với thơ Trung Quốc, đã không thoát ra khỏi cái vỏ tù túng, bí hơi ngàn đời của nó. Sau đời Đường, thơ đời Tống cũng chẳng đi xa hơn là mấy. Nó vẫn lẩn quẩn giữa những tình tự chủ yếu từng được biểu lộ loáng thoáng đâu đó thôi. Người đọc gần như không tìm thấy những sáng tạo mới khác, những rung động mới khác trong thơ nữa. Thơ miền Nam sau 1954 là bước đầu tiên và cũng là một bước quả quyết mở rộng bờ cõi sinh tồn cho thơ. Ở đây, có lẽ cũng nên nói thêm một chút về tính chất tư duy trong thơ để tránh những hiểu lầm nào đó cũng không kém phần nguy hại cho thơ. Gần đây, thỉnh thoảng người ta muốn phân loại thơ, chắc là cho dễ nói, nên đưa ra những danh loại cho thơ như là thơ chính luận, thơ siêu hình, thơ triết lý, thơ vân vân. Cách thức phân loại căn cứ thuần túy vào nội dung của bài thơ này vô tình đã coi nhẹ, nếu không nói là lược bỏ cái chính yếu của bài thơ, là cái phương cách cấu trúc thơ của bài thơ. Điều sơ đẳng là thơ có riêng những khả năng cùng những phương cách cấu trúc biểu hiện hoàn toàn đặc biệt của thơ. Hẳn nhiên, một bài thơ không phải, không thể, và nhất là cũng không nên là một bài luận thuyết chắc nịch quy củ về một chủ đề nào đó. Một bài thơ chỉ là một cố gắng hầu như tuyệt vọng làm lộ hiện một thi ảnh mờ ảo biểu tả một chấn động xúc cảm tư duy nào đó bằng một ngôn ngữ đã thoát vượt ra ngoài biên hạn thông phạm của chính ngôn ngữ, trên một phương cách cấu trúc hoàn toàn độc đáo của bài thơ. Sự không minh bạch của thơ chính là sinh mạng của thơ. Chỗ sáng tỏ bao giờ cũng là tử địa của thơ. Nói như vậy không có nghĩa là thơ phải bí hiểm mờ mịt mới là thơ. Người nào cố tình nghĩ sai, người đó có tội. Nhìn xa hơn, thơ với những khiếm khuyết mơ hồ khả nghi thuộc về bản thể của nó, lại cũng là một phương thức thật sự tuyệt vời trong công cuộc thăm dò đời sống của trí tuệ nhân loại phiêu lưu. Chỗ cùng đường của luận lý, của khoa học, kể cả của tôn giáo nữa, chính là điểm khởi hành lang bạt của thơ không bao giờ khựng chịu ngừng nghỉ. Thơ miền Nam trước 1975 đã có công lớn mang về đầy đủ cho thơ Việt cái khả năng biểu hiện tư duy phải có nhưng đã bị phé bỏ lâu đời mà không biết của thơ.

PNH: Có thời, cùng với Thanh Tâm Tuyền, anh là nhà thơ trụ cột của tờ Sáng Tạo. Tờ này tuy tồn tại chỉ vài năm, nhưng đã để lại dấu ấn quan trọng trong tiến trình phát triển văn chương, nhất là thơ ca, miền Nam. Theo anh, vì sao nhóm Sáng Tạo thành công như vậy vào lúc đó?

TTY: Dù muốn dù không, con người vẫn là sản phẩm của lịch sử. Trong một bài tựa, sử gia Pháp thế kỷ 19 Michelet đã cho lưu hành từ gia tốc như là một đặc tính của lịch sử. Nhưng ông mới chỉ phát hiện đặc tính gia tốc của lịch sử trong phạm vi thời gian với những biến cố càng lúc càng dồn dập của lịch sử, chớ chưa nêu lên đặc tính gia tốc của lịch sử trong phạm vi nhân bản, tức sự bành trướng khắp cùng của lịch sử càng lúc càng bao trùm khống chế nặng nề lên từng định mệnh cá nhân. Trong lịch sử, càng ngày con người càng bị quy định khắc nghiệt hơn bởi cái sử tịch chẳng thể từ bỏ được của mình. Và hẳn nhiên, người ta chẳng thể nào làm văn chương nghệ thuật bên ngoài lịch sử được. Sự xuất hiện cũng như sự thành công nếu có của tạp chí Sáng Tạo vào cuối thập niên 1950 cũng nằm trong tiến trình đương nhiên của lịch sử ở thời điểm đó. Năm 1954, chiến tranh với danh xưng chiến tranh Việt Pháp kết thúc, chiến tranh với một danh xưng khác còn đang mai phục chưa lộ diện, miền Nam trong một thời đoạn ân hận ngắn ngủi, mặc nhiên trở thành vùng đất trống của hy vọng và lo âu. Chủ nghĩa thực dân và kẻ a tòng bất đắc dĩ của nó là chủ nghĩa phong kiến đã bị thanh toán. Miền Nam từ trong hang cùng ngõ cụt của xã hội, cần những thay đổi khẩn cấp, những triển khai vượt bậc để sinh tồn trong một cơn bão lửa khủng khiếp đã bắt đầu cho thấy lờn rờn những điềm báo bất thường. Thành thử, miền Nam cùng với sự tượng hình của ý

niệm tự do dân chủ, trong một thời gian nhanh chóng, đã đón nhận ồ ạt bất kể mọi trào lưu tư tưởng hiện hành của thế giới, nhờ đó, nhận thức của thành phần tiên tiến trong quần chúng văn chương nghệ thuật một sớm một chiều cũng được nâng cao lên ngang tầm với nhận thức đương thời của quần chúng văn chương nghệ thuật thế giới. Tất nhiên, lớp quần chúng tiên bộ khởi đầu của một trào lưu canh tân văn chương nghệ thuật bao giờ cũng ít ỏi. Tạp chí Sáng Tạo lúc khởi đầu cũng không ra ngoài thông lệ đó. Tuy nhiên chỉ sau một thời gian ngắn, rất ngắn chừng vài ba năm thôi, cùng với những chuyển biến liên tục cấp kỳ của xã hội miền Nam, lớp quần chúng khởi đầu thừa thớt đó đã phát triển thật ngoạn mục và mặc nhiên chiếm lĩnh vai trò ngự trị trong sinh hoạt văn chương nghệ thuật. Trong kỷ ức của những độc giả thuộc thế hệ 1954 vẫn còn tồn đọng lâu dài những kỷ niệm tình đầu văn chương nào đó với tạp chí Sáng Tạo. Thế hệ 1954 đó là một thế hệ đặc biệt, sáng rực bao nhiêu là tài năng, xum xuê bao nhiêu là hứa hẹn, người viết trẻ viết cho những người đọc trẻ. Nhưng thương thay, đó lại là một thế hệ yếu mệnh, một thế hệ không có được nhiều thời gian, y như số phận chung của cả dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử, một dân tộc bất hạnh ít khi được rảnh rang thư thả, nên thế hệ đó đã chẳng thực hiện được những công trình quan trọng, quy mô mà lẽ ra thế hệ đó có cơ may làm được. Chiến tranh gia tăng cường độ, nói rộng địa bàn, thế hệ tội nghiệp đó một sớm một chiều đã bị cướp đoạt thì giờ và tâm trí, bị thí bỏ. Trong khung cảnh đó, tạp chí Sáng Tạo hiện diện chỉ được vài năm thôi, đã đình chỉ nhưng dù vậy, ảnh hưởng của nó trong quần chúng văn chương nghệ thuật Việt Nam quả đã chẳng đình chỉ. Trong lãnh vực tư tưởng, không riêng gì tại Việt Nam, mà hình như ở bất cứ nước nào, kể cả những nước sinh động nhất, bao giờ bức tường bảo thủ cũng cực kỳ kiên cố. Tạp chí Sáng Tạo ở thời điểm của nó, đã góp phần quan trọng trong việc xuyên thủng, phá sập được bức tường thâm niên đó, giải thoát quần chúng từ bao lâu bị kèm hãm bưng bít ra với thế kỷ, ra với thế giới.

PNH: *Cho đến tận hôm nay, vài nhóm văn chương cũng có tham vọng tạo được ảnh hưởng như Sáng Tạo xưa kia, nhưng xem ra “mộng vẫn không thành”. Anh giải thích sao về điều này?*

TTY: Lý do đơn giản là vì những nhóm đó không gặp được điều kiện thuận lợi phải có từ một lớp quần chúng khởi đầu hăm hở sôi động với những nhu cầu cực kỳ bức thiết. Người ta chẳng thể nào làm cách mạng trong một xã hội lảng đong, quần chúng không có ý chí đổi thay. Nhìn ở một góc độ khác nào đó, chính những cách tân lẻ tẻ, một cách khá là nghịch lý, lại chỉ củng cố thêm cho bức tường bảo thủ. Điều này, những tên cai trị độc tài biết rõ hơn ai hết.

Trở lại chuyện văn chương. Trong lãnh vực này, khác với sự làm tường của đa số người đời, việc xuyên thủng, phá sập bức tường bảo thủ thật ra không hề do một chủ trương canh tân văn chương hô hào, mà lại do chính những tác phẩm có tính canh tân gợi ý. Để mở đường văn chương nghệ thuật, bao giờ lý thuyết gia cũng đi sau người sáng tạo ít nhất là một bước. Chỉ độc lý thuyết canh tân thôi mà không có một đội ngũ những tài năng sáng tác canh tân tiên phong, lý thuyết đó cuối cùng chẳng hấp dẫn thuyết phục được ai mà chỉ trở là một ngông cuồng lố bịch.

PNH: *Thời đó, nhóm Sáng Tạo đại diện cho cái mới. Nhưng ngay cả khi cùng ý hướng cách tân, anh và Thanh Tâm Tuyền vẫn là hai phong cách thơ rất độc lập nhau...*

TTY: Tự bản chất, nhóm Sáng Tạo không phải là một văn đoàn với những định chế quy củ nghiêm ngặt, với những cương lĩnh chi tiết rạch ròi, những chương trình họp bàn kiểm điểm, mà chỉ là một quy tụ gần như tình cờ của một số người, tuổi tác chênh lệch nhau, gia thế khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, sở học khác nhau, nhưng cùng chung một sở thích là làm mới văn chương nghệ thuật, có vậy thôi. Ngay cả cái chuyện chính

là làm mới đó cũng chẳng ai bảo ban ai phải làm mới như thế nào. Tự do sáng tác được tuyệt đối tôn trọng, các tác giả, ai muốn viết gì, viết như thế nào, cứ việc viết, ngay cả việc khen chê sáng tác của nhau cũng chỉ là nhân tiện câu chuyện qua qua, lắm khi đùa cợt, chớ chẳng ai nghiêm trọng hiệu đính ai, chẳng ai ra sức vận động ai. Nếu như có một vận động nào đó thì vận động đó chỉ phát khởi từ Mai Thảo, một Mai Thảo tinh nhạy, cực kỳ yêu quý chữ nghĩa và tài năng, trầm lặng đến độ người không thân tưởng là lạnh lùng phớt tỉnh, với tư cách chủ báo cần bài đủ kịp cho số báo tới, đã có kêu gọi, thúc hối mọi người viết, viết. Những người trong nhóm chẳng mấy khi họp bàn nghiêm trọng, nhưng sinh hoạt với nhau thật chặt chẽ thân tình, hầu như đã dành tất cả thì giờ rảnh rỗi tìm gặp nhau, tay đôi, tay ba, nhiều khi cả đám, nói với nhau đủ thứ chuyện trên đời để rồi cuối cùng cũng chủ yếu quay về chuyện chữ nghĩa tư tưởng như là một ám ảnh đam mê chung. Ở bất cứ nơi nào, nhà riêng, tòa soạn, nhà in, công viên, vỉa hè, bờ sông, quán cóc, hàng ăn, phòng trà... Vào bất cứ lúc nào, sáng trưa chiều tối, và rất, rất nhiều lần mãi tận đêm khuya lang thang trên đường phố. Đó là thời kỳ bohémien của chúng tôi.

PNH: *Anh có thể nói đôi điều về quan hệ văn nghệ giữa anh và nhà thơ Thanh Tâm Tuyền?*

TTY: Thanh Tâm Tuyền và tôi bắt đầu chơi thân nhau cũng từ thời kỳ đó. Nửa thế kỷ đã đi qua, thay đổi bao nhiêu cảnh đời, nhưng vẫn không thay đổi tình bạn giữa chúng tôi. Chúng tôi trao đổi chia sẻ với nhau nhiều điều và tất nhiên cũng có nhiều điều chúng tôi không đồng ý với nhau. Thường chúng tôi cũng có những nhận xét bất chợt về những bài thơ nào đó của nhau nhưng chúng tôi tuyệt nhiên chẳng bao giờ thuyết phục nhau dù bằng cách này hay cách khác về phương cách làm thơ của nhau. Lý do quan trọng hơn cả là vì chúng tôi tôn trọng nhau, cũng như hiểu rõ rằng trong việc làm thơ không có chuyện hợp tác, và riêng phần tôi, tôi rất yêu quý tài năng đa dạng và chói rực của Thanh Tâm Tuyền. Theo chỗ tôi nhận thấy, Thanh Tâm Tuyền là một người sáng tạo bẩm sinh, đích thực, ngay cả trong những câu chuyện mưa nắng bình thường, anh cũng hay đưa ra những ý tưởng mới mẻ bất ngờ mà người không quen có thể cho là chối ngẩng, nhưng riêng tôi, tôi nhìn thấy chúng như những tia nắng lạ lùng của một trí tuệ cực kỳ sinh động, khiến người nghe có dịp đi xa thêm nữa trong suy nghĩ của mình. Thường giữa chúng tôi với nhau, Thanh Tâm Tuyền có một cách thức nói chuyện khá độc đáo là từ ý tưởng này nhảy sang ngay ý tưởng khác, thường rất xa cách nhau mà không cần lần lượt đi qua những ý tưởng chuyển tiếp trung gian, khiến người nghe có khi cũng ngớ ra và phải cất công chớp nhoáng dò ngược lại trong đầu mình đường dây tư tưởng của anh. Có lẽ cấu trúc thơ văn của Thanh Tâm Tuyền cũng theo một tiến trình tương tự. Ngay từ những năm mới 20, 21 tuổi, anh đã là một khuôn mặt quan trọng hàng đầu trong sinh hoạt văn chương miền Nam dù rằng anh là một tác giả gây ra nhiều dị nghị và dị ứng nhất. Mãi cho đến bây giờ, sau những gần năm thập niên rồi, hình như người ta vẫn chưa thật sự công bằng với anh. Cảm thức thường ngoạn của quần chúng văn chương Việt Nam quả neo buộc quá chặt, quá lâu vào cội đa già bảo thủ. Thời gian sau này, ra khỏi nước, anh ẩn mình ở một bang miền Bắc hẻo lánh, không công bố thêm sáng tác nào nữa, và như vậy, vô tình anh đã tạo ra một khoảng trống không nhỏ trong sinh hoạt văn chương hải ngoại hiện thời. Những khi gặp nhau, thường tôi có hỏi thăm chuyện viết lách của anh, nhưng hoặc anh lặng tránh trả lời, hoặc trả lời không rõ ràng, lúc vậy lúc khác, dù rằng anh vẫn như hồi nào, hào hứng đam mê nói bàn về tư tưởng chữ nghĩa kim cổ Đông Tây. Thôi thì văn chương cũng là thứ hữu mệnh, tôi chỉ biết ngậm ngùi và cũng như hồi nào, tôi chẳng nói thêm với anh một lời thúc đẩy, vận vẹo nào cả.

PNH: *Quan niệm chung của anh về vấn đề làm mới thơ ca thế nào?*

TTY: Bạn hỏi về quan niệm chung của tôi trong việc làm mới thơ như thế nào, quả tình tôi cũng ngần ra. Bởi tôi không hề có, ngay cho bản thân tôi, một chủ trương nhất định nào trong việc làm mới thơ. Một phần vì tự bản chất trời sinh, tôi vốn dị ứng với tất cả những thứ gọi là hệ thống hay định chế. Tôi định nghĩa tôi là một thân phận vô định. Và thơ cũng theo đó mà vô định. Vì vậy, tôi nhận thấy là mọi toan dự định nghĩa thơ nếu như có được đi chẳng nữa, cùng lắm chỉ là một định nghĩa què quặt tạm bợ cho thơ, định nghĩa qua những bài thơ đã có mà thôi. Lúc này, tôi có nhắc qua về bản chất phiêu bạt của hồn thơ, thành thử một định nghĩa nào đó về thơ mặc nhiên chặn đứng hồn thơ lại. Và vì hồn thơ không thể bị chặn đứng lại mà không bị hủy diệt nên thơ cũng như mọi hình thức diễn đạt khác phải được làm mới, thường trực làm mới. Nội ý niệm làm mới thôi cho thơ, nghĩ cho kỹ, tự nó đã bao hàm đầy đủ lắm rồi những gì cần làm, những gì cần tránh trong bài thơ sắp tới, chớ còn chủ trương thêm phải thế này, phải thế nọ chỉ là một việc làm dư thừa nếu không nói là có khi lại bội phản thơ vì ngăn chặn thơ. Ngay cả với mỗi thi sĩ thời, trong mỗi bài thơ đang làm của mình, theo dẫn dắt vô định của hồn thơ phiêu bạt, hẳn sẽ tự chọn lựa lấy một phương cách đặc thù và cũng là nhất thời nào đó mà thôi. Có như vậy mới thật sự là làm mới, thường trực làm mới. Bằng không, sẽ chỉ là mô phỏng, ngay cả mô phỏng chính mình. Một chủ trương về thơ thật ra chỉ làm hạn hẹp không gian sinh tồn của thơ. Hãy làm thơ theo như mình cảm nghĩ. Người sáng tạo tâm niệm: cõi sống mệnh mỏng biển ảo, liệu ta đã theo hồn thơ đi cùng khắp hay chưa? Ngay tảng đá nơi sân nhà, có những buổi sáng tôi nhìn nó thấy lạ như chưa từng nhìn thấy nó.

PNH: *Sau 1975, anh đi “cải tạo” mười ba năm. Có lúc anh viết: “Hãy kể lại mười năm mộng dữ / Một lần kể lại để rồi thôi”. Anh đã có dịp kể lại cơn mộng dữ này chưa?*

TTY: Chưa, nếu nói là viết hẳn một cuốn sách dày về cơn mộng dữ đó. Nhưng nếu chỉ nói chung chung thì tôi có kể loáng thoáng đây đó qua một số bài thơ của tôi. Có nhiều biến động lớn lao trong đời như chiến tranh, tù rạc... mà tôi đã chứng nghiệm nhưng rồi tôi đã chỉ nói được một phần rất nhỏ nhoi qua thơ tôi mà thôi. Đồng ý là văn chương trong tự thể của nó tựu trung là một nỗ lực vô vọng nhưng tuyệt vời nhằm kéo dài sinh mệnh mong manh của ký ức loài người, nhưng việc viết hay không viết về những từng trải của mình hoàn toàn tùy thuộc nơi tâm cơ của từng tác giả. Vạn vật bất bình tất lên tiếng là chuyện đã đành, nhưng lên tiếng như thế nào lại là chuyện khác nữa.

Hẳn nhiên độc giả Việt Nam, nhất là tác giả Việt Nam nào mà chẳng mong mỗi một kiệt tác bề thế chiếu yêu một thời đại làm than vữa đi qua của đất nước? Một thời đại thảm khốc thường dẫn dắt ngay theo sau nó một thời đại được mùa của văn học. Nhân loại chẳng học hỏi được ở đâu nhiều bằng từ những thảm kịch của chính mình. Quả đáng tiếc và cũng đáng xấu hổ nếu như chính chúng ta chưa hình thành nổi một giáo án tầm cỡ tương xứng. Hay là dân tộc Việt Nam vẫn chưa vùng thoát ra được cái thảm kịch mấy ngàn năm đeo đẳng của mình là chẳng thu vén đủ nổi thời lượng rảnh rang và tâm trí tỉnh táo cho những công trình quy mô đồ sộ?

Tôi cũng xin nhân tiện nói luôn: chẳng lẽ cả dân tộc Việt Nam tự mình lại còn muốn kiệt sức hà hơi tiếp cho những cái thây ma một thời được nhốt rai rêu rao là đỉnh cao, là siêu việt, lại còn muốn khuất thân tôi mọi nổi dài thêm nữa một chương hồi lịch sử lầm lạc oan khiên, để tự mình đầy đọa lấy mình thêm nữa trong đó hay sao? Và cũng chẳng lẽ đã ba thập niên qua, thời gian của hơn một thế hệ trưởng thành, vẫn chưa đủ để chúng ta khựng tỉnh cơn hả hê hào khí ngất trời ngu muội và vô sỉ, vẫn chưa đủ để chúng ta giải trừ được lòng nghi kỵ cùng sự sợ hãi như những hội chứng tâm thần trước những phải trái cần phân minh, vẫn chưa đủ để chúng ta lượng thiện lượng giá phẩm cách làm người của mình, để mà can trường hồi phục được hy vọng, niềm tin và

ý chí phải có của một dân tộc hay sao?

PNH: *Những bài thơ sau 1975 của anh, trong khi phản ánh một đời sống khốn cùng cả vật chất lẫn tinh thần, vẫn toát lên nỗi buồn bao dung về cuộc nhân sinh: “Ta tưởng chừng nghe thời đại động/ Xô đi ầm ĩ một cơn đau”, những niềm vui rất thi sĩ: “Cám ơn hoa đã vì ta nở/ Thế giới vui từ mỗi lẻ loi”. Trong quan niệm của anh, thi sĩ là ai trong cõi đời này vậy, giữa những biến động tàn khốc của lịch sử?*

TTY: Thi sĩ, người là ai? Bất thần bị hỏi căn cước, thi sĩ chắc phải lúng túng thôi. Bởi chẳng như người đời thường tưởng lầm, thi sĩ vốn không có căn cước nhất định. Căn cước đích thực của thi sĩ là bài thơ hần đã làm ra, vì vậy có thể hần có rất nhiều căn cước khác nhau, mỗi bài thơ là một căn cước nào đó của hần. Thi sĩ thật ra chỉ là người từng là thi sĩ của những bài thơ hần đã làm ra, chớ không phải là người lúc nào cũng đang là thi sĩ, hay sẽ là thi sĩ. Thi sĩ không phải là một danh phận thường trực hiện hành mà là một danh phận nào đó thuộc quá khứ. Căn cước hay những căn cước của hần, nếu phải gọi đó là căn cước thì cũng chỉ là những căn cước đã quá hạn. Nhận thức này cũng ngầm nói rằng thi sĩ là một hồn tính lang thang vô sở cư một khi đã xa lìa bài thơ quá khứ của chính mình. Hơn nữa, nói đến văn chương là nói đến quá khứ. Nếu như phải chọn một định nghĩa nào đó cho văn chương, tôi sẽ sẵn sàng chọn cái tên tựa tác phẩm *À la recherche du temps perdu* của M. Proust làm định nghĩa vậy. Người sống chẳng ở lại trọn đời nơi quá khứ. Thi sĩ đã mãn phần khi làm xong bài thơ. Và nếu muốn, tự hần sẽ thoát đi, hóa thân thành một thi sĩ khác ở bài thơ sau.

Với xã hội, thi sĩ có khác người chẳng chỉ ở chỗ làm được thơ cho ra thơ, thế thôi. Tôi thiết nghĩ không nên nhầm lẫn lấy sứ mệnh của thơ làm sứ mệnh của thi sĩ. Trước đây, tôi đã có lần bày tỏ đại khái là thơ có sứ mạng, thi sĩ thì không.

Với lịch sử, trước những chuyển đổi thời thế, thi sĩ của bài thơ đang làm là cơ phận nhạy cảm nhất trên thân thể cộng đồng. Hần nhuốm bệnh dịch thời khí trước tiên và sau khi dịch thời khí đã đi qua, dường như hần vẫn còn phải chịu đựng lâu dài thêm hậu quả của bệnh. Ấu đó cũng là cái giá phải chăng mà hần phải trả sòng phẳng cho chính bài thơ hần đã làm ra. Nghề nào, nghiệp nấy.

PNH: *Anh đang sống ra sao, đang viết gì hay có ý định viết gì?*

TTY: Tôi hiện sống một mình trong một khu chung cư do chính phủ Mỹ tài trợ, láng giềng chủ yếu là người da đen và tôi gần như chẳng giao tiếp với bên ngoài vượt quá mức tối thiểu đòi hỏi của xã hội. Về vật chất, tôi tự bằng lòng với những căn bản mà một con người có thể nhờ vào đó mà tạm sống còn trong xã hội Mỹ. Về tinh thần, tôi đang suy nghiệm, qua bản thân khi đối diện với tuổi già trong cô quạnh, về một câu nói của E. M. Cioran mà tôi đã tình cờ đọc thấy: “Đêm tối chảy trong huyết quản tôi”.

Tôi vẫn chưa bỏ được viết. Tôi viết, lúc được lúc không, nhiều ít tùy cơ, và bởi tôi vốn không hề nhằm chủ đích chiêu khách tiếp thị gì nên thấy không cần phải rao hàng trước. Bao giờ tác phẩm đã xong thì hay là đã xong, xong như vậy đó. Hơn nữa, qua kinh nghiệm, khi chưa khởi công, thường tôi cũng có ý định này nọ, nhưng đến khi viết được thì lại viết những thứ khác hẳn với ý định ban đầu của mình. Thành thử cuối cùng tôi đành để trống tâm trí mình và tự thả nổi theo duyên nghiệp. Vả lại, đương đầu với tuổi già trái trở, tôi cũng tự lượng sức mình may ra chỉ còn làm kịp được dăm ba câu thơ chơi chơi nữa mà thôi. Từ bao giờ, tôi vẫn tâm nguyện ca múa không dụng tâm, sống đời không hậu ý. Bây giờ, thời gian còn lại ước lượng chẳng bao nhiêu, lẽ nào lại đổi thay điều tâm nguyện đó? Tôi mong mỗi bạn đã chẳng cảm thấy bị phụ lòng khi tôi phải trả lời không rõ ràng như vậy.

Cám ơn bạn Phan Nhiên Hạo cùng các bạn đã quan tâm thăm hỏi.

PNH: *Cám ơn nhà thơ Tô Thùy Yên.*

4/2005 © 2005 talawas



Tâm thức khuất dạng của thơ

1.

Năm đó, giặc Trung Quốc bắt thần mở mặt trận ồ ạt tấn công vào 8 tỉnh miền Bắc nước ta. Nửa khuya, Công an Cộng sản Việt Nam lừa tất cả những người tù đầy của chế độ miền Nam từ những vùng thượng du và trung du lên những chiếc xe đồ khấn cấp trưng dụng, chạy bán mạng về vùng Thanh Nghệ Tĩnh, tức Liên Khu Tư cũ, đất ẩn trú một thời của những Nguyễn Đức Quỳnh, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Phạm Duy và ban hợp ca Thăng Long, của những ngày toàn dân kháng chiến chống Pháp cũ. Tại một trại giam ở Nghệ Tĩnh, ẩn khuất trong Trường Sơn, tôi gặp lại người bạn vong niên là nhà thơ lão thành Hà Thượng Nhân, giữa đông đảo những bằng hữu thất tán khác. Trong một lần trò chuyện, nhà thơ Hà Thượng Nhân ngỡ ý khát khao được đọc thơ. Tôi hoàn toàn thông hiểu nỗi khát khao đó của Hà tiền bối.

Bởi tôi cũng hằng khát khao ngày đêm như vậy. Nên một hôm, tôi nỗ lực vận dụng trí nhớ đã nhiều hao kiệt của mình ghi lại toàn bộ một kiệt tác khá dài của thi hào Đỗ Phủ. Đó là bài Đồng Cốc Huyện Chung Cư Thất Ca, gồm bảy khúc ca viết theo lối cổ phong, trong đó thi hào mô tả thời thế loạn ly, người phải rời bỏ quê nhà, thất lạc vô âm tín đám em trai, em gái, nay lê tấm thân tàn bệnh tật, đói kém nơi chướng khí sơn lam, chỉ còn trò chuyện cùng con rắn lớn nơi đầm hoang. Bài thơ đó, tôi ghi lại hoàn toàn bằng Hán tự. Cụ Hà đọc lại bài thơ đó, xúc động, cố gắng chuyển dịch thành thơ Việt Nam để cho nhiều bạn khác không am tường chữ Hán cũng được thưởng thức. Rủi ro cho cụ là có một tên chỉ điểm nào đó đi thốc mách, đồ đạc của cụ bị lục soát, bài thơ tang chứng bị tịch thu nên cụ bị Ban An Ninh trại liên tiếp mấy ngày gọi lên làm việc.

Theo quan điểm của trại, rõ ràng là tên Đỗ Phủ này hoàn toàn không chịu an tâm phần khởi cải tạo, oán thán chính sách, bôi bác chế độ, tên Đỗ Phủ này quả là một tên phản động bẩm sinh, cho đến thời điểm ồ ạt của ba dòng thác cách mạng thế giới toàn thắng mà vẫn còn ngoan cố chưa chịu giác ngộ, hối cải. Cán bộ lãnh đạo yêu cầu cụ Hà phải thành khẩn khai báo tên Đỗ Phủ là bí danh của ai, thuộc đội nào, lán nào, liên hệ như thế nào với cụ. Mãi sau này nhớ lại câu chuyện đó, tôi vẫn còn thử nghĩ nếu ở vào trường hợp của cụ Hà, tôi sẽ phải trả lời như thế nào để hương hồn của thi hào Đỗ Phủ khỏi tủi hổ. Có thể tôi sẽ trả lời: Đỗ Phủ là danh hiệu của một con người xứng đáng, ông hiện diện ở mọi đội, mọi lán, một nơi chốn của nhân loại lầm than, ông là người rất đổi thân thiết của một số khá đông chúng tôi.

2.

Đối với đa số người đời, thông thường, thơ nói riêng, văn học nghệ thuật nói chung là một thứ gì đó rất ư phù phiếm, chẳng hề mang lại ích lợi cụ thể thực tiễn nào cho cuộc sống hằng ngày đầy dẫy những vật vạ, tất bật. Chắc chắn Platon không phải là người đầu tiên cũng không phải là người cuối cùng trong lịch sử muốn tống xuất nhà thơ ra khỏi cộng đồng loài người dù cho rằng Plato cũng còn một chút ưu ái là choàng cho lấy có lên đầu nhà thơ một vòng hoa tường thưởng. Do đó, dường như chẳng có mấy người làm văn học nghệ thuật nào, nhất là nhà thơ lại chẳng mang sẵn không nhiều thì ít cái mặc cảm mình là kẻ thừa thãi, là kẻ ăn bám trong xã hội loài người quần quật đầu tắt mặt tối. Rõ ràng lao động nghệ thuật, nhất là lao động thi ca, gần như chẳng được xã hội lưu tâm bao nhiêu và đánh giá đúng mức. Và cũng vì cái mặc cảm về sự vô bổ đó của thơ nên đã có một số không ít những người làm thơ đã muốn dĩ thi tải đạo, làm những bài thơ giáo huấn tuyên truyền luận giải thuyết phục, để thấy mình cũng như thơ có được một mục đích lợi ích xã hội thiết thực.

Tất nhiên cũng không hiếm những chế độ chính trị đã tận lực góp thêm phần tạo thành dày đặc cái mặc cảm vô dụng đó nơi người làm thơ để dễ dàng sử dụng hấn như một công cụ khá cần thiết cho chúng, và khi đã ưng chịu như vậy thì người làm thơ một cách mặc nhiên đã làm một công việc hoàn toàn khác biệt với công việc làm thơ, đã tự mình chối bỏ danh xưng thi sĩ.

Một chế độ chính trị bao giờ cũng bắt buộc phải chứng minh bằng cách này hoặc cách khác. Còn thơ tự bản thân nó chẳng cần chứng minh nó là thơ, một thế giới cảm xúc thể thôi. Sự thiết thân gắn bó của thơ đối với con người, cái lý do tồn tại chính đáng cao cả đó của thơ sẽ phải chỉ tìm thấy được ở một nơi chốn nào khác, và nơi chốn đó là hồn thơ của chính người đọc. Do đó, đã xảy ra điều nghịch lý là khi nhà thơ tự đặt trước cho mình một mục đích lợi ích thực tiễn xã hội nào đó, thì đó cũng là lúc nhà thơ chẳng còn lấy chút lợi ích nào nữa cho đời sống. Tuy rằng, trên thực tế, một thực tế mà người đời ít có dịp nhận ra một cách phân minh, chính xác là thơ, cho dù có bị khước bỏ, hất hủi, lãng quên đến đâu đi nữa, vẫn luôn luôn hiện hữu, kết liền một cách thiết thân hình bóng với con người, với cuộc đời như một người tình cực kỳ bất hạnh của định mệnh ràng buộc, chẳng thể dễ dàng xa lìa, để bỏ.

Bởi lẽ con người nào cũng đều tàng chứa trong tâm thức sâu thẳm của mình cái hồn thơ bàng bạc, chung đồng và vĩnh viễn. Cái hồn thơ đó trường kỳ nghi phục, bất động đâu đó, khó thể nhận biết trong những lúc bình thường của cuộc sống, để rồi trong những thoáng cơ duyên nào bất chợt nhất, nó lại xuất đầu lộ diện ngự trị, điều động con người theo những luật tắc riêng biệt vừa rộng rãi mà cũng vừa nghiêm nhặt của nó. Và kinh qua những lần chứng nghiệm thơ như vậy, con người bỗng nhận thức được như một đốn ngộ về một nghịch lý: thơ, với tất cả những gì mà người đời cho là những khuyết phé vốn dĩ của thơ, lại cũng là một phương thức nhận thức đặc biệt cùng với những phương thức nhận thức khác của con người triền miên theo đuổi công cuộc tìm kiếm những sự thật lẫn khuất chung quanh mình, ở trong mình.

Và thơ, tội nghiệp thay, cũng là đưa con nhò và được đã dẫn dắt người cha mù lòa đi sâu vào những cõi u uẩn huyền nhiệm tuyệt vời và chính những đưa con sáng sửa hằng được trọng vọng khác của trí tuệ con người chẳng tài nào tiếp cận.

3.

Phải, ở những lần ranh cuối cùng mà tôn giáo, triết học, khoa học đã phải đứng lại, thơ, vâng, chỉ có thơ, vẫn nhẹ nhàng tiến bước, xông pha, bay lượn, vùn vẩy. Lúc đó, những lúc đó, con người chợt cảm nhận rằng mình phơi phới nhẹ nhàng như đã được giải phóng khỏi những nặng nề đè ép thường nhật, rằng mình đã thật sự hòa nhập vào một đời sống có khi còn chính đáng hơn cả cái đời sống mà mình vẫn thường làm tưởng là duy nhất chính đáng, một đời sống khác nữa không hẳn là không xác thực, một đời sống khác nữa ở ngay trong cõi sâu cùng thăm thẳm nhất của chính đời sống. Những lúc đó, con người nương thả theo thơ, sống trọn vẹn là con người với đầy đủ các tính cách kỳ diệu lạ lùng mà bình thường chưa từng nghe thấy có, tưởng chừng chẳng thể có. Bởi lẽ hồn thơ chính là cái phần u ẩn lẫn khuất mệnh mông tuyệt đối của hồn người, nó chính thị là hồn người trong ý thức sâu cùng hết của con người.

Có thể nói mà không sợ quá lời rằng khó lòng tưởng tượng một con người còn có thể là con người nếu như con người đó, một cách giả tưởng, tự mình hoàn toàn tước bỏ cái hồn thơ của mình, tự mình hoàn toàn tước bỏ khả năng, tư duy xúc cảm nhân loại của chính mình. Bởi lẽ, thơ, những lúc đó, mặc nhiên trở thành thi sĩ theo định nghĩa cao cấp nhất của danh xưng: Kể tạo dựng một thi cảm, một cách thức nhìn thấy độc đáo về cái thế giới vừa ngoại quan và cũng vừa nội quan mà chính mình đang sống.

Thơ chính là một thị cảm dù được thể hiện theo kỷ luật riêng biệt của bất kỳ trường phái hay khuynh hướng thi ca nào, và nếu như bài thơ nào không truyền đạt được những kêu gọi phải có nhằm đánh thức thôi thúc được một cách mãnh liệt cái hồn thơ ẩn náu bất động nơi người đọc để hình thành một thi cảm nào đó, chắc chắn bài thơ đó đương nhiên không phải là thơ.

Tất nhiên, khi làm bài thơ, phần người làm thơ tận lực cố gắng phần mình nữa trong việc thể hiện được trọn vẹn cái hồn thơ chung đồng của cả đôi bên. Đó chính là chỗ lớn lao đích thực của thơ. Đó chính là lẽ tồn tại xứng đáng của thơ. Hiểu được như vậy, làm được như vậy, người làm thơ mới có thể ngẩng mặt với đời, nhận lấy danh xưng thi sĩ, không hổ thẹn về những đóng góp độc đáo của mình đối với xã hội, đối với lịch sử.

Đặc biệt, trong những tình huống cực kỳ chông chênh, nghiệt ngã, sinh tử mà chính con người đã bị dày dụa chìm đắm vào đó, bị đặt đề trước nguy cơ thường trực của sự trấn lột chính cái nhân phẩm còn sót lại của mình, thơ, hơn bao giờ hết, đã chứng tỏ một cách mãnh liệt cái khả năng siêu tuyệt gần như là tôn giáo của thơ. Trong những tình huống đó, rất nhiều người đã nương tựa vào thơ, để mà gìn giữ lấy mình, để mà sống sót với tư cách là con người, gầy dựng cho chính mình và cho cả bằng hữu cùng cảnh ngộ một thế giới ánh sáng, một thế giới niềm tin giữa một thế giới tối tăm, cùng mạt và hủy diệt. Ở đây, tôi không hề muốn nói thêm qua về cái bản chất của thế giới tù đầy đó.

Trong thế giới đó, nhiều con người thất trận của một cuộc chiến đã tạm thời phải ngã ngũ như vậy từ đất đứng, danh vị, thậm chí đến cả sinh mạng của mình, chỉ còn lại mỗi một phần duy nhất tạm thời chưa thể bị tước đoạt hoàn toàn, đó là nhân phẩm, và niềm tin của chính mình. Chúng tôi, mỗi người một cách, đều phải ý thức một cách rõ ràng rằng đó mới chính là nổi sinh tử cốt tủy, đích thực của chính mình, rằng không thể để cho con người trong chúng tôi bị bức tử, ô nhục, rằng đó chính là cái phần mà chúng tôi bắt buộc phải gìn giữ bảo vệ bằng mọi giá, kể cả bằng mạng sống của mình. Lúc đó, một số không nhỏ chúng tôi đã tìm thấy được một sự trợ lực thần thánh. Lúc đó, tôi nghiệm rõ một điều hết sức thông thường như một sự thật cổ lỗ mà bình thường chẳng bao giờ mình để ý đến về thơ.

Thơ là hình loại văn nghệ đầu tiên của con người, khi con người không có gì cả trong tay, và thơ chắc chắn cũng là loại văn nghệ cuối cùng của con người khi con người chẳng còn gì cả trong tay. Thơ sẽ còn hiển hiện tồn tại rạn vỡ với con người, nếu mà con người còn ngôn ngữ, còn tấm lòng, còn ký ức, còn là con người trong cái ý niệm cực kỳ cao cả đầu tiên và cuối cùng của mình.

Thơ, một cách mãnh liệt, đã trở thành sự sống không thể bị hủy diệt của cái ý niệm đó. Thơ còn con người còn. Tự bản thân, tôi vẫn quan niệm rằng văn nghệ cũng y như mọi thứ khác trên đều phải có những cấp độ cao thấp, lớn nhỏ của nó. Có những thứ văn nghệ ở cấp độ thấp nhất là văn nghệ giải oan, giải thoát. Chắc chắn không cần phải nói thêm, chúng ta đều thấy hiểu rằng trong hoàn cảnh lúc đó của chúng tôi, chúng tôi đã nhận chân ra cấp độ cao nhất của văn nghệ.

Lúc đó, thơ đã trở thành một thế giới bất khả xâm phạm, bất khả hủy diệt để con người chúng tôi được nuôi dưỡng tồn tại. Đó là một thế giới vô hình nhưng có thật, thật như một thế giới hữu hình nào. Cảm ơn ngôn ngữ của loài người, cảm ơn thơ của loài người. Thế giới của chúng ta không chỉ hẳn là một thế giới có mặt của những con người thân quen, từng gặp gỡ ngoài đời, mà còn là một thế giới có mặt những con người chưa từng gặp gỡ ngoài đời nhưng rất đối quen thân. Chắc chắn trong thế giới của chúng ta vẫn hăng lui tới hình bóng của một Khuất Nguyên tiều tụy lang thang bên dòng sông Mịch La, một Lý Bạch tiêu sái nơi một quán rượu của Hàng Châu, một Holderlin quần quai trong thư phòng khuya khoắt ở Horburg, một Nguyễn Du nã nê trở lại Thăng Long trong một ngày đông rét mướt, một Nguyễn Gia Thiều héo hắt ngồi bất động nơi Hồ Tây, một Nguyễn Trãi đạt ngộ giữa vùng cây cỏ Côn Sơn ... Những con người đó đã một lần đi khuất dạng trong lòng ta ...

Cảm ơn những con người đó đã đến trong thế giới riêng tư của chúng ta, ở lại đó, bầu bạn thăm thiết cùng chúng ta để chúng ta được đỡ xót xa thương lấy mình hơn nữa, để con người chúng ta còn được tồn vinh xứng đáng.

- Trên đây là bài nói chuyện của Thi sĩ Tô Thùy Yên
- tại Seattle Public Library ngày 26 tháng 7 năm 1997.
- Nhan đề và phân đoạn do Khởi Hành đặt.
(Trích Khởi Hành số 22 tháng 8 năm 1998)

Phụ đính

Đăng tử Nguyễn Hưng Quốc



Đăng Tử không phải là bài thơ hay nhất của Tô Thùy Yên. Tôi thích hơn, ở Tô Thùy Yên, bài *Qua sông*, bài *Trường Sa hành* và đặc biệt, chùm thơ *Quyển xứ sương* gồm ba bài thất ngôn: *Hề, ta trở lại gian nhà cỏ*, *Tưởng tượng ta về nơi bản trạch*, *Và rồi tất cả sẽ ngươì ngoai*. Tuy nhiên, *Đăng tử* là bài thơ có vị trí cực kỳ quan trọng: nó là cửa ngõ, từ đó, dẫn vào tư tưởng, vào tâm hồn, vào

cõi thơ bát ngát của Tô Thùy Yên. Không thể hiểu rõ Tô Thùy Yên, nếu trước hết, không đọc kỹ bài thơ này.

Bài thơ bắt đầu như một cách gợi chuyện:

*Bạn có nghe, này bạn có nghe
Ở bìa rừng bên gió sửa soạn
Tuần du - cuộc tuần du bất tận
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Giữa tầng trời cao chim giục giã
Từng giàn như những thủy triều sôi
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao
Về nơi hẹn nào không hẹn trước.*

Đoạn thơ nói về gió, về chim, về mây. Gió tuần du. Chim giục giã. Mây xôn xao. Nhưng chủ tâm của Tô Thùy Yên không phải là tả ảnh. Nhà thơ chỉ muốn nêu lên một số những hiện tượng trong tự nhiên. Và muốn nêu lên thật nhanh để đi vào vấn đề chính mình muốn gửi gắm. Nhanh quá thành hối hả. Mỗi khổ thơ bị rút ngắn lại ba câu thay vì là bốn câu như thường lệ. Và nhịp thơ nữa, để ý mà xem, cứ thoăn thoắt, thoăn thoắt, âm vang câu trước chưa dứt, âm vang câu sau đã tràn lên, nối tiếp, "như những thủy triều sôi".

Những hiện tượng tự nhiên ở trên dẫn đến nhận định này:

Bạn có nghe, này bạn có nghe Vũ trụ miên man chuyển động đều Chim đã bay quanh từ vạn cổ Gió thật xưa, mây thật già nua Nên vời một đời bao biến đổi Mà trong vô hạn có chi đâu.

Hơi thơ đang dồn dập ở trên, đến đây, bỗng dưng lắng xuống, trầm lại. Thành lặng lẽ suy tưởng. Thành ngậm ngùi băng khuâng. Ý, không mới. Từ xưa, đã lâu lắm, nhất từ Trần Tử Ngang, đời Đường, biết bao người đã bàng hoàng trước cái mênh mông không cùng không tận của trời đất. Tô Thùy Yên chỉ khác, hơi khác ở thái độ: ông không hoảng hốt run sợ, đôi khi một cách rất già vờ, như hầu hết các nhà thơ trước. Ông chỉ ưu tư khắc khoải.

Đoạn thơ kế tiếp vừa để chuyển mạch vừa để tô đậm thêm cái ý trên:

*Ly rượu rót mời xin uống cạn
Bài ca ta hát đến đâu rồi.
Xin hát nốt - Còn đi kéo muôn*

Cho úp ly - Bóng xế đường dài.

Thật mâu thuẫn. Đã biết "*Nên với một đời bao biến đổi. Mà trong vô hạn có chi đâu*", thế nhưng, nhà thơ - mà không phải chỉ nhà thơ - tất cả đều vội vàng, đều thấp thỏm lo muộn màng, đều nôn nao trước cảnh đường dài bóng xế.

Nhưng đi đâu?

Bim bịp chiều chiều kêu nước lớn

Đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê

Đến ngã ba, đành theo một lối

Tiếc ngần không cùng theo lối kia.

Hai câu trên được gợi hứng từ câu ca dao quen thuộc ở miền Nam:

Bim bịp kêu nước lớn, anh ơi

Buôn bán không lời chèo chống mỗi mê.

Tô Thùy Yên không phải là người thương hồ. Ông không đi trên sông nước. Nước lớn và chèo chống mỗi mê chỉ là một cách nói. Vấn đề Tô Thùy Yên nêu ra liên quan đến vấn đề lịch sử. Điệp điệp trùng trùng trong lịch sử hiện đại là những ngã ba, ngã tư, ngã năm, ngã bảy. Không còn nữa, những quốc lộ, những đại lộ thênh thang dẫn về một hướng. Chỉ có những ngõ ngách rối rắm, chằng chịt, những con đường đi quanh quẩn và bế tắc.

Lịch sử đất nước chưa bao giờ phức tạp và bị phân hóa đến thế. Phức tạp và phân hóa ngay trong tư tưởng của mỗi người. Ngày xưa, nhớ lại coi, tất cả đều đơn giản biết mấy. Lúc nào, ở đâu cũng chỉ có một lý tưởng chói sáng. Từ "*người khách chinh phu*" trong thơ Thế Lữ đến "*người khách giang hồ*", trong thơ Lưu Trọng Lư đến những người "*khách độc hành*" trong thơ Nguyễn Bính, thơ Trần Huyền Trân, tất cả đều là những kẻ dứt khoát, hoặc đi hẳn một con đường, hoặc ngồi lại hẳn một chỗ nhất định:

Ta đi, nhưng biết về đâu chứ?

Đã dấy phong yên khắp bốn trời

Thà cứ ở đây, ngồi giữa chợ

Uống say mà gọi thế nhân ơi.

(Nguyễn Bính)

Thời tiền chiến, các nhà thơ cùng lắm chỉ có chút "phân vân" kiểu "*con cò trên ruộng cánh phân vân*" của Xuân Diệu chứ chưa có những dằn vặt, những trăn trở đầy nhức nhối trước

lịch sử. Nói cho đúng, họ chưa có ý niệm rõ ràng về lịch sử. Vấn đề lịch sử đặt ra lúc ấy khá đơn giản: họ tiếp tục cuộc sống cũ hoặc là phải vùng lên đánh đổ thực dân, giành lại độc lập cho tổ quốc.

Người đăng tử trong thơ Tô Thùy Yên, trái lại, không ngớt thao thức trước lịch sử, lòng nung nấu khát vọng hành động, nhưng trí lại chìm đắm trong mịt mù hoài nghi. Đi, ừ, thì đi. "*Đến ngã ba đành theo một lối*". Nhưng vừa đi vừa phân vân: "*Tiếc ngẩn không cùng theo lối kia*".

Tô Thùy Yên biện minh cho thái độ lưỡng lự của mình:

*Thoáng nhớ có lần ta đọc trộm
Lược sử ta trong bí lục nào
Vấn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn
Thiên thu lóa tắt vệt phù du.*

Nhà thơ bịa. Chẳng có bí lục nào hết. Ông cũng không hề đọc trộm. Lịch sử ta sờ sờ ra đấy. Và ông đã nắm bắt được, từ lịch sử ấy, cái kết luận này: bao nhiêu dâu biển, bao nhiêu biến thiên, cuối cùng, chỉ là "*thiên thu lóa tắt vệt phù du*". Phù du. Lóa tắt. Thiên thu.

Thân phận con người, dưới ngòi bút Tô Thùy Yên, nhỏ nhoi đến tội nghiệp. So với cái vô hạn của trời đất, so với cái thiên thu của lịch sử, con người chỉ là một vệt đom đóm nhỏ nhoi, chập chờn, lóa tắt hư ảo.

Hẳn Tô Thùy Yên nhớ đến Lý Bạch:

*Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt
Sở vương đài tạ không sơn khâu.
(Từ phú Khuất Nguyên mờ nhật nguyệt
Lâu đài qua Sở cỏ rêu xanh)*

Nên ông nảy ra cái ý định giải quyết sự bế tắc bằng văn nghệ:

*Thuận tay, ta ngắt một cành sậy
Làm cây sáo thổi cạn hồn sầu
Bay tản khắp vô cùng trống trải
Âm thừa tưởng lạc đến muôn sau.*

Cây sậy có thể chỉ là cây sậy. Nhưng cây sậy cũng có thể là con người. Ý Pascal: *"Con người chỉ là cây sậy biết suy tưởng"*. Thơ Vũ Hoàng Chương: *"Thơ đâu?... Hãy thấp vào cây sậy. Ánh lửa mười phương Nhật-nguyệt-đăng"*. Biến cây sậy thành cây sáo là biến chính mình thành bài thơ để âm vang cái nỗi niềm *"những điều trông thấy mà đau đớn lòng"*. Như Nguyễn Du.

Nhà thơ, như vậy, trước hết, là một kẻ bất lực. Bất lực trong cuộc đời. Trong bài *Phương*, Tô Thùy Yên viết: *"Văn nghệ, tôn giáo của những anh hùng bất lực"*. Nhưng nhìn trong thăm thẳm thời gian, vượt qua lớp lớp những thời đại khác nhau, nhà thơ lại là người chiến thắng. Chiến thắng sự quên lãng. *"Bất tri tam bách dư niên hậu"*. Thơ Nguyễn Du. *"Âm thừa tưởng lạc đến muôn sau"*. Thơ Tô Thùy Yên.

Riêng tôi, tôi tin lắm, là, thơ Tô Thùy Yên sẽ còn lại mãi. Mãi mãi.

*

ĐĂNG TỬ

Ngày kia trở lại Ngôi nhà Lớn,
Lòng như ngẩng đầu nhìn một kiếp người.

Bạn có nghe, này bạn có nghe
Ở bìa rừng bên, gió sửa soạn
Tuần du – cuộc tuần du bất tận.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Giữa tầng trời cao, chim giục giã
Từng giàn như những thủy triều sôi.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao
Về nơi hẹn nào không định trước.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Vũ trụ miên man chuyển động đều.
Chim đã bay quanh từ vạn cổ,
Gió thật xưa, mây thật già nua.
Nên với một đời, bao biến đổi
Mà trong vô hạn có chi đâu.

Ly rượu rót mời, xin uống cạn.
Bài ca ta hát đến đâu rồi?
Xin hát nốt – còn đi kéo muôn
Cho úp ly – bóng xế đường dài...
Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn.
Đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê?
Đến ngã ba, đành theo một lối,
Tiếc ngẩn không cùng theo lối kia.
Thoáng nhớ có lần ta đọc trộm
Lược sử ta trong bí lục nào,
Văn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn,
Thiên thu loé tắt vệt phù du...
Thuận tay, ta ngắt một cành sậy
Làm cây sáo thổi cạn hồn sầu
Bay tản khắp vô cùng trống trải,
Âm thừa tưởng lạc đến muôn sau...

*Trích chương XV: Đọc thơ, trong sách "Nghĩ về Thơ",
Nxb Văn Nghệ, 1989*

Giấc mơ không dứt đó của thần linh Nguyễn Tà Cúc

Thơ Tô Thùy Yên nói tuyền về một nỗi khắc khoải của cuộc nhân sinh, niềm vô vọng trước sự bí nhiệm không cùng của vũ trụ. Ông được nhiều người đọc. Người đọc ông ở đủ lớp tuổi, thuộc nhiều thành phần khác nhau. Được thể vì ngôn ngữ thơ ông tuy tân kỳ nhưng lại vô cùng cũ, vô cùng dân gian: Đôi bàn tay vỗ nháng âm thanh ... (Mòn Gót Chân Sương Nắng Tháng Năm), Nỗi đời bi thiết xé lụa tưa. Hòn ngói lia bay bay mặt nước (Tưởng Tượng Ta Về Nơi Bản Trạch), Đời im lìm đóng vầng xanh xao (Ta Về) ... Nhưng người thơ trước sự bí nhiệm ấy không chỉ cúi rạp xuống, và dù có khò lưng vì gánh nặng nhân sinh vẫn không ngừng hỏi han bản thể mình. Cái linh của người gặp cái thần của chữ để bày tỏ giấc mơ không dứt mong rời bỏ thân phận con người vô ích sáng choang (như món trang hoàng đeo lên Hư Vô đen ngời bóng lộn) mà tới nơi vĩnh cửu, vô biên ... Nhà thơ Tô Thùy Yên hiện sống tại Saint Paul, Minnesota. Bài này được thực hiện qua nhiều cuộc nói chuyện, hoặc bằng điện thoại, hoặc bằng thư từ, trong thời gian khoảng hơn một tháng, xong trước tháng 11-1998. (NTC).

Nói chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên

- Sang bên này anh mới cho xuất bản tập thơ đầu. Qua thơ anh, người đọc có thể đoán rằng anh ngã theo chủ thuyết hư vô, phải thế không? Nên việc có để lại thơ hay không, không quan trọng. Nếu thế sao bây giờ đủ quan trọng để in thơ?

- Tập thơ xuất bản năm 1996 của tôi ở Mỹ không hẳn là tập thơ đầu mà chỉ là một gom chọn phần lớn những bài thơ đã xuất hiện từ lâu của tôi, như cái tên đặt cho nó, THƠ TUYẾN (1). Hiểu đó là những bài thơ rải rác của tôi lần đầu in thành tập có lẽ đúng hơn. Tại sao không in thành tập trước năm 1975, bây giờ mới in? Câu hỏi này, nhiều người đã đặt ra cho tôi. Thật tình, tôi không muốn giải thích làm ra quan trọng sự việc đó. Nhưng đã được hỏi thì tôi cũng xin nói qua.

Trước năm 1975, sở dĩ tôi đã không gom thơ in thành tập, chủ yếu là vì tôi không bận tâm lắm về duyên phận những bài thơ đã đăng báo của mình. Tôi thiết nghĩ nếu những bài thơ đó hay thì người đọc nhớ, không hay thì bị quên, hà tất phải in thành tập. Mặt khác, tôi vẫn cảm thấy còn có nhiều bất ổn đáng tiếc trong những bài thơ đó nên có ý lần nữa tự hện lúc nào rảnh rang sẽ làm siêng gom góp sửa sang. Và điều đó cứ gay gắt với tôi như là mình đã không làm trọn vẹn trách vụ.

Sau này, ngay khi còn đang ở trong tù và nhất là khi đã sang Mỹ, tôi được một số anh em nhắc hỏi về những bài thơ đó, những bài thơ mà tôi hầu như chẳng còn nhớ mấy may nào. Và tôi chợt nhận ra cái lỗi trước kia của mình là đã công bố những bài thơ đó. Cuối cùng, được sự khuyến khích thúc giục của một số anh em xa gần, đã quen hoặc chưa, nhất là những anh em đã lưu giữ thơ tôi và gửi lại cho tôi, kể cả những bài thơ được làm trong những hoàn cảnh đặc biệt sau năm 1975, tôi đã tuyển chọn in ra thành tập. Thâm tâm, tôi cũng muốn những bài thơ đó đã lỡ được biết đến, thôi thì cũng một lần được mò yên mả đẹp, siêu tán phiêu diêu, để tôi còn được nhẹ nhàng tiến tới những bài thơ khác, tôi hy vọng như vậy.

Thêm nữa, tôi cũng còn muốn, qua việc xuất bản đó, gián tiếp nói lên với nhà cầm quyền hiện nay ở Việt Nam rằng tôi, giữa đồng đảo những người cầm bút khác của miền Nam trước đây, đã chẳng hề chối bỏ những tác phẩm đã được hình thành trong quá khứ của mình, rằng qua bao nhiêu dập vùi đày đọa, những thi sĩ vẫn còn sống, thơ vẫn còn sống.

- Còn về chủ nghĩa hư vô?

- Xin lỗi vậy. Câu hỏi đó thuộc vào loại câu hỏi khó chịu đấy. Yêu cầu một tác giả tự nhận định, ước lượng về mình quả là một sự ép cung hay mớm cung. Soi sáng một tác giả là một việc làm rất cần thiết. Tuy nhiên, rất tiếc đó không phải là công việc của chính tác giả đó. Một tác giả muốn nói gì, nói tới đâu, nói được bao nhiêu là chỉ nói qua sáng tác văn chương của mình, chớ không thể nói gì thêm bên ngoài sáng tác đó. Điều này mặc nhiên thuộc về phần tu sĩ của tác giả, phần đức lý của nghệ thuật. Như Alfred de Vigny, đọc sách, ít khi tôi chịu đọc những bài tựa bạt của chính tác giả.

- Chỉ có những người yếu bóng vía mới bị ép cung hay mớm cung thôi chứ! Nếu "soi sáng tác giả là một việc làm rất cần thiết" thì độc giả rất cần biết ý kiến của tác giả vì tác giả cũng chính là độc giả đầu tiên của mình. Trong tinh thần đó, mọi câu hỏi chỉ có nghĩa rất giản dị là chờ đợi một sự chia sẻ giữa tác giả và độc giả, không có nghĩa là một sự hỏi cung. Nếu hỏi cung đã có những câu hỏi khác không dính gì đến cuộc đời làm thơ của anh đâu!

Đây sẽ lại là một câu hỏi còn "khó chịu" hơn nữa nhưng vẫn hỏi! Cho đến nay, ở ngoại quốc nghĩa là ở ngoài Việt Nam - đã không có một thể hệ mới nào khả dĩ có thể kế tục những thể hệ trước về mặt sáng tạo và tài năng. Về tuổi tác, kể thể hệ Nhượng Tống, Phan Khôi, Nhất Linh, Khái Hưng, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử ... người đọc nghĩ đến thể hệ Vũ Khắc Khoan, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Mặc Đỗ, Trần Trọng San, Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Mai Thảo, Sơn Nam, Bùi

Giáng, Nguyễn Sa ... Rồi tới thế hệ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn, Dương Nghiễm Mậu, Lê Tất Điều, Nguyễn Đình Toàn ...

Xét về thơ, thế hệ anh còn vượt trội hơn cả. Bài "Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay" của Thanh Tâm Tuyền, "Cuộc Phó Hội U Minh" của Viên Linh và mới đây, bài của anh là ba bài viết về thơ tiêu biểu ở ba thời điểm, ba hoàn cảnh khác nhau của thế hệ này. Cứ theo tình hình này mà ngẫm thì sau thế hệ các anh, độc giả sẽ phải đối diện với một khoảng cách đặc (chữ của anh). Không khéo, "Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay" sẽ còn đúng cho ít nhất là mười mười năm nữa sao?

- Câu hỏi này chẳng những khó trả lời mà là không nên trả lời. Văn nghệ không phải là tị nạn, nên tiên đoán thế này, thế kia về tương lai văn nghệ là một việc làm hoàn toàn vô ích, bởi mọi tiên đoán thường chẳng lấy gì làm đúng, và nếu như có may mắn đúng đi nữa thì cũng chẳng để làm gì cả.

Hiện tình văn nghệ có tới đâu rồi thì nhìn thấy tới đó thôi. Nhiều khi có những tài năng lớn đã sừng sững xuất hiện rồi mà còn chưa được nhìn thấy ngay nữa, hổng hỏ ... Tuy nhiên, ai lại chẳng mong mỗi là văn nghệ mỗi ngày một mới mẻ, một khởi sắc cho phù hợp với nhu cầu tinh thần của cuộc sống đã không ngừng biến đổi. Là *nỗi buồn trong thơ hôm nay* phải cho ra nỗi buồn trong cuộc sống hôm nay. Khỏi hỏi qua, tôi cũng chắc Thanh Tâm Tuyền hoàn toàn đồng ý như vậy. Tôi sung sướng được đọc những tác phẩm hay, và còn sung sướng hơn gấp bội nếu những tác phẩm hay đó lại là của những tác giả mới trẻ. Có người cùng chạy với mình vẫn vui thích hơn là chạy thui thủi một mình. Tiền đã bắt kiến cổ nhân, hậu lại bắt kiến lai giả, cái cảnh quạnh hiu đó quả là đáng sợ.

- Đây chúng ta không nói đến chỉ một tác giả. Và nhận xét trên dựa trên những thế hệ tác giả đã xuất hiện sừng sững rồi. Quả như anh nói, người ta không nên bắt mạch văn nghệ để xem tương lai phẩn chấn hay èo uột ra sao. Mượn lời - chứ không phải mượn ý - Văn Cao thì văn nghệ không phải là một con bệnh, lâu lâu lại phải đi khám, hay chừng ngừa những bệnh hay lây. Nhưng vẫn có những vấn đề văn nghệ đáng chú ý tới.

Thí dụ như đã có rất nhiều nỗ lực để giải nghĩa một hiện tượng được loay hoay bàn thảo từ nhiều năm nay, là tại sao chúng ta không có tác phẩm lớn ghi lại sự khốc liệt của thời kỳ qua. Chưa nói đến tác phẩm lớn vội, nhiều người còn mày mò đi tìm lý do của sự hao kiệt, cùn mòn của một số tác giả có tên tuổi trước 1975. Một bài "Ta Về" của Tô Thùy Yên không đủ lớn sao? Biến cố 1975 có lẽ giúp chúng ta được một điều là chúng ta sớm có hoàn cảnh để thẩm định lại giá trị văn chương của nhiều tác giả. Có lẽ khỏi cần đi tìm nguyên nhân đâu cho xa xôi, một số tác giả chỉ có thể viết tới đó mà thôi. Bởi thế, kỳ vọng vào những tác giả này vô ích. Anh định nghĩa một tác phẩm quan trọng như thế nào?

- Tôi đồng ý phần lớn với cô. Quả biến cố 1975 đã đẩy ra nhanh chóng hơn cái khoảng cách thời gian thông thường cần thiết để nhận định giá trị thật sự của những tác phẩm văn chương. Mặt khác, sự đàn áp có hệ thống bằng cách cấm đoán và cố tình im lặng của một chế độ chính trị cũng góp phần rất lớn vào tiến trình khắc nghiệt đó. Lý do chính yếu rất dễ nhìn thấy là lịch sử và ngay kế sau là đời sống đã biến đổi toàn diện, triệt để, cho nên nghệ thuật cũng đã phải nhanh chóng biến đổi theo.

Sinh hoạt văn học nghệ thuật thời nào cũng có cái phần giả hình tạm bợ của nó. Và đương nhiên cái phần này dễ dàng tan tác thảm hại theo ngay cái thời đại đã cho nó mượn hồn. Người ta gọi một cách đơn giản đó là sự đãi lọc của thời gian. Lịch sử loài người mang một đặc tính, đặc tính gia tốc liên tục. Do đó, so qua với những thời đại trước đây, nghệ thuật càng ngày càng thay đổi nhanh chóng hơn.

Đành rằng không thể gạt bỏ yếu tố thời đại trong sinh hoạt văn học nghệ thuật, nhưng cuối cùng rồi, văn học nghệ thuật chỉ trọn vẹn là vấn đề tài năng mà thôi. Một trường võ bị không đào tạo anh hùng. Cũng y như vậy, một thời đại không đào tạo thiên tài văn

học nghệ thuật. Đó là những sự kiện hoàn toàn có tính cách cá nhân. Và có thể một cá nhân thích hợp với một thời đại, nhưng rồi lại chẳng còn thích hợp với thời đại kế tiếp. Cứ bóc đại một thí dụ nào cũng chắc đúng. Chẳng hạn thi tài lỗi lạc Xuân Diệu trước 1945, và cái ông làm thơ tồi Xuân Diệu sau 1945. Rất đáng tiếc cho Xuân Diệu đã chẳng có nổi cái bản lãnh cần thiết của Boris Pasternak, tác giả đã thành danh trước Cách Mạng Nga 1917.

- Còn thế nào là một tác phẩm quan trọng?

- Theo thiên ý của tôi, một tác phẩm quan trọng là một tác phẩm gây được chấn động lớn nơi tâm não người đọc khiến cho sau đó, người đọc, dù là đồng ý hoặc không, vẫn phải tự mình điều chỉnh, thay đổi bằng một cách nào đó chính nhận thức của mình về đời sống. Một tác phẩm quan trọng có ma lực ám ảnh lâu dài người đọc, khiến người đọc còn muốn trở lại như bị bút rút là mình chưa hiểu được nó thấu đáo. Một tác phẩm quan trọng bao giờ cũng còn khư khư chứa giấu một cách hấp dẫn những điều gì đó, không chịu thổ lộ hết một lần một. Tính u hiển là tính phải có của nghệ thuật vốn cả thẹn nên sẵn sàng dị ứng sinh tử với mọi phô bày phàm tục. Chắc chắn không phải là tác giả cố tình mập mờ huyền hoặc một cách giả tạo, mà chỉ vì nghệ thuật hoàn toàn không có khả năng nói rõ, nói trắng những điều gì đó thật khó nói. Do đó, thông thường một tác phẩm quan trọng có cái phản lực nội tại chối đẩy đối với lần xâm nhập đầu tiên của người đọc. André Gide kể lại là sau khi đọc chừng vài chục trang, ông đã tức ném cuốn LA CONDITION HUMAINE xuống Địa Trung Hải (2).

- Bài "Ta Về" được chuyển ra ngoại quốc khi anh còn ở Việt Nam. Thay vì tên tác giả là hai chữ Ấn Danh. Bài thơ này gây xúc động sâu xa. Có bao giờ làm thơ, anh nghĩ đến phản ứng của độc giả, nhất là trong tình cảnh mà anh làm bài "Ta Về"?

- Có đôi khi, tôi cũng thử viễn kiến phản ứng của một vài độc giả mà tôi quen biết, đối với một bài thơ nào đó của tôi. Nhưng thường thì không, nhất là khi đang còn làm bài thơ đó. Bởi lẽ tôi làm thơ trước hết là vì tôi, cho tôi, đơn giản là như vậy. Sau khi làm xong, nếu không vứt vào sọt rác, để một thời gian có khi lâu vài năm, cảm thấy thích cho đăng thì liệu báo nào chịu đăng thì gửi đăng, vậy thôi. Chớ tôi chẳng bao giờ tự đặt trước cho mình một trách nhiệm, một sứ mạng văn học nghệ thuật nào cả.

Tôi rất sợ những nhận định, cương lĩnh, tuyên ngôn văn học nghệ thuật này nọ. Những thứ đó quả là quá to tát với tạng người của tôi. Tất nhiên, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những bài thơ đã cho đăng của tôi, một trách nhiệm, xét cho cùng, cũng chỉ là một trách nhiệm hữu hạn. Hơn nữa, như đã nói, tôi cũng không quan tâm mấy đến duyên phận của những bài thơ tôi. Dù rằng mỗi bài thơ, như mỗi cuộc đời, đều có số phận riêng biệt của nó, hoàn toàn ở ngoài tầm kiểm soát và sự lường đoán của chính tác giả. Riêng bài "Ta Về", khi làm xong, tôi chỉ có chép ra một hai bản cho một hai người bạn của tôi, và trong hoàn cảnh của chúng tôi lúc bấy giờ, dưới những bài viết chuyện cho nhau xem chơi, không ai đề tên tác giả cả. Và tự tôi đã chẳng hề gửi nó ra ngoài. Cho đến bây giờ, tôi cũng chưa biết nó đã lọt ra ngoài qua ai và bằng cách nào nữa

- Khi nào thì anh cảm thấy "thích cho đăng"?

- Lúc tôi quyết định cho đăng những bài thơ đã làm chính là lúc tôi tưởng nghĩ đến những tâm hồn bạn đã quen hoặc không trong trời đất hẳn nhiên cũng có những trôi nổi ở trong lòng cần tìm thấy một chút ám áp vỗ về của tình liên đới nhân sinh, với niềm hy vọng rằng thơ trở thành miền đất hứa của những tâm hồn thất lạc xót thương nhau.

- Bài thơ "Chiều Trên Phá Tam Giang", một trong những bài thơ điển hình nhất của anh, đã không thể đăng trên báo Văn năm 1972 vì qua lời nhà văn Mai Thảo nói lại với nhà thơ Viên Linh thì chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng sợ báo Văn bị lôi thôi với cơ quan kiểm

duyet và có thể bị đóng cửa. Lúc đó, Viên Linh, chủ nhiệm và chủ bút tạp chí Thời Tập, mới liên lạc với anh và do đó bài này đăng trên tờ Thời Tập. Hẳn nhiên, sự lo ngại của chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng là có căn cứ. Tình trạng chính trị lúc bấy giờ chắc chắn không dung thứ những câu:

*Người cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho tổ quốc Việt Nam - một tổ quốc ...*

*Hay ghé góm hơn nữa:
Ta thương ta yếu hèn,
Ta thương người khờ khạo,
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng,
Nên cả hai cùng mắc đường Lịch Sử,
Cùng mê sa một con đĩ thập thành ...*

Thơ anh, trước năm 1975, có những điều có thể làm mích lòng bà nạ dòng kiểm duyệt. Sau năm 1975, con đĩ thập thành nhốt anh vào tù cũng vì thơ. Thế kiếp sau anh còn muốn làm thi sĩ nữa không? Đừng nói kiếp sau, tại sao anh vẫn làm thơ ở kiếp này?

- Có lẽ tôi là người làm thơ đã vô phước mắc phải nhiều lận đận điều đưng với văn chương vô mệnh. Nói như trẻ con miền Nam: Thần khẩu hại xác phàm. Những lúc đó, tôi nghĩ đến Khuất Nguyên, Tư Mã Thiên, Cao Bá Quát, ... để thấy mình còn được may mắn chán. Còn việc có tiếp tục làm thơ nữa hay không quả không thể là quyết định của mình, nhiều khi tôi cũng muốn bỏ quách việc văn chương đi và thực tế đã bỏ nhiều lần lắm rồi, có lần đến mấy năm trời, chớ chẳng phải là không, cũng như bỏ thuốc lá. Và như đã nói, tôi làm thơ là vì tôi, cho tôi, nên nếu thơ còn là nguồn hạnh phúc tối hậu của tôi, nếu tôi còn thấy cần làm thơ thì làm, kiếp này đã vậy, chắc hẳn qua những kiếp sau cũng như vậy nữa mà thôi. Bởi tôi đã quan niệm ngay từ đầu rằng thi sĩ là một trạng thái sống, chớ chẳng phải là một danh phận xã hội gì cho cam, nên việc còn làm thơ nữa hay không chẳng phải là chuyện phải nói ra cho mọi người cùng biết với.

Tôi nhớ một bài thơ của Basho:

Con ve sầu

Liệu có còn ca hát chăng

Nếu như nó biết được thêm một thứ gì khác nữa? (3).

- Là người của nhóm Sáng Tạo, anh thấy cái không khí trong nhóm thế nào? Khi tờ Sáng Tạo đình bản lần đầu, anh có cộng tác với tờ Văn Nghệ. Không khí của tờ Văn Nghệ ra sao? Nói chung, sinh hoạt văn nghệ của anh như thế nào?

- Mặc dù gồm nhiều lứa tuổi chênh lệch nhau, nhiều nghề nghiệp khác biệt nhau, những người trong nhóm Sáng Tạo, người thân ít, người thân nhiều, nhưng đều là thân với nhau cả, không có ai là đầu đàn, ai là cuối đàn. Gọi là nhóm chớ thực tế, tất cả chúng tôi đều hoàn toàn biệt lập nhau, chúng tôi chỉ cùng chia sẻ với nhau một số quan điểm đơn giản về văn nghệ, thế thôi. Bài vở chọn đăng, gần như một mình Mai Thảo làm lấy, không hỏi ý kiến ai. Về thường ngoạn nghệ thuật, Mai Thảo tinh tế thính nhạy, hình như ảnh chưa từng nhìn sai, bỏ sót một tài năng mới nào. Hơn nữa, Mai Thảo rất xứng đáng trong vai trò chủ báo, ảnh hân hoan một cách thần khoái mỗi khi có dịp phát hiện một bài viết hay, hoặc một tác giả hứa hẹn sẽ viết hay ở những bài viết sắp tới. Sau này, ở đâu, ảnh có làm xã trưởng văn nghệ thì cũng phải thôi. Nói chung, thời gian Sáng Tạo ngắn ngủi là thời gian văn nghệ hào hứng nhất trong đời tôi. Sau này, có thêm tuổi trải qua nhiều cảnh đời, tôi không còn tìm thấy một hào hứng nào tương tự. Một thời thế đã đi qua, một lứa tuổi của mình đã không còn nữa. Còn lại chẳng chỉ là tình bạn một đời giữa những người trong nhóm.

Tôi đến với tờ Văn Nghệ vì chơi thân với chủ nhiệm Lý Hoàng Phong, anh ruột của Quách Thoại. Lý Hoàng Phong là một người bạn rất tốt, tận tâm, dung dị và rất dễ gần gũi. Thề theo lời yêu cầu của Lý Hoàng Phong, tôi đảm nhận chức vụ Tổng Thư Ký Tòa Soạn cho đến cuốn năm 1963 khi nhận được lệnh nhập ngũ Khóa 17 Thủ Đức. Tờ Văn Nghệ tiếp tục cũng cố tên tuổi cho nhiều cây bút trẻ mới. Ở đó, tôi thân với vài người bạn, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Trung, Nguyễn Nghiệp Nhượng ... Nhìn chung, tất cả những cây bút cộng tác đều đã thể hiện những nỗ lực tuyệt vời, chỉ tạm kể vài cái tên: Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn ... Tuy nhiên, cái không khí văn nghệ chung của miền Nam lúc bấy giờ không còn được như trước nữa. Chiến tranh lan lớn. Các tác giả không còn mấy ai rảnh rang.

Nhìn lại, tôi tự thấy mình là một tác giả gần như không có cái gọi là sinh hoạt văn nghệ, hoặc giả nếu có thì cũng chỉ là năm thì mười họa, mon men loáng thoáng bên lề thế giới văn nghệ mà thôi, dù rằng tôi rất yêu thích, trân trọng những buổi họp mặt thân hữu trò chuyện thực sự thú vị và bổ ích.

Phải, tôi có rất ít bạn đáng gọi là bạn. Thì giờ rảnh, chắc chắn tôi thích, hoặc một mình hoặc với đôi ba người bạn, thả rong ra đồng, lên rừng xuống biển hơn là ngồi làm mẫu ở những quán cà phê, phòng trà. Hơn nữa, tôi cũng ngậm hãnh diện là chưa từng gia nhập bất kỳ một hội đoàn văn hóa văn nghệ, hay một đảng phái chính trị nào. Mặc dù, sau này, khi bị nhà cầm quyền Cộng Sản bắt tới bắt lui vì thơ phú chữ nghĩa, nhận được rất nhiều sự giúp đỡ tinh thần và vật chất của nhiều hội đoàn ngoài nước, bất ngờ làm hội viên danh dự của một số Trung Tâm Văn Bút ngoại quốc, tôi vẫn chứ là hội viên thông thường của Văn Bút, chẳng hạn. Cũng như có rất nhiều tác giả nổi tiếng cùng thời, lớn tuổi hoặc trẻ tuổi hơn, mãi đến bây giờ, tôi vẫn chưa được hân hạnh làm quen hay biết mặt. Mấy năm nay, sang Mỹ, tôi ở Minnesota, đất này xa xôi lạnh lẽo, thưa người và tôi cũng ít giao du.

- Anh nói rất đúng: đã không phải cái tạng hay cái ý chí của mình thì không nên. Không phải ai cũng là một nhà thơ được như anh, nên không phải nhà văn nào cũng vừa cầm bút vừa là đảng viên mà tuy phân cách rõ ràng hai phần, phần nào cũng xuất sắc, cũng cống hiến được toàn vẹn như Nhượng Tống, như Nhất Linh ... Hay có cái hiềm hoi bội phần là cùng lý tưởng, tài văn cùng nghiêng ngửa để thành Tự Lực Văn Đoàn, hay Hàn Thuyên ... Cộng thêm sự may mắn nữa. Ở trường hợp Sáng Tạo mà anh đã nhắc, cái may mắn ấy không tới hai lần dù xã trường văn nghệ Mai Thảo vẫn có dịp làm chủ nhiệm, chủ bút, vẫn tiền hô hậu ủng như thường lệ. Còn Văn Bút thì như anh đã biết, sau 1975, nếu Văn Bút Quốc Tế không có Ủy Ban Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù thì hẳn có nhiều anh em cũng chẳng muốn gia nhập làm gì để tốn tiền niền liếm mỗi năm!

Anh vốn không có tạng viết cương lĩnh, tuyên ngôn văn học, tham gia đảng phái. Thế bài thơ đầu tiên của anh, anh còn nhớ không? Viết ... cương lĩnh về tình yêu, thuần là một bài thơ tình hay mượn có thơ tình để nói về Như bào thai, Chân Lý lớn cư an ... ("Chim Bay Biển Bắc")?

- Tôi hoàn toàn không nhớ bài thơ đầu tiên tôi làm trong đời là bài thơ nào, và nó như thế nào, nhưng tôi chắc chắn đó không phải là một bài thơ tình. Nếu tôi thích làm một bài thơ tình thuần túy như cô nói, thì tôi sẽ làm thôi, chứ việc gì phải quanh co mượn có tình yêu để treo móc nhập nhằng những thứ chẳng phải là tình yêu. Nếu như chuyện đó có xảy ra, chẳng qua là vì trong tâm tưởng tôi, nhận thức về tình yêu không thể biệt lập với những nhận thức căn bản khác về đời sống. Thơ, nói chung, tự nó, là những trôi nổi ở trong lòng. Tôi làm thơ chỉ vì vậy, và về việc này, tôi chỉ có thể nói được đến như vậy thôi, chứ chẳng biết nói gì hơn.

Vả lại, tôi cũng có cảm tưởng là người làm thơ được là người không có trước cái tham vọng làm được thơ. Dường như hoạt động thơ không hề giống với những hoạt động khác của con người. Nói như thế, tôi cũng không hàm ý huyền hoặc hóa làm gì chuyện

làm thơ, một chuyện tự nhiên thôi. Thơ, nói chung, tự nó, là một cái gì hỗn nhiên trôi chảy, như gió như nước, không chấp nhận bị gò ép, đặt để. Tôi làm thơ chỉ vì những bút rứt, thôi thúc ở trong lòng.

- *Thơ anh khiến người ta phải đọc đi đọc lại. Không phải vì khó đọc hay khó hiểu mà vì ngấm từ từ như rượu. Độc giả Võ Phiến có nói: Tại hạ hữu bệnh, bệnh mất thơ Tô Thùy Yên. Ông cụ còn nói thêm: Đọc thơ Tô Thùy Yên, tâm gan bán loạn. Phần anh, anh có đọc lại thơ anh không? Cảm tưởng của anh thế nào? Có còn muốn sửa chữa thay đổi gì nữa không?*

- Được đọc đi đọc lại, quả là một cái may lớn cho thơ tôi. Bản thân tôi, tôi khinh miệt sự lộ liễu tỏ tường trong nghệ thuật. Trong thực chất, nghệ thuật vốn là một nỗ lực gần như vô vọng nói lên cái không thể nói được, cái có nói cũng không cùng. Hiểu nghệ thuật là một quyền rũ tìm kiếm phát hiện cũng đúng. Phần tôi, đối với thơ mình, sau này nhờ có in sẵn thành tập, tiện tay nên tôi có nhiều dịp đọc lại. Cảm tưởng lắm lúc cũng hay hay, có bài lâu lắm mới trở lại, thấy như là của ai đó khác chứ chẳng phải là của chính mình. Những lúc đó, không tránh khỏi ngậm ngùi.

Nghệ thuật bao giờ cũng có cái mùi của quá khứ. Không cần phải tinh mũi lắm cũng có thể dễ dàng ngửi thấy. Cũng do đó, khi đọc lại, sau một thời gian xa lìa như khoảng cách nhìn ngắm cần thiết giữa bức tranh và họa sĩ, thì thường đọc lại như một độc giả phê bình, không còn bị những quán cuốn vướng víu của cái cảm hứng sáng tác nữa, nên thấy rõ hơn, do đó cứ muốn điều chỉnh, hiệu đính. Đỗ Phủ, Giả Đảo, Paul Valéry, Octavio Paz, ... cái danh sách những thi sĩ thôi xao (4), bời bời xóa xóa những bài thơ của mình chắc chắn phải là dài vô tận tuyệt.

Tục truyền, Vương Bột đắm thuyền chết đã lâu mà hồn vẫn chưa tan, đêm đêm còn tức tưởi đi lại ngoài bãi quạnh, cũng chỉ vì hai câu thơ đã lỡ khắc vào thiên cổ của mình:

Lạc hà dữ cô lộ tề phi.

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.

vẫn chưa được hoàn chỉnh. Dường như ông tiếc hỏi sao đã chẳng kịp bỏ đi hai chữ dữ và cộng khá thừa, hai câu thơ sẽ mãnh liệt hơn, ảo diệu hơn ...

- *Anh còn có điều gì thôi thúc trong lòng muốn nói thêm?*

- Thừa có. Thú thật, cho đến bây giờ, tôi vẫn còn thấy sợ mỗi khi bị gọi ra "làm việc". Nói lên, cứ lo là nói lời thôi, trời biển, mang tiếng lập ngôn. Xin hết ạ.

- *Cám ơn anh.*

(Khởi Hành: số 26 tháng 12/1998)

Chú thích (tạp chí Khởi Hành)

(1) THƠ TUYỂN, Tô Thùy Yên, tác giả xuất bản, 1995. Không phải 1996. Sách dày 220 trang. Thật ra, tháng 11-1994, thơ Tô Thùy Yên đã được in thành tập tại Đức, nhan đề Tô Thùy Yên, TUYỂN TẬP THƠ, dày 136 trang, nhà xuất bản Imn. Năm sau Tô Thùy Yên đã sửa chữa, và thêm một ít bài mới, in thành tập Thơ Tuyển.

(2) LA CONDITIONE HUMAINE, THẦN PHẬN CON NGƯỜI, tác phẩm của André Malraux. được trao giải Goncourt năm 1933. Một nhóm cộng sản ở Thượng Hải, dưới quyền điều khiển của Kyo Gisors, và của Katow, sửa soạn cuộc nổi dậy chống lại Tưởng Giới Thạch.

(3) Matsuo Basho (1644 - 1694), thi sĩ Nhật, sinh tại Ueno, Iga, nổi tiếng với những bài haiku 17 chữ. Ảnh hưởng Thiền tông, ông du hành không ngừng và hoàn thành kiệt tác THE NARROW ROAD TO THE DEEP NORTH năm 1689.

(4) Thôi, Xao nghĩa đen là đẩy, gõ. Nhà thơ GIẢ ĐẢO đời Đường, vừa cuộc bộ, vừa làm thơ. Có một câu phân vân mãi không biết là nên dùng chữ thôi (đẩy) hay chữ xao (gõ), nên có quan lớn ngồi xe đi qua mà không biết để kính chào. Ông quan này cũng là thi sĩ, tên Hàn Dũ, bèn mời lên cho quạ giang, và hỏi đang lằm nhằm cái gì. Giả Đảo bèn đọc hai câu thơ:

Điều túc trì biên thụ,

Tăng xao nguyệt hạ môn,

nghĩa là: Chim ngủ trên cây cao, Sự gõ cửa dưới trăng, nhưng không biết nên dùng chữ gõ (xao) hay đổi là chữ đẩy (thôi). Hàn Dũ khuyên nên dùng chữ xao. Từ đó Thôi Xao trở thành điển cố, nói về sự chọn chữ khi làm thơ của mấy chàng thi sĩ.

Tô Thùy Yên (1)

Thu Tứ

Anh hùng tận

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ

Trường Sa hành

Trời mưa đêm xa nhà

Góa phụ

Đấng tử

Tượng tượng ta về nơi bản trạch

Qua sông

Vườn hạ

Em nhỏ, làm chi chim biển bắc

Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai

*

Tô Thùy Yên khởi thi nghiệp trong nửa sau của thập kỷ 1950, chủ yếu làm thơ tự do, là hình thức thơ đang "nóng" ở Miền Nam lúc bấy giờ. Đến khoảng giữa thập kỷ 1960, Tô Thùy Yên chợt bắt đầu làm nhiều thơ luật. Về nghệ thuật, Tô Thùy Yên rất thành công với thơ luật và không mấy thành công với thơ tự do.

Thơ Tô Thùy Yên chứa thứ nội dung gì? Võ Phiến bảo nó "có chủ đề triết lý".(1) Triết có mấy "quan". Tô Thùy Yên chuyên trị vũ trụ quan. Cái nhìn vũ trụ của ông ra sao? "Tôi hoàn toàn không tin vào Thượng Đế như một Đấng Toàn Thiện, Toàn Năng."(2) Tức ông không tin Chúa. Mặt khác, tuy Tô Thùy Yên thỉnh thoảng có dùng một đôi từ trong kinh Phật, thậm chí có "đi về" "suốt bãi sông Hằng"(3), nhưng hình như trước sau Phật cũng không xuất hiện lộ lộ trong thơ ông lần nào. Không Phật không Chúa, cũng không xướng lên một triết thuyết mới... Lại Võ Phiến: "Bản khoán siêu hình là chủ yếu (...) Gần như toàn bộ sự nghiệp thi ca của ông là một dấu hỏi khổng lồ nêu lên trước cái bí ẩn muôn đời của vũ trụ."

Thế thì đối với vũ trụ Tô Thùy Yên có thái độ giống Chế Lan Viên sao? Tưởng không hẳn. Chế Lan Viên thiên về nghĩ, trong khi Tô Thùy Yên thiên về cảm, tuy không cảm nhiều như Huy Cận. Ông Tô lại đặc biệt "nhạy" với thời gian, như ông từng tâm sự: "Thời gian (...) là nỗi ám ảnh lớn lao thường trực của tôi."(4) Vậy người gần ông nhất chính là Võ Phiến chứ ai!(5)

Vấn về nội dung, Võ Phiến bảo vì thơ Tô Thùy Yên có nội dung siêu hình nên ông "gần gũi miền Bắc tận trong tâm hồn". Như chúng tôi có lần bàn, "nội dung siêu hình có hai loại. Thơ Tô Thùy Yên thuộc loại ngoài truyền thống, tức tâm hồn ông gần Trung, không phải gần Bắc. Thơ ấy gần với thơ Hàn, thơ Chế, thơ Huy, thơ Võ v.v. hơn là với thơ Phạm Thiên Thư chứ. Nó ít giống Ba Vì, mà giống Trường Sơn đi lạc xuống đồng bằng sông Cửu!"(6)

Không Bắc về nội dung, nhưng thơ Tô Thùy Yên có chỗ chia xẻ với văn học miền Bắc. Ấy là việc sử dụng tiếng Việt hết sức điêu luyện. Dĩ nhiên đó không do tình cờ. Nhà thơ đã nhận thức đúng: "Những chữ trong một câu thơ thành công (...) là những chữ (...) không thể thay thế bằng những chữ tương tự nào khác được"(7), và đã ra công thực hiện cho được cái lý tưởng văn chương.

... Tô Thùy Yên là người Nam. Cái chất Nam nó nằm đâu trong thơ ông nhỉ? Ở ngôn ngữ và ở hình tượng, tuy nói chung không rõ ràng lắm.

Tô Thùy Yên làm thứ thơ tiếng Nam cảnh Nam, nội dung Trung, với lời điêu luyện như lời Bắc! Thơ ấy có những bài hay vào bậc nhất trong lịch sử thi ca Việt Nam.

Vì thơ Tô Thùy Yên nhiều bài rất dài, cho tiện phổ biến phải chia làm mấy tuyển. Sau đây là tuyển 1, chọn từ những bài làm trước 1975.

Anh hùng tận

"Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt", chính giữa là rừng "anh hùng tận" "dô, dô tử mỗ" đến nỗi "muối thủy triều" cũng phải tạm rút!

"Bò đào mỹ tửu dạ quang bôi..."(8)

Dĩ nhiên các "hào sĩ" bạn bè không tên của "ta" đã nâng nắp bi-đông đựng rượu để mà "túy ngọa sa trường"!

Lời bài thơ toát ra được rất mạnh mẽ cái cảm xúc độc đáo trong một buổi chiều đã có thể cuối cùng...

*Dựng súng trường cỡi nón sắt
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt
Mồi chẳng bao nhiêu, rượu rất nhiều
Đáy ngã ba sông, lạng sát nước
Xuống ba lá đậu kê chân bàn
Trời mới tạnh mưa còn thấp ướt
Lục bình, mây mỗi chuyển lang thang
Mấy kẻ gặp nhau nào có hẹn
Nên gặp nhau không giấu nỗi mừng
Ta gạn dăm lời thơ tặng bạn
Dấu từ lâu bỏ việc văn chương
Thiệt tình tên bạn ta không nhớ
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hè chi, ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên...
Tới đây toàn những tay hào sĩ
Sống chết không làm thất ruột gan
Cũng không ai nhắc về thân thể
Có vợ con mà như độc thân
Bạn hỏi thăm ta cho có lệ
Cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung:*

Còn mười tháng nữa lên trung úy
Có thể ngày mai chữa biết chừng
Mặt bạn mặt ta còn trắng cả
Như mặt trời chiều mới tạnh mưa
Tiếng hò mời "dô, dô" tỏ mở
Muối thủy triều chừng cũng giạt ra
Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt
Sông không bờ, trời cũng không chân
Người thuở trước tìm vàng khẩn đất
Tiêu xác thân, để lại oan hồn
Ngày nay, ta bạn đến đây nữa
Đất thì không khẩn, vàng không tìm...
Bạn nhủ ta: đừng hỏi khó
Uống mát ngon vì chuyện loạn tâm
Ta chắt cho nhau giọt rượu sót
Tuồng đời sót chút thiếu niên đây
Giờ cất quân, đưa tay bắt
Ước cõi âm còn gặp để say.

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ

Đọc tên thi phẩm sau đây, sự nhớ truyện *Tam Quốc*. Do "bị" Lưu Huyền Đức "tam cố", Khổng Minh phải rời "thảo lư" lên đường giúp Lưu sẵn hươu. Mấy chục năm đầy sóng gió, quân sư đôi khi có nhớ "gian nhà cỏ"?

Vào năm làm bài Hề... (trước 1975) Tô Thùy Yên đi chưa xa, thế mà ông đã tưởng tượng ngày trở lại. Nói tưởng tượng, vì thời cuộc lúc ấy đâu dễ dàng cho bất cứ ai "lặng lẽ đi đi khuất, trong lặng quên xanh hút thời gian".

Dù sao, thi sĩ "trở lại gian nhà cỏ" là để vui thú điền viên, để "lòng ta vô sự, ta vui vẻ", có thực chăng? E không đâu. Vô sự lối gì mà, chẳng hạn, đứng "ngắm gốc cây nứt nở vỡ" lại "nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn (mà) trí ta không đủ lực đo lường"! Thường xuyên bị "bao điều thâm lặng lớn" ám ảnh, là Tô Thùy Yên đó. Đi hay về, vẫn cứ bị "ám" nặng thôi.

Quân sư tính toán chuyện quân, đánh được một trận Xích Bích thích chí. Nhà thơ bản khoản chuyện cây nứt vỡ, viết nên trăm câu thơ một hơi, chắc cũng thích chí.

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Giữa cánh đồng không, bên kia sông
Trống trải hồn ta cơn gió rã
Tiếng tàn tàn rụng suốt mệnh mông
Hùng đông hùng vĩ và thanh thảo
Sương hứa nguyên ngày nắng rực say
Ta dậy khi gà truyền nhiễm gáy
Chân mây rách đỏ vết thương dài
Ta ngồi trước ngõ nghe xao động
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh
Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rực
Con chim chèo bẻo hót lạnh chanh
Ta ngồi cho đến khi trời trắng
Đồng ruộng xanh đông đúc tiếng người
Ta rào quanh làng hóng chuyện phiếm
Đời người cũng chuyện phiếm mà thôi

Ở đây, ta có dăm người bạn
Phúc tự tâm, không lý đến đời
Ở đây, ta có dăm pho sách
Và một dòng sông, mấy cụm mây
Dòng sông u hiển trôi vô lượng
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm
Mà ta ngưỡng vọng như sư phụ
Mà ta thân thiết tựa tri âm
Lòng ta vô sự, ta vui vẻ
Bướm với hoa cùng bay nhõn nhơ
Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa
Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ
Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa
Trận lốc cười tròn trên quá vãng
Ta làm lại cả tâm hồn ta
Buổi trưa như buổi trưa nào đó
Tiếng võng đưa đưa tịch tịch mùi
Điệu hát ầu ơ hoa cỏ lịm
Nước mây buồn bã chợt quên trôi
Ta thiếp trong vòm xanh đại thọ
Đời đời giương rộng lượng bao dung
Ví dầu ta ngủ không còn dậy
Ắt hẳn lòng ta cũng dừng dừng
Chuyện trần thế bấy lâu thanh thỏa
Sống một ngày, ta rõ một ngày
Thôi vương mắc dài duyên với nợ
Ân oán đời, phong kiếm rửa tay
Còn lại chẳng cây đàn lữ tróc
Gảy mình nghe đôi điệu xưa xưa
Còn lại chẳng chút u hoài mốc
Pha cùng rượu uống đến say thua
Gặp buổi trời mưa bay phới phới
Lá cành sáng rỡ sắc hồi xuân
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân
Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá
Vậy mà ta sống có kỳ không?
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm...
Gặp buổi trời trong dàn bát ngát
Ngọn cây ô! đã giát hoàng hôn
Cơn gió mơn man bờ bụi rậm
Kể đạo quanh vườn chuyện trống không
Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ
Gốc cây to đến mấy người ôm
Nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn
Trí ta không đủ lực đo lường
Nên ta phó mặc cho trời đất
Trời đất vô ngôn lại bất nhân

Nên ta lẳng lẳng đi đi khuất
Trong lẳng quên xanh hút thời gian
Đêm tối êm ru lời thủ thi
Bên hè có tiếng dế ca ran
Vàng trắng ta thấy thời thơ ấu
Mọc lại cho ta thuở xế tàn
Hình như mọi sự đều như thế
Kể cả lòng ta cũng thế thôi
Các việc vô công làm miết miết
Quên tiết đời ta như nắm mai
Trăng, bạn hiền xưa giờ tái ngộ
Ta thức đêm nay chơi với trăng
Nghĩ tội thương sau này, mãi mãi
Trên mỏ ta, trăng phải lang thang
Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Sống tận đời kẻ sĩ tàn mùa
Trên dốc thời gian, hòn đá tuột
Lăn dài kinh động cả hư vô
Xa nghe đợt gió lên cơn bão
Nhân loại quay cuồng biến đổi sâu
Bầy chó nằm châu cấn sửa rộ
Quỉ ma cười khóc rộn đêm thâu
Cuộc cờ kỳ lạ không bày tướng
Ăn sạch quân, trừ lính được thua
Hỡi ai trắng sĩ mai dao nhọn
Xin nhớ đời không mỗi sắc vua
Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Tử tội mừng ơn lịch sử tha
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẻ
Ngày qua ngày, cho hết đời ta.

Trường Sa hành

Có lần bảo Hát Ngao Trên Tuyết của Cao Tần là bài hành xuất sắc thứ tư của thơ Việt Nam. Bảo thế là lỗi trầm trọng: năm 1974 Tô Thùy Yên có bài "hành Trường Sa" tuyệt vời.

Lỗi to, vì nổi: hành Cao Tần cùng loại nội dung với hành Thâm Tâm, Nguyễn Bính, Thanh Nam, trong khi hành Tô Thùy Yên khác hẳn, khiến đầu óc người đọc tự nhiên xếp nó vào một chỗ khác...

Trong khi bốn "hành sĩ" kia không lúc nào rời mặt đất, Tô Thùy Yên hay đi lạc tận... cõi Vô Biên.

Ngoài Vô Biên, thân "hữu hạn" tha hồ "tủi nhỏ nhoi", tha hồ "đập hoảng" mà gọi "đất liền", mà cố mở cho kỳ được "khoảng cách đặc"!

Trường Sa, có phải bất quá một cái vỏ đặc biệt thích hợp cho ông Tô tuân những cảm xúc vũ trụ độc đáo của mình vào...

Cảm xúc mạnh, thơ dài mà như làm một hơi. Còn thơ nào hơn.

*Trường Sa! Trường Sa! Đảo chuyển choáng
Thăm thẳm sâu vây trắng bốn bề
Lính thú mươi người lạ sóng nước
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi*

Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa
Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngo
Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỉ
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên
Bốn trăm hải lý nhớ không tới
Ta khóc cười như tự bạo hành
Đập giân, vác khòm lưng nhẩn nhục
Đường thân thế lỡ, cố đi nhanh
Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi ?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời
Mùa gió xoay chiều, gió khóc liệt
Bãi Đông lở mắt, bãi Tây bồi
Đám cây bật gốc chờ tan xác
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi ?
Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Những cụm rong óng ả bập bênh
Như những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh
Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vắng khói chim đen thẳng thốt quân
Kinh động đất trời như cháy đảo...
Ta nghe chừng phảng khắp châu thân
Ta ngồi bên đồng lửa man rợ
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi
Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi
Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho ám bữa cơm chiều viễn xứ
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu
Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đỡ thăm thể
Ta nói với từng tinh tú một
Hằng đêm tất cả chuyện trong lòng
Bãi lặn tinh thức âm u sáng
Ta thấy đầu ta cũng sáng trưng
Đất liền, ta gọi, nghe ta không ?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc
Con chim động giấc gào cô đơn
Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên

Mái tóc sầu nung từng sợi đỏ
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên
Ôi! Lũ cây gầy ven bãi sục
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh
Gắng tươi cho đến ngày trời ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh
San hô mọc tủa thêm cành nhánh
Nhưng nỗi niềm kia cũng mãi khai
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người.

Trời mưa đêm xa nhà

Đêm mưa lạnh, "góc ga thừa", có một cái... tượng ngồi chờ tàu.
Gần tượng, có "đường sắt phân ly mấy cành", có "gỗ tênh hênh" trong vòng tay cỏ, có "đèn le lói (như) vết thương tươi".
Xa tượng, nhưng không xa lắm, có núi "khoác rừng dày ngòi lì".
Núi dầm mưa không biết có lạnh không, chứ người không dầm mưa, không bị "giọt cường toan" nào nhỏ trúng, mà tim cứ "quần quại hàng hàng"...

Ga dầm mưa chịu co ro
Cưu mang tàu thắm rét chờ sáng đi
Khoác rừng dày núi ngòi lì
Vân vi đường sắt phân ly mấy cành
Vài thân súc gỗ tênh hênh
Cỏ ôm ấp hắt lã quên tay người
Đèn le lói vết thương tươi
Trời da thi thể mưa ngùi chắm than
Hiên ga nhỏ giọt cường toan
Xuống tim quần quại hàng hàng ưu tư
Trong cơ thể máu chân chừ
Ngoài trời khó thuốc vật vờ ngại bay
Làm gì đây để giải khuây
Ngắm tay mới biết mình gầy hơn xưa
Ngồi chờ tàu góc ga thừa
Nghe hồn ẩm mốc một mùa lạnh căm.

Góa phụ

Ai khóc ai đêm khuya, trong tiếng "chó tru thăm thẳm ngày thiên địa"?
Có là không, "em khóc hoài chi" cái nỗi có hóa không.

Con chim nhào chết khô trên cửa
Cửa đóng tự ngàn năm bất âm
Như đạo bùa thiêng yếm cổ mộ
Sao người khai giải chưa về thăm?
Em chạy tìm anh ngoài cõi gió
Lửa oan khóc giỡn cười ghê hồn

Tiếng kêu đá lở long thiên cổ
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chôn
Em độc thoại lời kinh ánh xanh
Trăng lu khuya mỗi nén nhang tàn
Chó tru thẳm thẳm ngáy thiên địa
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lặn
Ngon đèn hư ảo chong linh vị
Thấp trắng thời gian mái tóc em
Tim đập duỗi ngoài thân nổi lạnh
Hồn xa con đóm lạc sâu đêm
Cỏ cây sống chết há ta thán
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh
Thẳng như con ngựa già vô dụng
Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình.

Đăng tử

Vào lúc làm bài thơ này, khoảng cuối thập kỷ 1960 đầu thập kỷ 1970, "đăng tử" Tô Thùy Yên đã "tuần du" được mấy đâu, "một đời" đã "biến đổi" được "bao" đâu, thế mà đã tưởng tượng đến ngày "trở lại ngôi Nhà Lớn"!

Từ bấy đến nay, "vũ trụ miên man chuyển động", người "đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê", vừa chèo vừa "thuận tay (...) ngắt một cành sậy" "làm cây sáo thổi cạn hồn sầu", thổi thành thơ "bay tản" khắp trong ngoài nước...

Thiết tưởng "ngày kia" trong "ngôi Nhà Lớn", nếu (hồn) thi sĩ được ngồi đọc lại tất cả mình, đọc đến những bài như Đăng Tử, chắc "lòng những bằng lòng một kiếp thơ"!

Ngày kia trở lại ngôi Nhà Lớn
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi.

Bạn có nghe, này bạn có nghe
Ở bìa rừng bên gió sửa soạn
Tuần du - cuộc tuần du bất tận
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Giữa tầng trời cao chim giục giã
Từng giàn như những thủy triều sôi
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao
Về nơi hẹn nào không định trước
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Vũ trụ miên man chuyển động đều
Chim đã bay quanh từ vạn cổ
Gió thật xưa, mây thật già nua
Nên với một đời bao biến đổi
Mà trong vô hạn có chi đâu
Ly rượu rót mời, xin uống cạn
Bài ca ta hát đến đâu rồi
Xin hát nốt - còn đi kéo muện
Cho úp ly - bóng xế đường dài
Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn
Đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê
Đến ngã ba, đành theo một lối

Tiếc ngần không cùng theo lối kia
Thoáng nhớ có lần ta đọc trộm
Lược sử ta trong bí lục nào
Văn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn
Thiên thu lóa tắt vệt phù du
Thuận tay, ta ngắt một cành sậy
Làm cây sáo thổi cạn hồn sầu
Bay tán khắp vô cùng trống trải
Âm thừa tường lạc đến muôn sau...

Tường tượng ta về nơi bản trạch

Đào Tiềm thì về thật, nên viết Qui Khứ Lai Từ. Còn Tô Thùy Yên thì chỉ mới tưởng tượng đến về, nên viết...

Ông Đào với ông Tô về hay muốn về, đều do không chịu được chuyện xảy ra nơi đang ở, chứ không phải do "nợ tang bồng" đã "trang trắng" mà "vỗ tay reo" mà về như ông Nguyễn (Công Trứ).

Ông Đào trả ẩn từ quan về vui thú ruộng vườn. Ông Tô mơ về "bản trạch", nhưng trong giấc mơ ít nhất lúc đầu ông chưa vui:

"Tường tượng ta về nơi bản trạch
Là rồi một chuyện kể chưa xong",
"Ta bằng lòng phận que diêm tắt
Chỉ giận sao môi lửa cháy sưng".

Vì lòng không vui, nên lắng tiếng sóng ông nghe tiếng "biển cử ai rần bãi rã rời", trông hình "tàu chuổi xác xơ" ông thấy "nổi đời bi thiết xé lụa tưa"...

Thơ Đào Tiềm người ta hay nói tuy có cái vẻ bình dị, điềm đạm, nhưng không phải là không gọt giũa mà chính là "gọt giũa đến mức tự nhiên".

Tô Thùy Yên trau chuốt thơ mình cũng rất thành công. Có điều, người có bình dị thì tự nhiên mới là bình dị. Tô Thùy Yên không bình dị, nên thơ Tô Thùy Yên sau khi đến mức tự nhiên vẫn không bình dị.

Cái đẹp muôn về, thơ sao cho lộ được cái vẻ của mình!

*Tường tượng ta về nơi bản trạch
Gió đưa nhớ rải dọc trần gian
Trên đồng ngọn cỏ tranh khom mỗi
Đời nặng cơn bi lụy dịu dàng
Rồi thôi, im mãi, im vô vọng
Ta tiếc dài sao đã đến đây
Lờn rờn bóng lá đong đưa nắng
Thảm thiết dây leo quấn quít cây
Tường tượng ta về nơi bản trạch
Ớn dày chôn trả đất bao dung
Cụm mây trôi rã trong trời lớn
Như giấc chiêm bao thấy giữa chừng
Con đường đi mỗi mà không tận
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách toí
Ai thờ dài chi cho não ruột?
Cơn mưa hư tưởng mơ màng rơi
Tường tượng ta về nơi bản trạch
Về luôn như một tiếng kêu khơi*

Đã buông trong bạt ngàn xanh ngắt...
 Biển cử ai rần bãi rã rời
 Chuồn chuồn vui đậu trên nhành lúa
 Để lại bay đi lúc kịp buồn
 Điệu hát nào lan man vương vất
 Như hơi ẩm mục mặt hồ sương
 Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
 Đóa hoa buông cánh khi tàn hương
 Tiếng rụng tuyết âm rền tịch mịch
 Dòng sông tới biển nức tuôn, tuôn...
 Các mùa chuyển động trong trời trống
 Di điều qua sông xẻ luống sào
 Ly biệt chẳng từ hạt cát ngọc
 Tuần hoàn đến cả giọt sương châu
 Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
 Là rồi một chuyện kể chưa xong
 Mùa hè cọ sát diên kim loại
 Con quạ kêu ran giữa quăng không
 Tàu chuối xác xơ reo ngát ngát
 Nổi đời bi thiết xé lụa tưa
 Hòn ngói lia bay bay mặt nước
 Chìm sâu dĩ vãng đục không dò
 Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
 Bãi bùn tro trên thủy triều lui
 Con còng ẩn nhẫn bò quanh quẩn
 Càng nhẹ tênh trên cỏi ngậm ngùi
 Ta bằng lòng phận que diêm tắt
 Chỉ giận sao mỗi lửa cháy suông
 Thôi nói, bởi còn chi để nói
 Núi xa, chim giục giã hoang hôn
 Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
 Áo phơi xanh phơi nhánh đào hồng
 Mùa xuân bay múa trên trời biếc
 Ta búng văng tàn thuốc xuống sông.

Qua sông

Bờ sông thường cao hơn mặt sông rõ ràng. "Đứng trên bờ nhìn xuống", "đến bến, lên bờ" v.v. Nhưng ở trong Nam có những nơi bờ sông thấp gần sát mặt nước. Đứng ở những nơi ấy, thấy mặt sông cao như ngang... mặt mình, thấy như đã gần dinh... Hà Bá, sợ lắm!

"Mùa mưa đã tới", ở "châu thổ mang mang trời nước sát" giữa người đã gục với người chưa gục có "độ cao" gì đáng kể đâu. Cho nên trông "đám", người trông rất dễ

"... Nao nao mừng tượng bóng mình

Mịt mừng cõi tới u minh tiếng rền".

U minh "trào lên mắt ngời" trước mặt. Bước tới vài bước, coi như "đời đã bỏ quên"...

Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện

Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa

Con đường đáo nhậm xa như nhớ

Chiều mập mờ, xiêu lạc đáng cò

Quán chật xanh lên rừng lính ướt
Mặt bơ phờ dính gió bao la
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét
Chuyện tình cò nhúm ẩm cây mưa
Vang lên những địa danh huyền hoặc
Mỗi địa danh nông một xót xa
Giặc đánh lớn - mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát
Hồn chừng hiu hắt nỗi không tên
Tiếp tế khó - đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mười viên
Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sinh mặt nát lạch mương tanh...
Sông cái nước men bờ sóng sánh
Cồn xa cây vường sáng mơ màng
Áo quan phong quốc kỳ anh liệt
Niềm thiên thu đằm cổ xe tang
Quê xa không tiện đường đưa tiễn
Nghĩa tận sơ sài đấm lạnh tanh
Thêm một chút gì như hối hả
Người thân chưa khóc ráo thâm tình...
... Nao nao mừng tượng bóng mình
Mặt mừng cõi tới u minh tiếng rên
Xuống đò, đời đã bỏ quên...
Một sông nước lớn trào lên mắt người.

Vườn hạ

Tô Thùy Yên năm ấy mới 36 tuổi, sao lại "Tím hận một đời..." với "Tuổi già gom lại..."?
Coi vậy, chớ "mùa hạ trước" qua cũng đã hăm mấy năm rồi. "Mai kia một nợ", tính đại
thêm hăm mấy năm nữa, để khi "anh về chơi" cho đủ tuổi!

Tính năm tính tháng đùa chút thôi, chớ cũng biết người trẻ hồn già là chuyện có xảy ra.
Hồn một khi đã "chín" thì thời gian có khi không trôi nữa:

"Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc
Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh
Ngoài quăng chói chang hư ảo múa
Dường như ai réo ấu danh anh...".

"Mai kia một nợ anh về chơi", nằm một mình dưới gốc cây nghe "ve kêu như biển lằng
lằng dậy", nghe "mương nước rì rào sao sáng thờ", nghe "thủy triều lui bạc bạc sàu", có
lúc cất bước loanh quanh khiến "chú đế giang hồ (quen) hát say sưa dưới cổ buồn" sợ,
nín hát, làm "cô tịch bưng ồn như máu tuôn"...

"Anh", thiệt ngộ hết chỗ nói!
"Thơ ấu, dậy đi, mừng dụi mắt
Cùng anh chạy nhảy tiếp thời vui"!

*Mai kia một nợ anh về chơi
Vườn ủ đêm dư, nắng mặt người*

Thơ ấu, dậy đi, mừng dụi mắt
Cùng anh chạy nhảy tiếp thời vui.
Ăn trái chín cây mùa hạ trước
Thấy nhành ớt động bóng chim quen
Hỏi em, em lấy chồng xa xứ
Hỏi bạn, bạn lia quê bật tin
Thời gian đứt quãng dài vô định
Như sợi dây điều băng mắt tấm
Lòng anh thảng thốt, sông chao sóng
Kỷ niệm buông tay rú ngất chìm
Ai ngắt giùm anh cây cỏ suốt
Làm đôi gà đá, đá ăn cười
Mùa hè đi khuất kêu không lại
Bãi mía điều tàn gốc cháy thui
Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc
Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh
Ngoài quăng chói chang hư ảo múa
Dường như ai réo ấu danh anh
Hàng cây đứng bóng ôm tròn gốc
Đất ẩm vương hương cỏ trở màu
Ai cúi soi gương rong khóa mặt
Thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao
Còn đợi cây mưa lớn bắt thần
Ấu thơ, mừng nhá, chạy la rân
Đá bong bóng nước cơn vui vỡ
Mưa tạnh, ngồi nghe tuổi hạ tàn
Ve kêu như biển lằng lằng dậy
Xô giặt hồn anh mộng chập chờn
Ngủ chín giấc chiều trên xác lá
Tàn mẫn âu yếm đắp thân đơn
Mênh mang lưu thủy trường trăng lạnh
Con chó tung tăng giỡn bóng mình
Mương nước rì rào sao sáng thờ
Đài hoa sương nạm hạt lân tinh
Đầy rồi, chú đế giang hồ ấy
Vẫn hát say sưa dưới cỏ buồn
Nghe tiếng chân người chột nín lặng...
Cô tịch bưng ờn như máu tuôn
Thấp thoáng ánh đèn rây lưới lá
Đàn ai lên cổ khúc hoài lang
Tình ơi, ta hát thắm theo nhạc
Lời nhớ, lời quên, dạ xoắn xang
Đêm lịm chầy khuya, trăng nhợt sương
Liều đi đâu tóc xóa canh trường
Con chim lạc bạn kêu trời rộng
Hồn chết trôi miền dạ lý hương
Nằm đây phủ sáng hằng hà sao
Nghe thủy triều lui bậc bậc sầu
Nghe tiếng mõ chùa khô khóc khóc
U minh ngày tháng bóng lao đao

Cát bụi đã đành thân tấm mỏng
Thì danh với phận kể mà chi
Cảm thương con cá thia lia bại
Có sót huy hoàng cũng xếp vi
Cọc xu thủy hết ra ngoài mức
Đồng cái, thua buồn cũng liếng sông
Tìm hận một đời tay cứng vụng
Chơi câu âu cả cái tâm ngông
Em có tìm không mùa hạ trước
Chiếc vành xưa đánh lạc về đâu?
Đám tranh thuở ấy cao là vậy
Vành lạc, chân không ngại bước vào...
Cây cối càng sừng vết chặt lồi
Chờ nhau cho đáng kiếp chờ thôi
Tuổi già gom lại bao thương tưởng
Như cuối vườn chiều một củ rơi.

Em nhỏ, làm chi chim biển bắc

Đọc mấy câu "(em) biệt xứ ra đi, trời bắt tội", "còn anh hệ lụy chẳng trăm rỗi", "em đẩy làm chi cửa ngõ nề", chợt nhớ một cái truyện ngắn cũng của Tô Thùy Yên. Trong Nơi Chốn Đi Qua, "tôi" và Phụng rất thân nhau, hoàn cảnh khiến xa nhau, cả hai cùng bất như ý trong cuộc sống, một hôm tình cờ gặp lại...

Tôi trách "em nhỏ, làm chi chim biển bắc", nhưng thực ra tôi đâu có đi tìm em ở biển nam. Thực ra, chuyện em và tôi không quan trọng gì cả.

"... Còn vọng hằng hà sa số kiếp
Lai sinh trời đất cũ chưa quên".

Yêu em, chẳng qua tôi yêu trời đất! Nhớ em, chẳng qua là tôi tưởng niệm thời gian!

Em nhỏ, làm chi chim biển Bắc
Xa rồi đám lửa cuối thiên thu
Cửa thần phù dựng trường sơn sóng
Mỗi ngọn xô chìm một giấc mơ
Ôi những con đường đến tự đâu
Một lần gặp gỡ ngã tư nào
Rời trong vô hạn chia lìa miết
Có cuốn theo mình bụi của nhau?
Biệt xứ ra đi, trời bắt tội
Dài tơ tưởng rụng tóc mai xanh
Trôi mòn vóc đá tào khê thức
Nhường mỗi ngàn sao đáy lặng thình
Còn anh hệ lụy chẳng trăm rỗi
Cam phận cây rừng tối dẫm rêu
Nắm tựa tầng tầng thân mục tới
Như mùa hoa trối tuổi già xiêu
Em đẩy làm chi cửa ngõ nề
Bản lẻ khô kéo kẹt hôn mê
Nhện giăng tơ mốc nhà hoang lạnh
Tiếng gọi rền vang gỗ đá ê
Dựng dậy hồn oan dĩ vãng nào
Con chim thần thoại mắt khoen sâu

Giật mình như đã ngàn năm ngủ
Giữ bụi lông, cất khăn tiếng gào
Có nhớ không em rừng bóng lạnh
Gốc cây ngời giọt nắng sao thưa
Gió ru mê mệt trưa tàn tạ
Hạnh phúc đùa xa tiếng thực hư
Khép mắt cho hồn bay điệu vợ
Mà yêu đến khóc, đến u mê
Để khi mở mắt, ta nhìn thấy
Cả cuộc đời ta có đáng chi
Cây rách sâu thân chắt giọt lòng
Nghịch hờn trả nghĩa đất bao dung
Mùa hè cháy hực cơn cuồng nộ
Ồ, máu thơm còn ứa chẳng ngưng
Đôi lộng đưa nhau xuống cuối ngày
Thấy âu sầu hiện mỗi thân cây
Cỏ cao quẩn quít chân chùng bước
Ghim xót xa đầy vạt áo bay
Làm sao đi hết những con đường
Gió với cây cùng khóc hợp tan
Mỗi đóa hoa trên đồng chói lọi
Cũng xui phù thế ngậm ngùi thân
Cầu hôn hoan chết như mưa lũ
Nước kéo nhau đi trảy khắp miền
Còn vọng hằng hà sa số kiếp
Lai sinh trời đất cũ chưa quên.

Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai

Đọc "những người..." sau đây, nhớ "thập loại chúng sinh".
Xưa đại loạn qua, phần ai nấy tể. Nguyễn Văn Thành xông pha trận mạc, tể riêng tướng
sĩ. Nguyễn Du "trải qua một cuộc", chắc "trông thấy" không sót "điều" gì, nên tể chung
tất cả cô hồn. Bài tể "mười loài" kết thúc với nội dung tôn giáo rõ ràng:

"Ai ơi lấy Phật làm lòng

Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi"

Hồi Tô Thùy Yên làm thơ, đại loạn chưa qua. Thi sĩ không tể, lại hình như không có
niềm tin nhất định, bèn chọn "biểu dương". "Biểu dương cùng tận" xong, "rồi tất cả sẽ
nguôi ngoai"...

Hoặc sau bể dâu hoặc trong bể dâu, hoặc đậm màu tôn giáo hoặc không, "cảm sâu dội,
xuyên suốt tâm linh" nên thơ để đời.

Để ý, trong thơ xưa chỉ toàn "cô hồn thất thường dọc ngang", trong thơ nay ngoài người
kia kẻ nọ "thương thay" còn sừng sững "ta lớn lao và ta cô đơn"!

Ra đi như nước ao lên đặc

May gặp ngày mưa lớn thoát tràn

Râu tóc rạng ngời, gậy trúc bóng

Nẻo thơm trần thế, gió hôn hoan

Ra đi như một bình minh lạ

Trên kỷ nguyên chưa kịp hiện hình

Thi sĩ Bắc Nam đều chết rạp

Ba trăm năm lịch sử làm thinh

Ra đi như một âm thanh sáng
Xuyên suốt tâm linh, dội cảm sâu
Hỡi gã du hành, hãy cất tiếng
Bài ca thiên cổ chẳng thành câu
Tự do, ta thết mừng điên đảo
Cuộc tiệc trăm năm nhục thánh thần
Dưới bóng bao trùm hạt cát tỏa
Đền rêu, miếu cỏ lạnh ma hoang
Con đường vô định chưa ai tới
Hay tới nơi, thôi chẳng trở về
Hỡi gã du hành, hãy nói lại
Những điều người thoáng thấy như mê
Ta mò đoán nghĩa dòng hư tự
Mòn nét trong thiên địa ngập ngừng
Ta thấy mặt tinh cầu xếp nếp
Như lằn nhăn tuổi tác hư không
Những người thuở trước gương cung cứng
Cưỡi ngựa điên, hoa kích ngàn cân
Một trận tan tành ba triệu địch
Nửa chiều chết đứng hận giai nhân
Những người thuở trước đi tìm mộng
Lạc suối mê, hoa giặt ngược dòng
Theo tiếng kinh quan san biệt dạng
Buộc sấu, xổ tóc, thả thuyền rong
Những người thuở trước say vô hạn
Mơ thuốc trường sinh lạc xác phàm
Níu cánh chim bằng qua biển gió
Cây minh linh tốt mấy ngàn năm
Những người thuở trước tham chung đỉnh
Áo mũ xênh xang chốn ngọc môn
Sơ thất, thương thay thân xuống lính
Đày ra quan ngoại, chết không chôn
Những người thuở trước như là mộng
Diễm tuyệt dung nhan thảo mộc sâu
Hương phấn bay lừng xa khỏi kiếp
Tiếng cười xé rách núi sông đau
Những người thuở trước bây giờ lạc
Trong dã sử nào như bóng mây
Trong trí nhớ nào như giọng hát
Hỡi ôi, trời đất lạnh tình thay!
Hỡi ôi, gió nổi lên cùng khắp
Giục gã du hành rảo bước thôi!
Ta uống giếng hoang, ăn trái lạ,
Tâm hồn mãi mãi mới tinh khôi
Nhiều khi ta ngược lên ngơ ngẩn
Nghe tiếng chim quen bay trót qua
Bóng thoáng như bàn tay dịu mát
Lau nhanh hơi mỗi mặt mày ta
Hoàng hôn xô bóng ta trên cát
Ta lớn lao và ta cô đơn

*Ngưỡng mộ cây xương rồng găng gượng
Thân trần đứng lẻ giữa đồng trơn
Bình minh như một làn da phồng
Ta dạo men bờ sóng tuyết mù
Cảm phục bồi hồi biển nhẵn nại
Bắt đầu mãi mãi lượn thiên thu
Biểu dương - hãy biểu dương cùng tận
Vinh dự lâm than của kiếp người
Hi hữu một lần trên trái đất
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai.*

Trong bộ *Văn học Miền Nam*, phần Thơ.

(2) TTY trả lời phỏng vấn, đăng trong Lê Quỳnh Mai, *Tác giả, với chúng ta*, nxb. Khôi Nguyên, Mỹ, 2004.

(3) Đi Về và Suốt Bãi Sông Hằng là tên hai bài thơ của TTY.

(4) TTY trả lời phỏng vấn, xem chú thích 2.

(5) Xem bài Nét Siêu Hình Trong Văn Miền Trung của TT, đăng trên trang gocnhin.net.

(6) Xem bài Đất Nào Văn Nấy của TT, đăng trên trang gocnhin.net.

(7) TTY trả lời phỏng vấn, xem chú thích 2.

(8) Bài Lương Châu Từ của Vương Hàn: "Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi / Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi / Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu / Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi".

Mường Mán

Tô Thùy Yên

Theo lời thi sĩ Mường Mán, ông lấy bút hiệu sau khi đọc truyện này.

Mường Mán là ngã ba đường xe lửa Sài Gòn-Phan Thiết-Nha Trang. Cái tên được chọn thật là hay, nó gợi đúng quang cảnh hoang vu man rợ của vùng đất. Nếu như số hỏa xa không chọn nơi đó làm ngã ba, có lẽ thị trấn này đã chẳng được dựng lên, trên bản đồ Việt Nam đã không có dấu chấm nhỏ nào mang tên Mường Mán. Tiết điệu sinh hoạt ở đó được giữ nhịp bởi sự đến và đi của những chuyến xe lửa thường lệ; ngoài chúng ra, hình như Mường Mán không có đời sống nào khác nữa. Thị trấn gồm có một nhà ga lâu đời mang trên mình những vết thẹo của thời gian và chiến cuộc, không được tu bổ, với những con đường sắt buồn bã chi chít như cành nhánh của một thân cây khô chết, vài chực nóc gia có lỗ hư nát có lẽ là cư xá của nhân viên hỏa xa, dăm ba hàng quán nghèo nàn âm u, một cái giếng sắt đen, màu sơn tróc lở, cát sát đường rầy, dùng chầm nước cho những chiếc đầu xe lửa nóng hực vì đường xa. Tất cả những thứ đó hợp thành Mường Mán nằm chênh vênh trên một mồm đất cao ngó xuống thung lũng cây bụi thấp nhỏ nhưng rậm đặc xanh rì, đối mặt với những ngọn núi sừng sững đội mây của dãy Trường Sơn chập chùng lô nhô, nơi mát hút của con đường sắt về Nha Trang.

Chuyến xe lửa thường lệ từ Phan Thiết về Sài Gòn khởi hành vào khoảng 4 giờ chiều ra đến ga Mường Mán, phải ngừng lại đó chờ cho chuyến Sài Gòn-Nhatrang qua khỏi rồi mới tiếp tục đồ thẳng về Sài Gòn. Thời gian chờ đợi không có hạn định, lâu hay mau tùy theo trường hợp. Có bữa không hiểu trực trặc thế nào mà xe Phan Thiết ngừng chờ cả mấy giờ rỗng rã, mới thấy xe Nha Trang ra tới.

Thái thò đầu ra ngoài cửa sổ toa xe võ võ lơ đãng chiếc tàu, trút bỏ tàn thuốc và vẫn không ngoảnh đầu lại chàng nói trong gió:

– Mừng Mán. Có lẽ chúng ta còn cũng đến một giờ nữa với nhau.

Nhung làm thinh, cũng không biểu lộ thái độ nào trên khuôn mặt vẫn xa vắng. Nàng như không nghe thấy câu nói đó của Thái. Hai người chỉ còn một giờ nữa với nhau, chỉ còn một giờ nữa thôi sao? Cuộc đời còn lại trước mặt, chỉ một giờ thôi làm sao cho đủ được? Làm sao bơi qua cho hết một biển mê mang, đến một bến bờ không nhìn thấy, trong một khoảng thời gian vô cùng hối hả? Làm sao đây?

Chuyến xe lửa qua khỏi dốc, đi vào địa phận sân ga, xả bỏ áp lực, rồi ngừng hẳn lại khi còn cách nhà ga chừng vài chục thước. Những toa xe còn trón đâm vào nhau, dội lại trong những âm thanh kim khí tưng tưng khô khan. Sự sống từ trên xe ủa xuống sân ga trống vắng. Thái bước ra ngoài cầu thang, đứng lại, và trong một cử chỉ tự động, đưa tay sửa gút cà vạt, rồi nhanh nhẹn nhảy xuống đường. Chàng nắm tay Nhung đỡ nàng bước xuống. Nhung đảo mắt nhìn quanh. Nàng sửa lại mái tóc kiểu con trai của mình. Nàng có thói quen mỗi lần sửa lại mái tóc là hất nhẹ đầu về phía sau, mặc dầu bây giờ tóc nàng đã cắt ngắn, cử động đó không còn cần thiết nữa, nàng vẫn giữ nó như thường, giữ như một cái bớt xám trên làn da. Thái lặng ngắm hình dáng nàng sừng sững vỗ trên nền trời xanh trong lỗ rỗng những cụm mây tròn nhỏ như những chiếc bọt sà bông; chàng thấy yêu cử chỉ hất đầu về phía sau của nàng khi sửa tóc. Ngày trước - đã xa rồi, đã thật xa - tóc nàng để dài, dài gần nửa tầm lưng. Thái nghĩ: bất hạnh cho nàng đã không xóa nổi trong ký ức những ngày cũ của mình. Dĩ vãng, dĩ vãng...

Thái lại nói:

- Còn cũng đến một giờ nhưng anh nghĩ mình nên đến lấy ngay vé cho em về Nha Trang, lấy sớm cho khỏe, lát nữa khỏi chen lấn, lụp chụp.

Nhung đứng bất động nhìn chăm chăm vào mắt Thái, với tất cả nghiêm trọng mà một người có thể có được. Nàng nói thật chậm rãi, từng tiếng rõ ràng:

- Anh nhớ là chúng ta còn một giờ với nhau để cho anh quyết định, em chờ anh cho đến phút chót.

- Anh quyết định à? - Thái bật cười khan, cái cười không hẳn là độc ác - Thì anh đã quyết định rồi còn gì. Anh lập lại một lần nữa đây cho em nghe rõ quyết định của anh - giọng Thái cứng lại - Em phải ra Nha Trang, anh phải về Sài Gòn, mỗi người một ngã. Dứt khoát như vậy.

Nhung không dám nhìn chàng nữa, hỏi lại, giọng rầu rầu:

- Nghĩa là em sẽ đi tới một cuộc đời mới, còn anh sẽ trở về cuộc đời cũ của anh, phải không?

Thái trả lời khô:

- Phải.

Rồi chàng dịu giọng như nói với một người em thật nhỏ:

- Một cuộc đời mới đang giang sẵn đôi tay chờ em ở Nha Trang. Ở đó, em sẽ quên được anh cũng như bao nhiêu hình ảnh buồn rầu cũ khác của một quãng đời dò dẫm,

bỏ mất. Em phải quên, bằng cách này hoặc bằng cách khác. Trí nhớ là cực hình cho người đã từng sai lạc. Vậy em hãy tìm cách quăng bỏ nó đi mà sống lại, thoát khỏi bàn tay định mệnh, lúc nào cũng mới tinh khôi. Em nên nghe anh mà đi Nha Trang, nước biển ở đó biết đâu chẳng rửa sạch được đời em.

– Còn anh?

– Trở lại cuộc đời cũ của mình, anh cũng sẽ phải quên em - Ngừng một lát, Thái tiếp lời, giọng như an ủi khuyên lơn - Anh rất tiếc không thể làm thế nào khác được, cây kim nam châm xao động mấy đi nữa, cuối cùng rồi cũng phải quay về hướng bắc.

– Nghĩa là anh khuyên người khác đổi mới, còn anh thì không?

– Có lẽ em làm, anh cũng đổi mới và đổi theo cách thức của riêng anh.

– Vậy hướng bắc của anh là gì, anh thử nói em nghe.

Thái nắm tay Nhung kéo nàng đi men theo bờ thung lũng, cỏ may lấp xấp ngập bàn chân. Chàng nhồi thuốc đưa lên môi bập bập nhưng không đốt. Được một lát, chàng nói:

- Anh không có hướng bắc nào nhất định và có lẽ đó cũng là hướng bắc của đời anh. Thú thật anh không tìm thấy mục đích nào trong cuộc sống của mình. Anh không sẵn sàng, anh không biết phải làm gì. Dường như anh cứ mãi chờ đợi một cái gì đó anh không biết. Anh sống cho qua ngày, hướng tất cả mình vào sự chờ đợi đó. Rất nhiều khi anh cảm thấy mình chẳng khác nào có cây đá sỏi sống để chết, có rồi mất. Thật không có gì phù phiếm vô ích cho bằng sự sống, vậy mà mình vẫn đành phải sống, sống cho bằng hết để chẳng làm gì. Nên anh không thể nào mãn nguyện yên tâm. Có lẽ là vì anh có một lỗ hổng lớn trong đầu.

Một lỗ hổng lớn trong đầu. Những tháng ngày vô vọng. Những chuyến phiêu lưu không dẫn đến nơi nào? Những cuộc thí nghiệm chẳng bao giờ có công dụng. Anh hùng bất lực. Đêm đêm la cà ở quán rượu, phòng trà, lang thang ngoài đường phố bờ sông, rượu rót ra, thuốc đốt lên, tiền rải xuống, những lời nói vô nghĩa bừa bãi tung ra trong những trận đấu láo lạng nhằng, những đứa con gái chỉ một ngày, một tuần rồi sẽ quên nhau, mỗi khuya, một mình, hai người hay cùng một lũ bạn trở xuống thành phố thấp, quỳ ngã vào giấc ngủ nặng nề mỗi mệ, trưa thức dậy mắt còn cay xé, những dự định không bao giờ thực hiện vì lười, những tiếng chửi thề gọi cho mình, gọi cho người, một cuộc đời bỏ mứa với dấu hỏi to tướng lửng lơ bên trên, thân thể và tâm hồn thường xuyên bải hoải. *La chair est triste, hélas! et j'ai lu tous les livres. Nỗi chán chường bao trùm đè xuống, đè xuống như vòm trời một buổi đầy mây. Và cái chết, cái chết được nghĩ đến ngày đêm... O mort, Vieux capitaine, il est temps! levons l'ancre. Ce pays nous ennuie...*

- Anh hay nghĩ, điều đó làm hại anh; người hay nghĩ trước sau gì cũng trở thành một kẻ điên khùng, ngớ ngẩn, một thứ raté, misfit. Trí thức chỉ làm cho người ta lỗ vốn thêm thôi.

Nhung ngừng một lát rồi nói tiếp:

- Nhưng anh là nhà văn. Tại sao viết văn lại chẳng là mục đích của đời anh?

Thái cười gằn thành tiếng nhỏ dài. Nhưng nghiêm mặt nhìn chàng trách móc:

- Tại sao anh cười?

Thái vẫn tiếp tục cười gằn, chua chát nói:

- Nhà văn, anh là nhà văn! Thử tưởng tượng viết văn là mục đích của đời anh. Trờ em, sao em lại có thể lấy phương tiện mà làm cứu cánh như vậy?

Người ta sanh ra là cốt để sống chứ có phải để làm văn chương nghệ thuật đâu em. Chỉ khi nào cảm thấy mình sống không đủ, người ta mới phải viện đến nó mà sống thêm thôi.

Thái chậm bước, đốt thuốc rít một ngậm khói dài rồi rút ống điếu ra khỏi miệng. Hai người đi vượt qua đầu xe lửa, đến một khoảng đất rộng và chẳng ai bảo ai, cả hai cùng ngừng bước. Mặt trời đã khuất sau một đám mây dày, trời nắng bạc kim dịu dàng dễ chịu. Thái ngấm dẫy núi xa trùng điệp vờn mây bông trắng đục. Đột nhiên chàng nói:

- Đứng trước núi và biển, bao giờ anh cũng thấy buồn. Nhưng mỗi thứ lại làm anh buồn một cách. Đứng trước biển, anh như bị mất hút rã tan, còn đứng trước núi, anh như cần thu mình chống chọi, Một đặng thì mệnh mang giải thoát, một đặng thì khắc khoải nặng nề. Nên anh yêu biển và sợ núi.

Nhưng cười hỏi:

- Còn đứng trước em thì sao?

- Đứng trước em, anh bắt gặp cả hai thứ buồn đó. Em là núi và biển cộng chung lại.

- Nghĩa là anh yêu em mà vẫn muốn chống lại tình yêu đó, tìm cách xa em?

Thái gật nhẹ đầu, không trả lời. Hai người lại bước đi. Thái đưa nạng băng qua con đường sắt, vòng qua bên kia hông đoàn xe lửa. Hai người leo lên một diện tích xi-măng hình chữ nhật nằm dài ở giữa hai con đường sắt. Thái mân mê chiếc tẩu, nói:

- Anh nhớ hồi chúng ta còn nhỏ ở gần đường xe lửa, đi học về, mỗi đứa bước trên một đường rầy, nắm tay nhau giữ thăng bằng cho nhau mà đi.

Nhưng kể tiếp:

- Và mỗi buổi chiều trời mát, anh ra áp tai lên đường rầy nghe xe lửa tới, lượm đá xanh đặt lên đó cho xe qua cán nát.

Cả hai bỗng cùng trầm ngâm, hai cặp mắt xa xôi như hướng vào chính mình, đuổi riết theo thời gian đã đi qua. Một lát, Nhung thở dài, ngậm ngùi nói:

– Lớn lên, mình lại không còn giữ thăng bằng cho nhau được nữa.

- Đáng buồn - Thái chép miệng.

Nhung lại nhắc:

- Em còn nhớ lúc em bắt đầu xa anh, em buồn suốt mấy tháng. Em thấy thiếu anh, thiếu những buổi chiều chạy giỡn giữa những gò mả ngoài bãi cỏ hoang cạnh đường rầy của chúng ta. Nơi ba em mới dọn đến không có xe lửa, không có bãi cỏ hoang. Từ đó, em biết là mình đã lớn khôn.

- Lúc đó, anh không như em. Con gái đứa nào cũng có một thời lớn khôn già dặn hơn con trai cùng lứa tuổi. Em đi rồi, anh không buồn lắm không thấy nhớ bao nhiêu. Buổi sáng, anh chạy qua nhà em như mọi bữa thấy cửa khóa kín, gọi hoài chẳng ai lên tiếng, mẹ anh bảo là gia đình em đã dọn đi tối hôm qua. Nhưng lúc đó bắt đầu mùa đế, anh quăng bỏ những đồng xu đáo lố, chạy theo những con đế ngoài đồng quên em đã mất. Rồi chiến tranh, anh bỏ học ra bung, chạy theo những con đế mới khác, cũng không có bao nhiêu thì giờ tâm trí mà nhớ tới em. Chỉ sau này, khi anh đã bỏ về thành, anh mới chợt thấy nhớ em và nhớ mãnh liệt, nhưng chắc anh nhớ tiếc thiếu thời của anh thì đúng hơn.

Thái ngừng nói, nắm tay Nhung bước đi. Được mười bước, chàng lại kể:

- Năm rồi, anh có dịp về quê chúng ta. Chỗ ở cũ của em chỉ còn là cái nền đất cây cỏ thờ ơ. Xe lửa không còn chạy ngang qua, đường rầy được gỡ đi, rất nhiều thứ đã thay đổi ở đó... À, năm nay mình đúng bao nhiêu tuổi rồi em?

- Ba mươi hai.

- Tuổi tây hay tuổi ta?

- Tuổi tây.

Thái đọc nho nhỏ trong cổ họng:

- Cùng một lứa bên trời lận đận...

Bỗng sực nhớ ra, chàng kêu lên:

- À, hôm em nói với anh nhà em sắp dọn đi, anh có cho em một món quà, em còn nhớ là món gì không?

Nhung ngẩng đầu lên, nhìn vào mắt Thái cười nói:

- Anh cho em đồng chàm sắt của anh. Đồng chàm đó nguyên là một viên đạn xe hơi lớn, anh phải cày cục mấy bữa mới để được lên đường rầy cho xe lửa cán dẹp. Anh quý nó lắm vì nó hên, thấy rất gần. Có hôm đánh đáo, anh chọi nó chạy vào bụi cỏ, anh bỏ cả buổi học đi tìm. Hôm đó, em cũng bỏ học tìm phụ với anh. Về nhà, em bị một trận đòn nên thân, còn anh thì không vì anh đóng kịch nói dối giỏi...

- Không phải, anh cũng bị đòn nhưng anh dẫu không nói với em.

- Thảo nào. Nhưng vì sao anh lại dẫu em?

- Hồi đó thì thật không biết vì sao.

– Vậy bây giờ đã biết rồi chứ?

Thái cười xòa không đáp. Rồi chàng nói lảng sang chuyện khác:

- Ông Đức Thịnh là người đứng đắn, học thức và thật lòng với em. Vậy em chớ bỏ lỡ cơ hội tốt đó để làm lại cuộc đời, đạt tới hạnh phúc. Em phải cố gắng, can đảm mới được, cố gắng, can đảm như những ngọn cỏ kia muốn vươn lên phủ cả đường rầy, dẫu bị xe qua nghiền nát tang thương, vẫn không ngừng vươn lên trở lại. Em hãy hứa với anh là em sẽ cố gắng. Em hứa với anh đi.

– Cố gắng, điều đó em không cần phải hứa với anh. Anh cũng dự hiểu là đối với đàn bà, chỉ có hạnh phúc là đáng kể thôi. Người đàn bà bao giờ cũng sống tận tâm cho hạnh phúc của mình - Nhưng ngừng một lát rồi nói với em như nếu không nói ngay, nàng sẽ chẳng bao giờ nói được câu đó nữa - Anh đọc ác lắm!

Nhưng nàng lấy lại bình tĩnh, tiếp lời:

- Tại sao anh không cùng cố gắng với em như anh đã khuyên em? Trong đời người, có thứ gì đáng đi tìm hơn hạnh phúc không hở anh?

Thái ngẫm nghĩ không lâu và chậm rãi đáp:

– Đó cũng là điều anh thường hay tự hỏi và không thể trả lời. Hạnh phúc cũng giống như Thượng Đế, kẻ nào tin, đi tìm tất sẽ gặp. Còn riêng anh, anh không hề tin ở hạnh phúc, anh cứ đinh ninh, và đinh ninh không có lý do nào chắc chắn, rõ ràng là anh không thể có được thứ hạnh phúc mà mọi người hằng ngưỡng vọng. Có phải tại anh khác người không, anh không rõ. Em trách anh độc ác nhưng em có biết đâu là anh còn độc ác với chính anh hơn độc ác với em và những người khác nữa kia.

Nhưng bỗng cười gằn, giọng hơi nặng một chút mỉa mai tàn nhẫn:

- Phải mà, anh khác người. Anh, un oiseau rare, un type pas comme les autres, un type qui n'est pas normal...

Thái ngắt ngang:

– Em im đi cho. Em không phải là anh, em không được quyền phán xét anh.

Nhưng ngang ngạnh:

- Nhưng nếu em cứ phán xét?

- Như vậy, em cưỡng hiếp đời sống của anh.

Một lát, Thái dịu giọng:

- Nhưng nếu anh nói là anh ngậm hãnh diện vì sự khác người đó của anh thì em nghĩ sao?

- Em nghĩ là anh lảng mạn và ích kỷ. Phải, anh ích kỷ và chính sự ích kỷ đó sẽ làm tiêu

đòi anh.

Thái lặng người, chàng không ngờ Nhung có thể nhẫn tâm như vậy. Chàng cảm thấy đau đớn. Càng đau đớn hơn nữa là vì Nhung có lý phần nào. Hai người không ai nói gì nữa. Không khí căng thẳng như một sợi dây đàn, một tiếng hơn thêm có thể làm gãy đứt dễ dàng thâm tình giữa hai người. Thái nhủ thầm: “Như vậy có khi hơn”. Nhung thâm tâm chàng không muốn phải như vậy. Mặt trời đã ra khỏi vùng mây, trời nắng lớn chói chang. Thái bước xuống khỏi diện tích xi-măng, nắm tay Nhung lặng lẽ đưa nàng đi về phía nhà ga. Được một đổi, Nhung mở lời:

- Dầu sao em cũng đi Nha Trang, em nghĩ chúng ta nên làm lành với nhau vào lúc chót. Em không muốn chúng ta chia tay nhau, dẫu rằng chia tay nhau vĩnh viễn, như hai kẻ thù nghịch, với giận hờn chất chứa trong lòng. Nhân ra Phan Thiết sống với em trong nửa tháng vừa qua anh đã cho em những gì đẹp để quý báu mà em chưa từng nhận được trong đời. Kể cả người yêu đầu và người chồng trước của em, họ cũng không cho em được những điều đó. Món quà vương giả là ái tình, phải hoàng tử như anh mới có để cho em. Vậy anh cũng nên cho em cho trọn, anh hãy để em được yêu anh với tất cả mối tình em đang có cho đến hết những giây phút cuối cùng này. Để lát nữa, em lên tàu ngồi một mình, giữa những người xa lạ để tới một cảnh đời xa lạ, tâm hồn em còn ngào ngạt dư hương mối tình của một thiếu thời bất chợt.

Nàng ngừng lại một giây, nuốt nước mắt, tiếp lời:

– Em tiếc lắm, anh cũng hiểu là em yêu anh đến bực nào.

Thái cũng không dấu nổi cảm động, chàng nói:

- Anh cũng tiếc không kém gì em.

Chàng đưa Nhung vào một quán nước thừa khách cạnh nhà ga. Hai người ngồi xuống ở bàn phía ngoài trong một góc yên tĩnh, Nhung lơ đãng nhìn ra dãy núi, hướng Nha Trang. Cuộc đời mới. Tương lai, tương lai mờ mịt.

Có tiếng Thái hỏi:

– Em uống bia không?

Nhung đáp lơ là:

- Gì cũng được.

Thái gọi. Bà lão chủ quán mang ra một chai bia lớn ướp lạnh và hai cái ly đặt trên mặt bàn phủ tấm cao su. Nhung khoát tay bảo để nàng rót lấy. Có lẽ nàng muốn một lần nữa, lần cuối cùng, làm một cử chỉ dịu dàng âu yếm với người yêu. Nàng cầm tay rót khéo, không để sủi bọt, theo như sở thích của chàng. Nàng nói: “Mời anh” Thái nâng ly, nhìn biết ơn. Hai người lặng lẽ uống, không nói gì với nhau trong một hồi lâu. Thái cảm thấy dễ chịu và buồn ngủ. Chàng đưa tay lên che miệng ngáp dài. Nhung mở ví lấy son tô sơ lại vành môi. Chàng hỏi:

- Em không uống nữa à?

– Đủ rồi. Em không thấy khát.

Nhưng bỏ cây son vào ví, ngẩng đầu lên nhìn sâu vào mắt Thái, hỏi đột ngột:

– Thật tình, em còn đẹp không anh?

Thái làm thinh hồi lâu mới chậm rãi trả lời:

- Ra em không nhìn thấy nhan sắc em trong mắt anh sao còn hỏi nữa?

- Em lo sợ.

- Em yên tâm. Lời khen đó của một người đàn ông sắp mất em và sẽ tiếc.

- Cảm ơn anh.

Nhưng yên lặng quan sát khuôn mặt mình trên tấm kiếng lớn treo trên tường. Tự nhiên nàng mỉm cười và bảo:

- Anh đưa em đi lấy vé Nha Trang. Em sẽ ra Nha Trang với nụ cười quyết thắng.

Thái gọi trả tiền đứng dậy. Bước ra khỏi quán, chàng hơi nghiêng đầu, nói nhỏ vào tai Nhung:

– Với anh, không bao giờ em xấu đi được nữa.

Nhưng nhìn Thái triu mến, siết chặt tay chàng, mỉm cười hạnh phúc.

Hai người bước vào hiên ga. Thái bảo:

- Em chờ anh ở đây.

Lát sau, chàng trở ra trao cho nàng tấm vé. Chàng nói:

- Anh lấy hành lý cho em.

Hai người bước về phía đoàn xe lửa. Thái xách hai tay hai va-li to tướng của nàng.

Chàng hỏi:

– Sao em mang đi nhiều hành lý vậy? Quần áo cả à?

Nhưng gật nhẹ đầu:

- Phải trong đó có hơn một nửa là những quần áo không còn vừa mặc nữa, nhưng em không nỡ quăng bỏ chúng lại. Tánh em là như vậy, em không nỡ quăng bỏ những gì đã thân quen.

Thái thở dài. Xe lửa Nha Trang đã tới, ngừng trước nhà ga. Thái chuyển hành lý lên toa. Xong hai người đứng ở hành lang, chống tay vào cửa sổ nhìn xuống. Chàng thì thầm bên tai Nhung, như với giọng của một người nào khác trong giấc mơ:

- Anh cảm ơn về những ngày em đã cho anh, anh đã sung sướng nhiều trong những ngày đó, Nhờ em, anh tìm lại được rồi thời niên thiếu thất lạc của mình và đã sống đầy

đủ nó...

Xe hú còi và từ từ chuyển bánh. Thái cầm tay Nhung siết mạnh giầy lâu, không dám nhìn kỹ mắt nàng, bước ra cầu thang nhảy xuống đường còn chạy theo, nói với:

- Anh mong thành công, em phải thành công, em nhớ cho!

Độc Trường Sa Hành của Tô Thùy Yên Nguyễn Thị Thảo An



Mấy năm gần đây khi tình hình Biển Đông trở nên căng thẳng, nhiều người trong nước đã tìm đọc bài thơ *Trường Sa Hành* của nhà thơ Tô Thùy Yên. Nhiều bạn đọc tỏ ý tiếc, *Trường Sa Hành* là một bài thơ hay nhưng thiếu tính chiến đấu.

Người trong nước ít nhiều chịu ảnh hưởng của nền văn học Chủ nghĩa Xã hội, thường quen với quan điểm văn nghệ phục vụ cho chính trị, văn nghệ là vũ khí... nên lấy làm ngạc nhiên về tác phẩm lẫn tác giả.

Nói về bài *Trường Sa Hành* của Tô Thùy Yên, ngoài giá trị văn chương, bài thơ còn có một giá trị lịch sử đặc biệt. Bài thơ được sáng tác trong một chuyến du hành thăm đảo trong bối cảnh Hoàng Sa vừa bị Trung Cộng đánh chiếm (3/1974). TTY là một nhà thơ đầu tiên đặt chân đến Trường Sa, viết một bài thơ đầu tiên cho Trường Sa. Bài thơ có một ý nghĩa chính trị về chủ quyền lãnh thổ mà người Việt nào tha thiết với vận mệnh đất nước không thể không biết tới.

Nội dung bài *Trường Sa Hành* diễn tả tâm trạng những người lính trấn thủ trên đảo. Ở thời điểm đó, Trung Cộng có thể tiến chiếm Trường Sa bất cứ lúc nào. Có thể họ sẽ là những người nối gót Ngụy Văn Thà mới vừa tử thủ ở Hoàng Sa, hay theo dấu những người lính vô danh trong lịch sử.

Trước khi nói đến những người lính thời nay, xin nhắc sơ hình ảnh người lính thời xưa còn sót lại.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử của chiến tranh. Thế mà trong lịch sử, qua bao nhiêu chiến thắng lẫy lừng chống ngoại xâm, hình ảnh người lính oanh liệt ngày xưa biến đi đâu mất. Trong văn học sử chỉ ghi lại hình ảnh người lính tầm thường, nghèo nàn đến tội nghiệp.

*“Ngang lưng thì thắt đai vàng
Đầu đội nón dẫu vai mang súng dài
Một tay thì cắp hỏa mai*

*Một tay cấp giáo quan sai xuống thuyền
Thùng thùng trống đánh ngũ liên
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.”*

Nước mắt như mưa thì làm sao đánh giặc?

Mà không cứ gì đi ra trận mới khóc. Người lính đóng quân ở nơi cheo leo cũng than thở đến xót ruột.

*“Ba năm trấn thủ lưu đồn
Ngày thời canh điểm, tối dồn việc quan
Chém tre dẫn gỗ trên ngàn
Hữu thân hữu khổ phân nàn cùng ai
Miệng ăn măng trúc măng mai
Những dang cùng nức biết ai bạn cùng
Nước giếng trong con cá nó vấy vùng”*

Tại sao tác giả lại lấy hình ảnh “con cá nó vấy vùng” trong giếng nước trong để kết thúc bài? Hình ảnh con cá này đã ám ảnh tôi suốt từ thời đi học. “Con cá nó vấy vùng” mà không phải là “con cá vấy vùng”.

Câu thơ là một câu than. Nước giếng trong veo, không có mồi làm sao con cá sống? Ở chốn thâm sơn, cơm gạo đâu ra để người lính sống?

Cái cảnh người lính phải xoay sở để tự nuôi thân chính là cái cảnh “con cá vấy vùng” trong giếng nước.

Nhưng “Con cá vấy vùng” chỉ là hình ảnh. Thêm vào chữ “nó” thành “con cá nó vấy vùng” Hình ảnh “con cá” trong thơ bỗng nhiên sống động hẳn. Cái khéo ở cách dùng chữ. Cái hay của bài thơ cũng ở câu này.

Trấn thủ đất liền đã khổ như vậy, ở đảo còn khắc nghiệt hơn.

Trường Sa xa mát mù khơi. “Bốn trăm hải lý nhớ không tới”. Cái đảo mơ hồ như một mảng đất liền bị trôi dạt ngoài khơi.

*“Trường Sa! Trường Sa! Đảo chúi chúi choáng!
Thăm thẳm sâu vấy trắng bốn bề.
Lính thú mươi người lạ sóng nước,
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.*

Đảo còn say sóng thì hướng chi người!

Làm sao giữ đảo khi đầu óc mơ hồ, chân đi chưa vững? Những người lính trên đất liền bị điều ra đảo ví như con cá đột nhiên bị quăng lên bờ. Ở đây, người lính nhận ra họ phải bảo vệ một mảnh đất mà con người không sống được. Ngàn năm ở đây chỉ có *sóng thiên cổ, gió miên man, gió khốc liệt*, đảo không nước, mưa họa hoàn, *nắng lóa như kim giữa, cây bật gốc*,... Cái đảo từ thuở khai thiên lập địa hầu như chưa có dấu chân người.

*“Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên*

Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên.”

...

“Mùa gió xoay chiều, gió khóc liệt,
Bãi Đông lở mát, bãi Tây bồi
Đám cây bật gốc chờ tan xác,
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi?”

...

“Mặt trời chiều rã rưng rưng biển.
Vàng khói chim đen thẳng thốt quần
Kinh động đất trời như cháy đảo
Ta nghe chừng phỏng khắp châu thân.

Ta ngồi bên đống lửa man rợ,
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi,
Nghe cây dừa ngắt, gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi...”

Con người đột nhiên bị quăng vào cuộc sống của người tiền sử. Môi trường khắc nghiệt, làm sao bám được cuộc sống để tồn tại? Làm sao chống chọi với trời đất, với thiên nhiên?

“Đám cây bật gốc chờ tan xác,
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi.”

Ai đã bày ra chiến tranh? Ai tạo ra thời thế để đày con người ra đến chốn này?

Thương thân, trách phận rồi tự giận lấy mình, tự đày đọa, tự trừng phạt.

“Bốn trăm hải lý nhớ không tới.
Ta khóc cười như tự bạo hành,
Đập giận, vác khòm lưng nhẫn nhục,
Đường thân thế lỡ, cố đi nhanh.”

Chống chọi với trời đất đã khó, chống chọi với chính mình càng khó hơn.

“Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi,
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa.”

...

“Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng,
Những cụm rong óng ả bập bênh
Như những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh.”

Giữa cảnh trời nước mênh mông, sự hoảng hốt tột cùng khi bị cắt đứt liên lạc với đồng đội, với cả thế giới loài người.

“Đất liền, ta gọi, nghe ta không?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng.
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc.
Con chim động giấc gào cô đơn.”

Trường Sa như đã trở thành một thế giới khác, con người bị nhốt trong cái thinh lặng tuyệt nhiên ngoài trái đất. Thao thức trước chiến tranh, chiêm nghiệm về lẽ sống còn của đời người, sự hữu hạn, nỗi cô đơn của nhân loại.

*“Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh lớn.
Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngờ”*

Đứng trước vũ trụ bao la, con người dễ nhận ra thân phận mỏng manh nhỏ nhoi của kiếp người. Vậy mà vẫn phải đem cái “hữu hạn nhỏ nhoi” để giữ lấy cái bất biến trong trời đất.

*“Sóng thiên cổ khóc biển tang chế.
Hữu hạn nào không tui nhỏ nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ.
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời.”*

Người lính Trường Sa cũng khóc như người lính thú? Cũng than thở xót xa như anh lính trấn thủ lưu đồn ngày xưa? Và rồi cũng chấp nhận số phận để vượt qua số phận. Bài thơ diễn tả tâm trạng những người lính trấn đảo nhưng cuối cùng trở về nỗi thao thức thân phận của con người. Có lẽ con người là sinh vật duy nhất biết nhận thức được kiếp sống của chính mình.

Cho tới nay, *Trường Sa Hành* là bài thơ về biển đảo hay nhất của Việt Nam. Nó ví như một viên minh châu đang chiếu lóng lánh giữa lòng dân tộc. Không có gì người Việt đọc *Trường Sa Hành* mà lại không giữ được Trường Sa.

Khai bút đầu năm - Mùng Một Tháng Giêng.- Feb.10/2013

Theo VOA

.....
Bài thơ “Trường Sa hành” Tô Thùy Yên viết tháng 3/1974, trong một chuyến hành quân công vụ của ông ra vùng đảo Trường Sa, hai tháng sau thời điểm Trung Quốc đã cho quân đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa (19/1/1974).

Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa khi đó đã điều quân đội ra đánh trả. Máu binh lính Việt Nam đã đổ xuống trên vùng biển đảo của Tổ quốc để quyết giữ trọn vẹn giang sơn bờ cõi Việt Nam.

TRƯỜNG SA HÀNH

(Tô Thùy Yên)

Trường Sa! Trường Sa! Đảo chênh choáng!

Thăm thẳm sàu vây trắng bốn bề.

Lính thú mười người lạ sóng nước

Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.

Mùa đông bắc, gió miền man thổi

Khiến cả lòng ta cũng rách tưa

Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn

Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngờ.

Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ,

Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên

Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh

Lên xác thân người mãi đứng yên.

Bốn trăm hải lý nhớ không tới
Ta khóc cười như tự bạo hành
Đập giập, vác khòm lưng nhẩn nhục
Đường thân thế lữ, cố đi nhanh.
Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế.
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời.
Mùa gió xoay chiều, gió khóc liệt,
Bãi Đông lờ mắt, bãi Tây bồi.
Đám cây bật gốc chờ tan xác
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi?
Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Những cụm rong óng ả bập bênh
Như những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh.
Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vàng khói chim đen thẳng thốt quần,
Kinh động đất trời như cháy đảo...
Ta nghe chừng phảng khắp châu thân.
Ta ngồi bên đồng lửa man rợ,
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi,
Nghe cây dừa ngát gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi.
Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu.
Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đổ thảm thê.
Ta nói với từng tinh tú một
Hằng đêm tất cả chuyện trong lòng
Bãi lân tinh thức, âm u sáng
Ta thấy đầu ta cũng sáng trưng.
Đất liền, ta gọi, nghe ta không?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng.
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc.
Con chim động giấc gào cô đơn.
Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa.
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên.
Mái tóc sầu nung từng sợi đỏ
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên.
Ôi! Lũ cây gầy ven bãi sục,
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh,
Gắng tươi cho đến ngày trời ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh.
San hô mọc tua thêm cành nhánh
Những nổi niềm kia cũng mãi khai

Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tường niệm Người.
3. 1974
(Tạp chí Văn, Sài Gòn)

Nói chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên Nguyễn Mạnh An Dân

*Tô Thùy Yên, tên thật Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp, Gia Định trong một gia đình bình thường, đông các em, cha làm chuyên viên phòng thí nghiệm thuộc Viện Pasteur, sau về Bệnh viện Chợ Rẫy, mẹ nội trợ. Học tiểu học ở Gia Định, trung học ở Sài Gòn (trường Petrus Trương Vĩnh Ký và tư thục Les Lauriers), có ghi danh theo học ở Đại học Văn Khoa Sài Gòn, ban Văn Chương Pháp, một thời gian rồi bỏ dở. Động viên vào cuối năm 1963, khóa 17 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, tại ngũ cho đến ngày 30 – 4 – 1975, chủ yếu trong ngành Chiến Tranh Chính Trị. Cấp bậc cuối cùng: Thiếu Tá. Từ Cộng Sản ba lần, tổng cộng 13 năm. Cuối năm 1993, cùng gia đình sang tị nạn tại Hoa Kỳ, mấy năm đầu ở Saint Paul, Minnesota, sau dọn về Houston, Texas cho đến nay. Thơ Tô Thùy Yên bắt đầu xuất hiện trên báo chí từ năm ông 16 tuổi. Gia nhập nhóm Sáng Tạo thành hình năm 1956, cộng tác đều đặn với nhiều tạp chí văn học ở miền Nam, chủ trương nhà xuất bản văn học Kẻ Sĩ.
Đã xuất bản : Thơ Tuyển (một ấn bản tại Đức năm 1994, một ấn bản tại Mỹ năm 1995), Thấp Tọa (năm 2004).*

Nguyễn Mạnh An Dân: Anh là một tác giả thành danh rất sớm, thường xuyên có thơ văn đăng báo từ khi mới 16, 17 tuổi, và cho đến năm 1975, anh đã gần như liên tục tham dự vào những hoạt động có liên quan đến chữ nghĩa như viết báo văn học, có lúc làm báo văn học, dịch sách văn học Pháp, thậm chí làm cả xuất bản văn học, vậy mà anh lại chẳng cho xuất bản một tác phẩm nào của anh, tại sao vậy?

Tô Thùy Yên: Phải thú nhận là có rất nhiều lúc bất đắc ý với đời sống, tôi đã tỏ ra không mặn mà cho lắm với chữ nghĩa văn chương dù rằng hồi còn trẻ nhỏ, tôi đã cực kỳ mê đắm văn chương, nung nấu ước vọng sau này trở thành một tác giả giá trị. Tôi thường xuyên trăn trở trong cái ý nghĩ gai góc là văn chương phải chăng cũng chỉ là một trò chơi mà mất, dối gạt, phù phiếm, vô bổ. Nên đã có mấy lần, đặc biệt hồi mới vào lính, bị đặt trước một tương lai sinh tử chờn rờn, trong mấy năm liền, tôi đã tự ý dứt khoát xa lìa mọi sinh hoạt văn chương chữ nghĩa, đến độ chỉ một hai người bạn thân ở Sài Gòn lúc bấy giờ biết rõ tôi lưu lạc ở nơi nào của đất nước. Những đại họa giáng xuống con người vô phương tránh đỡ, văn chương cùng lắm cũng chỉ là thêm nữa một tiếng kêu đau. Còn nhớ hồi 19, 20 tuổi, tôi đã viết một câu thơ: Anh định ngày rất gần đây, sẽ thôi làm văn nghệ, tôn giáo của những anh hùng bất lực... Vào cái thời còn là ngựa non, dê cỏn, tôi lẫn quẩn với cái ảo tưởng anh hùng đương đầu với cuộc sống. Sau này, trên 60 tuổi, tôi lại viết: Ôi, kinh điển nào chẳng là bia chú đoạn trường: / Nơi đây nhân loại cùng quẩn không yên nghĩ. Nói chung, trước kia cũng như sau này, đối với tôi, văn chương vẫn chỉ là một chứng từ sao lại về sự thất bại của con người trước cuộc sống. Mặt khác, đối với văn chương, có lẽ tôi là người mắc chứng cầu toàn dù tôi hiểu rõ rằng sự hoàn chỉnh, ở bất cứ lãnh vực nào, cũng chỉ là một khái niệm chớ không thể là một thực tế. Bài thơ nào của tôi đâu có được sửa tới sửa lui bao nhiêu lần, khi đọc lại, tôi vẫn cảm thấy hình như chưa phải vậy. Tôi rất dễ bị ray rứt, dằn vặt chỉ vì một từ chưa ổn, một chữ chưa đắc. Thậm chí nhiều khi tôi cảm thấy hối tiếc sao đã lỡ viết ra chi vậy.

Làm người đi qua trần gian, sao chẳng chịu như con chim bay qua bầu trời, không để lại dấu vết? Dường như không có tác giả nào không ân hận ít nhiều về những sai sót trong những tác phẩm đã công bố của mình. Là người sử dụng chữ nghĩa, nhưng tôi lại thường xuyên cảm thấy một cách vô vọng sự bất lực hàm hồ, đôi khi cả sự bôii phản giáo ngộ của chữ nghĩa. Thậm chí lắm lúc tôi có cái ý nghĩ kỳ quặc là bài viết mới phải chăng là để sửa chữa bổ túc gì đó cho những bài viết cũ của mình. Thành thử, trước giờ tôi không hề có thói quen lưu giữ những bài viết đã đăng báo của mình. Nói chi tới việc gom góp lại cho in thành một cuốn sách.

- Có nhiều lý do nhưng lý do chính yếu có lẽ vẫn chương như người vợ hiền, đã chẳng phải để bỏ nhau khi hoạn nạn cùng đường thì chẳng bao giờ còn để bỏ nhau được nữa. Sau ngày 30 – 4 – 1975, bị trói tay, bịt miệng, thóa mạ, chà đạp, đọa đày, tôi càng nhận chân rằng có lẽ chẳng chỉ riêng gì đối với cá nhân tôi, trong những hoàn cảnh nghiệt ngã mà con người có thể sắp bị tước bỏ chính cái nhân phẩm của mình, thật sự vẫn chương đã là một trong những trợ lực hữu hiệu để con người còn đứng vững được một cách xứng đáng. Cảm động hơn cả là chính trong tình huống cùng khổn khắc nghiệt đó, có nhiều bạn đồng cảnh đã nhiều lần trân trọng đọc bình cho tôi nghe chính những câu thơ nào đó của tôi viết từ những đời thuở xa xôi nào, trong số có nhiều câu thật tình tôi chẳng còn nhớ ra. Những lúc đó, tôi bỗng bồi hồi ý thức về một món nợ tình cảm lớn lao chưa trang trải, về một lời hứa nghiêm trọng chưa thi hành. Mãi sau này, mỗi khi cảm thấy lơ là ngao ngán với chữ nghĩa, tôi lại bản thân hồi tưởng một thời đau đớn đắng đẵng thềm có được giấy bút và tự do. Cũng y như mỗi lần bỏ lại thức ăn thừa mứa, tôi không tránh khỏi lạng người giây lâu vì những kỷ niệm mười mấy năm đói kiệt. Nói chung, về văn chương, tôi đặc biệt yêu quý lời nói này của cổ nhân Trung Quốc: Ta hồ! Văn chương chi sự, thốn tâm thiên cổ! (Tạm dịch: Than ôi! Cái chuyện văn chương, tác lòng thiên cổ!) Quả động tâm can, tiếng chép miệng ta hồ bản thân khuya khoát đó.

- Hình như hầu hết những thi sĩ thành danh xưa nay đều bắt đầu làm thơ từ tuổi 16, 17. Qua kinh nghiệm bản thân, anh giải thích sao về điều này?

- Quả là hầu hết những thi sĩ thành danh xưa nay đều đã làm thơ từ tuổi 16, 17 hoặc sớm hơn nữa, tuy chúng ta vẫn thường có trong trí tưởng hình ảnh những nhà thơ lão trượng râu tóc rạng ngời như Homer, Khuất Nguyên, Nguyễn Bình Khiêm, Hugo, Tagore... Tôi không chắc là tôi có thể có một lời giải thích thỏa đáng nào. Tôi chỉ mơ hồ cảm thấy rằng dường như thi ca là buổi hừng đông của nhân loại, là tiếng reo hừng khởi của cảm thức vừa bừng dậy của con người trước những huyền nhiệm thiên hình vạn trạng của sự sống. Nếu bản chất của triết học là tra vấn thì bản chất của thi ca phải là tán thán. Thành thử thông thường, người ta đến với thơ ngay từ khi mới lớn, tức lúc cảm thức về đời sống vừa định hình.

- Nhưng cũng có những trường hợp không phải là hiếm ít những người cả đời chưa từng làm thơ, thậm chí chưa từng biết đến thơ nhưng khi về già lại say mê làm thơ. Anh nghĩ sao về những trường hợp này?

- Phải chăng tuổi già cũng là giai đoạn mà cảm thức về đời sống sau bao nhiêu xô giạt đảo điên, được hồi định, tức lấy lại cái dạng thái sơ khởi hồn nhiên của nó? Vả lại, dường như đến một lúc nào đó trong đời, sau khi đã thất bại vô vọng với những thử nghiệm khả hữu ngỗ hầu chụp bắt được cái thực tướng thường trực trá hình trốn chạy của đời sống, người ta phải viện đến cái phương tiện khiếm khuyết cuối cùng của cảm thức là thơ trong việc săn đuổi hằng hằng đó. Thơ, một phương tiện mờ ảo, mơ hồ, bất đắc dĩ, chẳng thể khác được, như lời kệ thiền, công án thiền, kệ chữ và chỉ nhằm phác gợi chứ không hề nhằm thuyết phục hay áp đặt, do đó thơ dễ dàng vượt ngoài mọi khuôn phép, vô giới hạn.

- Riêng phần anh, bây giờ tuổi già anh làm thơ có khác với thời còn thanh niên không?

- Dù muốn dù không, ta phải thừa nhận rằng tuổi tác là một trường lớp mà ta chẳng thể nhảy bỏ được, và tất nhiên đã học hỏi được rất nhiều. Nhưng giá học phí mắc mỗ phải trả chính là sự thận trọng đắn đo, điều này cản trở không nhỏ cho việc hình thành một bài thơ. Thơ của một thi sĩ lão thành có thể là thâm trầm hơn, điều luyện hơn nhưng phần lớn chắc chắn là e dè, kèm chế và như vậy, ít nhiều kém phần tươi mơn. Một thi sĩ, nói chung một nghệ sĩ hoàn chỉnh, dù ở tuổi nào, cũng vẫn phải giữ cho bằng được cái tâm tưởng hồn nhiên, không so đo, không quản ngại. Nghệ thuật bao giờ cũng khởi đi phơi phới từ hồn nhiên để rồi sẽ quay về tự tại với hồn nhiên. Đó là tôi nhận định chung vậy thôi. Riêng thơ tôi, xin hoàn toàn để dành cho người đọc đánh giá.

- Nhưng anh lại là một tác giả rất mực đắn đo cân nhắc, sửa chữa tới lui...

- Bản phác thảo là của nghệ sĩ, bản hoàn chỉnh là của nghệ nhân. Nói cách khác, tôi viết nháp một mạch bằng trái tim, hiệu đính nhờ nha bằng khối óc. Lý tưởng vẫn là sự cân bằng hài hòa giữa xúc cảm và tư duy. Một tác giả vô thượng thừa, theo ý tôi, chẳng bao giờ để lộ hình tích tuyệt tử công phu của mình khi thi triển tài năng trong tác phẩm. Một lời thơ siêu tuyệt, tinh túy thơ là một lời thơ nghe chừng dễ như không dù tác giả có phải lao tâm khổ trí đến mức nào khi hình thành nó. Tất nhiên, công kỹ với thơ không hề có nghĩa là làm cho thơ khác biệt hẳn với cách thức tư duy và phát biểu của dân tộc.

- Anh đặt nặng vấn đề tư duy trong văn chương?

- Thật sự, tôi không hề coi yếu tố tư duy nặng hơn là yếu tố xúc cảm trong văn chương. Văn chương mà chẳng tạo được mấy may xúc cảm nào nơi người đọc thì sao gọi được là văn chương? Cũng như một lời nói làm nhằm vô nghĩa lý thì làm sao có thể tạo được xúc cảm nơi người nghe? Thành thử, suy cho xa hơn, vấn đề thật sự muôn đời của văn chương nghệ thuật vẫn là sự trùng nhập đến mức nào đó giữa mạng lưới xúc cảm tư duy cá biệt của tác giả với mạng lưới xúc cảm tư duy tập thể của quần chúng thường ngoạn.

- Lúc này, anh nói lúc trẻ anh từng ao ước sau này trở thành một tác giả giá trị. Vậy theo ý anh, thế nào là một tác giả giá trị?

- Một tác giả giá trị gây bất an và tạo võ vè, và không chỉ được đọc một lần thôi. Hẳn nhiên, giá trị văn chương nghệ thuật phải là một điều kiện tiên quyết.

- Tại sao không chỉ được đọc một lần? Phải chăng sự tối nghĩa cũng là một yếu tố của một tác phẩm giá trị?

- Bản chất của nghệ thuật là phác gợi. Và đã là phác gợi thì chẳng thể nào rõ ràng, thẳng đuột được. Thông thường một tác phẩm sáng rõ mồn một không phải là một tác phẩm giá trị. À ra nó chỉ có vậy thôi, chẳng có gì hơn thế nữa. Nó vẽ vòng giam hãm người đọc, vì vậy không cảm giữ nổi người đọc. Sự trường thọ của một nghệ phẩm là ở chỗ nó luôn còn những chập chờn u ẩn.

- Xin anh nói thêm về điều kiện tiên quyết vừa nêu ra của một tác phẩm văn chương cho là giá trị. Có thể có những định chuẩn giá trị nào khả dĩ áp dụng cho văn chương không?

- Nói về định chuẩn giá trị văn chương nghệ thuật quả không khác gì vớt trắng trong nước. Những định chuẩn văn chương nào đó trước giờø nếu có, cũng chỉ là những định chuẩn chung chung rút ra từ những tác phẩm cũ được công nhận là giá trị mà thôi. Phần nào chúng cũng mang tính chất lỗi thời, hay ít ra cũng là khiếm khuyết. Trong khi mỗi tác phẩm văn chương là một sáng tạo đặc thù mở rộng thêm nữa những chân trời thường ngoạn của quần chúng. Nếu như tác phẩm đó còn tồn tại qua thời gian, chắc

chấn nó sẽ gọi ra thêm những định chuẩn thẩm mỹ mới khác nữa. Do đó, cảm thức của người đọc bao giờ cũng là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc xác định tầm cỡ của một tác phẩm văn chương. Nếu như người sáng tạo là một hào phóng bất chợt nào đó của tạo hóa, thì người thường ngoạn cũng phải là một biệt nhãn họa hoàn nào đó của tạo hóa. Truyền thống Đông Phương đề cao người tri âm văn nghệ ngang hàng với người sáng tạo văn nghệ.

- Tôi không nghĩ là có thể có một giải thích chung ổn thỏa về vấn đề này, một vấn đề có tính cách cá biệt chứ không phải là tập thể. Làm thơ được, hoặc ở quê nhà hoặc ở nơi nào khác, chủ yếu tùy thuộc vào hoàn cảnh cũng như cảm thức riêng tư của từng thi sĩ. Tuy nhiên, mấu chốt chung của những nhà thơ lưu vong hẳn là thảm trạng vĩnh viễn tách lìa khỏi thực tế của dân tộc mình, nhất là khỏi ngôn ngữ của dân tộc mình. Boris Pasternak khi phải chọn lựa từ chối giải Nobel Văn Chương để được ở lại đất nước Nga đã khẳng định: Một thi sĩ không thể sống xa cách dân tộc mình. Trường hợp nữ thi sĩ Marina Tsvetaeva khi trốn chạy khỏi Liên Xô, tự an ủi là trong cảnh lưu vong, ít ra nhà thơ cũng còn may mắn hơn nhà văn, bởi lẽ nhà thơ chủ yếu cần đến cảm thức tâm tư hơn là thực tế xã hội, nhưng rồi sau 20 năm lưu lạc ở Tây Âu, bà lại lộn về Liên Xô chỉ vì quá nhớ quê hương và tiếng nói, để rồi cuối cùng không chịu đựng nổi nữa những thống khổ bầm dập do chế độ toàn trị gây ra, đã phải tự kết liễu oan nghiệt mạng sống của mình khi tuổi mới 50. Nhưng cũng có những trường hợp ngược hẳn lại, như trường hợp Czeslaw Milosz hay Joseph Brodsky chẳng hạn, những nhà thơ này vẫn tiếp tục sáng tác thơ đều đặn khi lưu vong. Còn với Thanh Tâm Tuyền, tôi đoán chừng hồn thơ của anh vốn ăn rễ quá sâu đậm vào cảm thức mãnh liệt của anh về lịch sử đất nước, nên khi phải bứt nhổ khỏi môi trường cố hữu, đã bị chấn tử không hồi phục được. Mấy câu thơ làm khi sắp lìa bỏ Việt Nam của Thanh Tâm Tuyền đáng để suy ngẫm về trường hợp của anh: Rũ bỏ ký ức- ký ức người... Và đi... Biệt trí nhớ khuất ngoài tích sử... Biền biệt qua mảnh vỡ thất tung... Nhớ hồi tôi còn ở Minnesota, có hôm Thanh Tâm Tuyền đến hờn hờ đọc cho tôi nghe một bài thơ vừa làm xong của anh. Tôi nói bài thơ hay, anh nên làm thơ lại, đừng bỏ. Tôi cũng đặt một câu hỏi với anh là đối với một nhà thơ đã có tay nghề cao, phải chăng còn làm được thơ cũng là do thói quen, do thao dượt, do gài gổ gắn bó với chữ nghĩa. Lúc đó, anh nói anh sẽ làm thơ lại nếu như anh tìm được một cách thức viết mới, anh không muốn sao chép lại chính mình, cũng như anh không muốn còn bị ràng buộc vướng víu bởi các tàn tích của quá khứ. Tôi nói đó là điều tuyệt vời, nhưng liệu người ta có thể nào làm những hai lần cách mạng trong đời mình không, hơn nữa sao làm được cách mạng, dù chỉ là cách mạng trong văn chương, khi chẳng có sẵn một môi trường quần chúng lịch sử thích ứng. Và câu chuyện về thơ bữa đó đã phải ngưng ngang bằng sự im lặng hồi lâu của cả hai người. Riêng tôi, tôi chỉ nghĩ đơn giản rằng việc làm thơ hoàn toàn do hoặc nhu cầu, hoặc sở thích, cả hai điều này đều có tính giai đoạn và riêng tư. Điển hình là Rimbaud, lừng danh thi sĩ từ năm 16 tuổi, đến khoảng năm 21 tuổi ngưng hẳn làm thơ cho đến khi qua đời, năm 37 tuổi. Nên tôi hoàn toàn bình tâm thả nổi tôi. Hồn tính của thi sĩ bao giờ chẳng là một hồn tính lang thang?

- Anh là tác giả người miền Nam duy nhất có mặt trong nhóm Sáng Tạo, gồm toàn những văn nghệ sĩ lấy lòng và uy tín gốc miền Bắc, xin anh cho biết nguyên do nào dẫn đến một kết hợp có vẻ như là một biệt lệ đó?

– Hồi đó, vào khoảng cuối năm 1954, sau khi có một hai bài thơ đăng trên tuần báo Đồi Mới, tôi thường lui tới với vị chủ biên của tuần báo đó là nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, người mà tôi rất kính mến. Một số các anh sau này là những tác giả nòng cốt của nhóm Sáng Tạo như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ, ... mới di cư, cũng thường lui tới với ông Nguyễn Đức Quỳnh, và tôi quen với các anh ấy từ đó.

Một hai năm sau, tạp chí Sáng Tạo thành hình và tôi đã gia nhập bằng những bài thơ mà tạp chí sẵn sàng đón nhận. Tôi là đứa trẻ nhất trong nhóm, 17 tuổi, và lại là tên Nam Kỳ duy nhất. Dường như mãi cho đến ngày nay, đại đa số người Việt Nam từ độc giả cho đến tác giả, đều có định kiến nặng nề rằng dân Nam Kỳ không làm văn nghệ được, lại càng không làm thơ được. Tưởng cũng nên nhắc là trước năm 1956, tức trước năm tạp chí Sáng Tạo ra đời, miền Nam chưa hề có một tạp chí nào chuyên thuần về văn học nghệ thuật, và làm thơ viết văn tại miền Nam lúc bấy giờ là một công việc gần như hoàn toàn ẩn mặt phía sau những công việc sinh sống khác, hoặc giả thường đồng hóa với công việc làm báo. Nên theo chỗ hiểu biết có thể là thiếu sót của tôi thì lúc bấy giờ tại miền Nam, những người làm văn chương thường không có những sinh hoạt văn nghệ tập thể, khiến người ta dễ có cảm tưởng là trên phương diện văn nghệ, miền Nam là một vùng đất hoàn toàn hoang dã, tuyệt nhiên không có sự hiện diện của quần chúng văn nghệ, độc giả cũng như tác giả. Riêng đối với tôi cũng như các anh trong nhóm Sáng Tạo, chẳng ai đặt thành vấn đề phân biệt Bắc Trung Nam, bởi việc kết hợp nhau trong một phong trào văn nghệ chủ yếu căn cứ vào việc đồng chia sẻ những quan điểm văn nghệ và tài năng cá nhân cùng tình bạn giữa những người trong nhóm với nhau, chớ nhất định không phải là vấn đề địa phương quê quán. Hơn nữa, theo chỗ tôi nhận thấy, mọi người trong nhóm đều phóng khoáng, đặc biệt là Mai Thảo với tư cách chủ biên, hề thấy ai viết được, chơi được là sẵn sàng mở cửa mời vào. Thí dụ trường hợp Quách Thoại, gốc miền Trung. Hẳn nhiên, chúng tôi thỉnh thoảng cũng có dùng những chữ Nam Kỳ, Bắc Kỳ với nhau để đùa giỡn chớ hoàn toàn không có chút hàm ý kỳ thị nào cả. Hơn nữa, toàn thể các anh trong nhóm, hồi đó cũng như sau này, rất lấy làm thích thú vì tôi là một tên Nam Kỳ Quốc, với cái tính khí đặc thù của địa phương mà các anh đang cố gắng hội nhập.

- Xin anh cho biết – được hiểu như một chứng liệu sống của một người trong cuộc- về mục đích và khuynh hướng sáng tác của nhóm Sáng Tạo, đồng thời cũng xin cho biết về những thành quả đã đạt được cùng những dự định dang dở nếu có.

- Chủ trương của nhóm Sáng Tạo rất đơn giản, rõ ràng: làm mới văn học nghệ thuật. Còn làm mới như thế nào hoàn toàn tùy thuộc ở mỗi cá nhân tác giả, chẳng ai bảo ban gò ép ai. Nhóm Sáng Tạo gồm những tác giả cấp tiến lúc bấy giờ quy tụ chung quanh tạp chí Sáng Tạo, chớ chẳng phải là một văn đoàn với cương lĩnh, kế hoạch này nọ. Thời gian hiện diện của tạp chí này cũng rất ngắn ngủi, chỉ vài năm thôi nên khó thể định giá được một cách chuẩn xác những thành quả của nhóm, nếu chỉ thuần căn cứ vào những tác phẩm ít ỏi đã hình thành lúc bấy giờ của nhóm. Tuy nhiên, hầu hết những ai có quan tâm đến văn chương nghệ thuật đều sẵn sàng thừa nhận rằng ảnh hưởng của nhóm đối với sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam thật là sâu xa. Chẳng những đối với độc giả mà cả những tác giả về sau, cách thức sáng tác văn nghệ cũng như thường ngoạn văn nghệ nói chung rõ ràng không còn giống như trước nữa. Còn về những dự định dang dở, chần chẫn phải nhiều lắm. Lúc đó, hầu hết những tác giả của nhóm nói riêng, và cả những tác giả ngoại vi nói chung, còn quá trẻ, hẳn nhiên còn ôm ấp thiết tha bao nhiêu hoài bão, nhưng rồi lại không có đủ những điều kiện thuận lợi, nhất là thời gian cần đủ để thực hiện trọn vẹn. Nghĩ mà xót.

- Nói làm mới văn học nghệ thuật là một hành vi hoàn toàn tự do, cá nhân, vậy anh có nghĩ rằng có thể có một sự làm mới khơi khơi, chẳng cần phải bắt nguồn từ một điều gì đó hay không?

- Sáng tạo đương nhiên là làm mới, là cá biệt. Tuy nhiên, trong văn học nghệ thuật, xét sâu xa nghiêm chỉnh, tôi không tin là có thể có một sự làm mới khơi khơi, làm mới vì muốn chơi trội, làm mới chỉ để làm mới. Sự làm mới nào của văn chương nghệ thuật cũng phải nương tựa vào một nhu cầu khẩn thiết nào đó của đời sống đã biến chuyển.

Tính lịch sử của tác phẩm là điều chẳng thể phủ nhận. Nghệ thuật là bóng ảo của đời sống, và vì nhờ là cái bóng ảo nên nó có thể làm hiển lộ cái tương tinh ẩn khuất của đời sống. Ngoài mức độ tài năng ra, sự thành bại của một cá nhân tác giả hoặc của cả một phong trào văn nghệ còn là có nhập được vào chính mạch đập của thời đại hay không.

- Có không ít người cho rằng phần đóng góp quan trọng nhất của nhóm Sáng Tạo vào nền văn học là thơ. Anh nghĩ sao về nhận định này?

- Nhận định này, theo ý tôi, chỉ đúng một phần, cái phần nổi. Ở Việt Nam, dường như cái phần nổi của một phong trào văn nghệ bao giờ cũng là thơ. Lấy thí dụ sinh hoạt văn học thời tiền chiến, thơ mới đã gây nhiều tranh luận ồn ào cũng như tạo nhiều ảnh hưởng sâu đậm hơn là văn. Tại sao vậy? Tôi hoàn toàn không nghĩ là dân tộc Việt Nam yêu thơ hơn là những dân tộc khác. Tôi chỉ nghĩ có lẽ dân tộc Việt Nam ít khi được yên ổn rảnh rang lâu dài, và làm một bài thơ không đòi hỏi nhiều thời giờ như là viết một quyển tiểu thuyết, chẳng hạn. Trở lại nhóm Sáng Tạo. Tôi nghĩ rằng phần đóng góp quan trọng của tạp chí Sáng Tạo là đã tiên phong phá vỡ những giam hãm tù đọng đối với cảm thức văn học nghệ thuật tại miền Nam, bước đầu chuyển đưa văn học nghệ thuật miền Nam vào một kỷ nguyên mới khác.

- Anh vừa đề cập đến thời lượng tương đối ngắn để làm một bài thơ, nhưng anh lại là tác giả nhiều bài thơ dài hơi, những bài thơ mênh mông bát ngát, xem chừng đòi hỏi một thời lượng làm việc không ngắn. Vậy anh quan niệm như thế nào về một bài thơ dài hơi cùng sự hình thành nó?

- Một bài thơ dài hơi tất nhiên chẳng phải đơn thuần là một bài thơ có nhiều câu, nhiều chữ. Điều bất lợi thấy ngay của một bài thơ dài hơi là người đọc dễ mất kiên nhẫn để đọc nó liên tục, cũng như không thể nhớ thuộc nó trọn vẹn. Còn đối với thi sĩ, làm một bài thơ dài hơi rất dễ bị sa đà, lảm nhảm. Do đó, tất cả những chi tiết phong phú trong một bài thơ dài hơi phải thật sự đắt giá ở chỗ cùng góp phần hữu hiệu vào việc làm sáng lên thêm chủ đề của bài thơ y như những mảng màu sắc tưng bừng tách biệt, chẳng ăn nhập gì nhau trong một họa phẩm ghép khảm. Tinh ý một chút, người đọc sẽ nhận ra rằng có nhiều đoạn ngắn trong bài thơ dài hơi thành công, nếu được trích tách độc lập, tự đoạn thơ ấy thôi có thể đã là một bài thơ ngắn hoàn chỉnh, kiểu tứ tuyệt Trung Quốc hay haiku Nhật Bản, nếu muốn so sánh. Tất nhiên, làm một bài thơ dài hơi bao giờ cũng đòi hỏi nhiều công sức hơn, đặc biệt thi sĩ phải nuôi dưỡng duy trì sự tập trung xúc cảm tư duy lâu dài hơn, mệt mỏi hơn. Công khó ghê gớm nhất đối với nhà thơ là gây được không khí cảm hứng thơ. Và lại càng khó hơn gấp bội khi phải gây lại cho bằng được cái không khí từng bị ngắt ngang, bỏ dở đó. Thành thử, xong được một bài thơ, việc đầu tiên ta phải làm là cảm ơn vợ con đã biết ý để yên cho trong suốt thời gian ta làm bài thơ đó.

- Một bài thơ rất nổi tiếng của anh, bài Chiều Trên Phá Tam Giang chuyên chở cả một cái nhìn đầy tính nhân bản, đầy tình tự dân tộc, vượt lên trên những đối nghịch vô cùng bi thảm của những chủ thuyết giáo điều, vãn vãn... Anh nghĩ sao về nhận xét này? Anh gợi cảm điều gì trong bài thơ đó? Và bây giờ, sau bao nhiêu năm dâu bể, nếu viết lại Chiều Trên Phá Tam Giang, anh có còn giữ cái nhìn đó về cuộc chiến đã qua không?

- Một tác giả tự trọng không bao giờ nên giải thích thêm nữa về tác phẩm của mình. Yếu tính của nghệ thuật là tự nó nói lên, đúng hơn là gợi lên, bằng những phương tiện đặc thù của mỗi tác phẩm những gì mà người nghệ sĩ muốn truyền đạt. Chung cho tất cả những bài thơ khác của tôi, chớ chẳng riêng gì với bài Chiều Trên Phá Tam Giang, tôi xin phép không phải làm một việc vô ích nữa là phụ chú. Còn giả dụ bây giờ nếu phải viết lại bài thơ Chiều Trên Phá Tam Giang, tôi có giữ nguyên cái nhìn như cũ không? Tôi sẽ trả lời là có mà chẳng phải ngần ngại gì. Chiến tranh, nhất là chiến tranh ủy

nhệm huynh đệ tương tàn, bao giờ lại chẳng gây thương tổn nặng nề cho nhân phẩm? Hẳn nhiên, trong thâm tâm, tôi mong mỗi tôi, hoặc là một thi sĩ nào khác sau tôi, sẽ chẳng bao giờ phải viết nữa một bài thơ tung tóe máu xương như vậy. Tôi liên tưởng đến một kỷ niệm đặc biệt với Thanh Tâm Tuyền. Hồi đó, khoảng bắt đầu thập niên 90, anh đang thu xếp chờ ngày đi Mỹ, và trong một lần đến chơi với tôi, anh ngồi ngó mông ra ngõ trước nhà tôi một lúc lâu và buột miệng nói đất nước này rồi sẽ phải trải qua những biến động lịch sử tan tác kinh hồn chẳng thể cản tránh được, tôi ra đi xa lánh, anh còn ở lại, anh hoặc là ai đó sẽ phải viết một bài thơ mà chất liệu là núi xương sông máu, là hằng triệu cái xác chết. Lúc đó, tôi lặng thinh nhìn anh và thấy lại trước mắt không phải một Thanh Tâm Tuyền đã bắt đầu già chậm từ cử chỉ đến lời nói mà là một Thanh Tâm Tuyền nhiệt tình đau đớn của cái thời: Hãy cho anh khóc bằng mắt em/ Những cuộc tình duyên Budapest. Cũng trong hôm đó, anh có mang đến cho tôi mấy quyển sách ngoại quốc cũ, và trước khi ra về, anh mượn bút ghi lại nơi trang đầu của một quyển câu thơ cuối của tập Exil (Lưu Vong) của Saint-John Perse: Et c'est l'heure, ô Poète, de décliner ton nom, ta naissance, et ta race... (Xin tạm dịch: Và đã đến giờ, hỡi Thi Sĩ, trút bỏ danh tính người, dòng dõi người, và giống nòi người...) May mắn thay cho đến nay, thi sĩ Việt Nam chưa bị thúc bách phải viết ra bài thơ mà Thanh Tâm Tuyền viễn kiến đó.

- Trong quá khứ, hình như thơ Tô Thùy Yên gắn liền với nhịp thở của cả một thế hệ Việt Nam. Cụ thể là những hào sảng bi hùng của người lính tác chiến Tô Thùy Yên, những bình thản đối diện và những lạc quan vượt lên trên những khổ lụy đời thường và hướng đến một cái gì hằng cửu đầy tính người của người tù Tô Thùy Yên. Vậy bây giờ thơ Tô Thùy Yên đang nhắm tới điều gì?

- Tôi đang nhắm tới điều gì cho thơ tôi? Quả tình tôi không biết phải trả lời như thế nào cho được trung thực. Tôi vẫn luôn quan niệm rằng hồn thơ, ít nhất là trong trường hợp cá nhân riêng rẽ của tôi, là một tâm thái thường trực trôi nổi bất định, và bài thơ được làm ra như là một phản ứng hoàn toàn tùy duyên đưa đẩy. Nên với một nhà thơ, ước ao là một chuyện và bài thơ làm thành được lại là chuyện khác, hai chuyện này thường khi chẳng hề đồng dạng, nói chi đến đồng cỡ, và hẳn nhiên chẳng thể nào nói trước được. Với tôi, mỗi bài thơ hoàn tất quả là một may mắn bất ngờ vượt xa ngoài mọi dự kiến. Đời mình rồi sẽ sống hết, còn lòng mình thôi thì viết được chút nào, hay chút đó, biết sao hơn?

- Tôi vẫn hằng ao ước có đủ duyên may thành được một thi sĩ xứng đáng với những lời thơ thống khổ và hàm ơn của kiếp người, những lời thơ động lòng người, động lòng trời đất. Nói như vậy cũng nhằm tỏ lộ chính tác lòng của mình đối với người đọc, đối với văn chương.

- Xin cảm ơn anh đã chia sẻ với chúng tôi và độc giả Tin Văn những ý kiến và nhận định hết sức cụ thể và giá trị gần như là những lời tâm tình tim gan từ một tâm hồn đã chín mùi, đã trầm lắng lại đủ để thấy được cái "lượng từ tâm của đất trời" và để nhận ra được "thế giới vui từ mỗi lẻ loi". Hy vọng và tin tưởng tủ sách của người yêu thơ không chỉ có Thi Tuyền và Thấp Tạ